

Thư tòa soạn

(Chim Việt Vành Nam số 24 ngày 15-08-2006)

Xưa nay, lịch sử các nước rất ít khi kể chuyện đàn bà điều binh khiển tướng, cầm quân đánh giặc. Nước Pháp hai ngàn năm được một Jeanne d'Arc. Trong các nước Á Đông nặng nợ Nho giáo, với " Tam tông Tứ Đức, Phu xướng phụ tùy ", người đàn bà hẳn chỉ còn một đường nội trợ .



Nhưng xứ ta phải chăng là một ngoại lệ ? Văn có bà Nguyễn Thị Du, vào thế kỷ XVII cải dạng nam trang thi đỗ Trạng Nguyên , Võ có Trung Trắc, Trung Nhị, Bà Triệu, Đô Đốc Bùi Thị Xuân... tay cò tay kiếm. Và ngay cả về luật pháp , với luật Hồng Đức thời Lê, vai trò của người phụ nữ đã được đề cao hơn rất nhiều so với các bộ luật đương thời trong khu vực.

Bên cạnh những nhân vật được sử sách ghi lại rõ ràng điển tích, còn nhiều vị ít được biết tới, như các nữ tướng thời hai bà Trưng, cầm đầu các đạo quân, khi trấn giữ sông ngòi, biên ải, khi xung trận bộc phá ngoại xâm . Những nữ tướng này, được làng xã nhiều nơi lập miếu thờ từ những ngày xa xưa, được vua chúa các triều đại, từ Đinh , Tiền Lê, Trần, Hậu Lê cho đến triều Nguyễn sắc phong, đề thơ truy tặng.

Dựa vào tư liệu lịch sử và truyền thuyết dân gian, Nguyễn Khắc Xương , qua thể truyện Dã Sử kể lại cuộc đời của 20 Nữ tướng thời Trưng Vương.

Khởi đầu, ta xem chuyện 4 nữ tướng : [1 - Thánh Thiên Nữ Tướng](#) / [2 - Lê Chân Tướng Quân Miền Biển](#) / [3 - Bát Nạn Đại Tướng](#) / [4 - Nàng Nội, Tướng vùng Bạch Hạc](#)

Những nhân vật lịch sử này chắc chắn có thật, dù đời sau, dân gian hẳn có thêm hoa thêm nét theo trí tưởng tượng, theo những hoài bão ước mơ của mình.

Ngẫm cho cùng, dù dữ kiện lịch sử , hay ước mơ , huyền thoại, hay niềm tự hào về quá khứ oai hùng của dân tộc, tất cả đều là sự thực. Vì ước mơ, huyền thoại, niềm tự hào là những tâm tư thực có nơi con người Việt Nam, do chính lịch sử dân tộc Việt tạo thành.

Và ngược lại, chính những tâm tư này cũng góp phần đôn đốc, xây dựng nên lịch sử đó.



Mời bạn vào chơi vườn Chim Việt, nhàn du không định hướng.

Đã hơn 6 năm , " *Chim Việt Cảnh Nam (*)* mở ra với ý nguyện làm một nhịp cầu nhỏ nhỏ giữa bạn đọc và những người sáng tác mười phương...

Có hạn về nhân lực, chúng tôi không có tham vọng làm "nghệ thuật", chỉ xin được làm người mở cổng.

Mời bạn vào vườn, dạo bước, có hoa lá, có bướm chim, có nắng mưa nhưng hẳn cũng có gai góc sỏi đá. Mệt à ? cứ tự tại ngồi nghỉ, thông chân duỗi tay. Thoải mái, bạn ở chơi lâu; nếu bạn việc hay có hẹn cứ tự tiện ra về, ngày mai, tuần tới, năm tới ta lại gặp nhau mà !

Mong sao Chim Việt Cảnh Nam sẽ là không gian của mọi người, người xưa, người nay, có những đóng góp xây dựng cho vừa lòng nhau. Những tấm lòng giàu Chân-Thiện-Mỹ. " (Lá Thư tòa soạn số 11)

Ta có thể bắt đầu với Nguyễn Dư , qua bài "[Tre trúc Việt Nam](#)" , tìm câu trả lời cho bài toán đồ thật khó khăn : "trúc là tre hay khác tre ? Là... cả hai! Thế mới... điên cái đầu ! "

Rồi cùng Trần Kim Sơn xem "[Đá cầu](#) " (Video), một trò chơi của nhiều người trong chúng ta thuở cấp sách tới trường , hay theo Trịnh Nguyên Phước lên núi đồi Việt Bắc tìm gặp những nét "[duyên dáng người Bắc Hà](#) " .

Bạn thả hồn theo "[Những bài hát tôi yêu](#) " , là những bài tình ca đã làm rung động tâm hồn bao thế hệ, rồi hòa mình vào những vần thơ nhẹ nhàng trong sáng của Quỳnh Chi : [Hoa đỗ quyên](#) - [Núi](#) - [Jigsaw puzzle](#) - [Lối cỏ](#) - [Trà sen](#) , đượm tình quê hương của Bùi văn Bồng : [Hương cau](#) - [Quê ngoại](#) - [Tây đô xanh](#) - [Tiếng đờn đêm trắng](#) - [Lặng thầm](#) , thâm sâu của Vũ Tiến Lập : [trú xứ](#) - [ngâm nhâm](#) - [con sôt](#) , hay những tuyệt tác của thi đàn Âu Tây được Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển ngữ : [Chò xuân](#) (Amy Lowell) - [Người bán hoa đào](#) (Amy Lowell) - [Gương sáng](#) (William Henry Davies).

Ta cũng có thể nhập bọn với nhóm văn bút tự xưng " Ăn Tục Nói Phét". Nghe xưng danh như vậy ta không khỏi lầy lăm lăm, và khi đọc các bài viết của nhóm, lại càng thấy lầy hơn, thắc mắc tự hỏi Ăn Tục Nói Phét ở chỗ nào nhỉ ? Văn, thơ, lịch sử, triết lý, phong tục Tây Ta, chữ Nho, chữ Tây ... khi nhẹ nhàng dí dỏm, khi sâu sắc bác học, nhưng "Tục" chẳng thấy mà "Phét" lại có sách, mách có chứng có cứ đàng hoàng.

Chợt nhớ lời người xưa " *Ta nói vậy, không phải vậy, ấy mới là vậy* "

Có thể chứ, "*Ta nói Tục, đừng hiểu là Tục, như vậy mới thấu nghĩa chữ Tục*", "*Ta nói là Phét, đừng hiểu Phét theo thói quen người đời, như vậy mới thấu rõ nghĩa chữ Phét*".

Hình như đoán được thắc mắc của mọi người, Hoàng Lão Tà, một tay nửa chính nửa tà, qua hai bài - [Ăn tục nói phét](#) và [Ăn chơi](#), đã lên tiếng giải bày tâm sự của những kẻ mang danh nói Phét.

Rời nhóm ATNP, ta ghé thăm Nguyên Si với chuyện Thiền.

Một câu chuyện Thiền thường chỉ là một câu chuyện gợi ý suy ngẫm. Nó chỉ gợi ý, không chỉ rõ thế nào là chân lý, và càng không phải là chân lý. Nó chỉ là "ngón tay chỉ mặt trăng", ta nương theo ngón tay tìm đến mặt trăng, đừng nhầm lẫn ngón tay là mặt trăng.

" Mỗi lần chop mắt là gã (samourai) mơ thấy "meo". Tỉnh dậy, chung quanh gã tất cả là "meo". Chính gã cũng trở thành "meo"

(...)

Vị thiền sư thở dài : Nếu không thắng được những tiếng "meo" kia, thì ngươi chỉ còn có một cách là tự sát !

(...)

Sau khi sửa soạn nghi lễ xong, gã ngồi xuống, vạch áo, hai tay cầm chiếc dao hướng vào bụng mình. Vị thiền sư đứng sau gã, giờ cao kiểm. "Bắt đầu đi !", ông ra lệnh.

Gã samourai từ từ đặt lưỡi dao vào bụng mình, mồ hôi nhỏ giọt ... "

Khi trích lại câu chuyện [Những tiếng meo](#) và luận bàn thêm sau đó, Nguyên Si không hề muốn đưa ra một chân lý nào, mà chỉ mượn truyện để suy ngẫm và khơi duyên cho mọi người suy ngẫm luận bàn thêm.

Truyện ngắn [Tiếng hót chim Vàng Anh](#) của Quỳnh Chi, mới đọc dường như là một truyện tình cảm, riêng tư, nhẹ nhàng, nhưng thực ra tiềm ẩn một đề tài hết sức quan trọng cho đời sống gia đình : *sự thờ ơ do thói quen đưa tới trong cuộc sống*. Qua năm tháng, sống trong hạnh phúc, quen với hạnh phúc, ta quên rằng hạnh phúc lúc nào cũng

cần được bảo vệ, cần được nhắc nhở, tương quan vợ chồng phải được chú tâm, ngọn lửa thủa ban đầu cần được luôn luôn khơi lại . Trong cuộc sống gia đình có hai người , không thể chỉ quy về một. Và những ai mơ chuyện " trị quốc", "bình thiên hạ " có lẽ không nên quên rằng khởi đầu , trước hết vẫn là "tê gia" .

Một điều nhỏ riêng tư : Mong rằng sau khi đọc truyện này, các " chim Vàng Anh " đừng nhưc đầu chóng mặt ...

Võ Quang Yến qua bài : [Việt Nam Hôm Qua và Hôm nay](#) tường thuật lại một số sinh hoạt văn hóa tại Pháp trong tháng 4 và tháng 5 : Từ 24 đến 29 tháng 4 năm 2006, Nhà hát Châtelet ở Paris đã tổ chức một tuần lễ nhạc kịch Việt nam tựa đề Vietnam d'hier et d'aujourd'hui (Việt Nam hôm qua và hôm nay) trong chương trình Moments Musicaux (Khoảng nhạc) - Mémoire d'enfants (Ký ức thời trẻ). Vì được trình bày nhiều lần, cuộc trình diễn của nhà Hát Chèo Việt Nam có thể xem là tiết mục chính của tuần lễ văn hóa này. Một đoàn Châu văn cũng được đưa qua trình diễn chiều hôm chủ nhật 14.05 ở Nhà Radio France.

*Kiến thiết quốc gia
Giúp đồng bào ta
Xây đắp muôn người
Được nên cửa nhà ...*

Tất cả những ai sống tại miền Nam trong những năm 50-70 đều quen thuộc với mấy câu hát kêu gọi mua vé số số này . Tác giả là "Quái kiệt" Trần Văn Trạch, một nhạc sĩ với những bài hát thuộc một " thể loại đặc biệt ", đùa giỡn, châm chọc, với một lối phát âm đặc xệt miền Nam, lời lẽ đơn giản, câu chữ thường dùng trong đời sống hàng ngày, bám sát vào đời sống người " bình dân ". Nhạc sĩ Trần Quang Hải nhắc lại cuộc đời của chú mình qua bài : [Trần Văn Trạch , nhạc sĩ hài hước của làng tân nhạc Việt Nam \(1924-1994\)](#)

" Nói đến "ăn chay" thông thường người ta liên tưởng đến Phật giáo. Thật ra ý niệm ăn chay với người Tây phương, như tại đây tôi ám chỉ người Mỹ, những bạn bè mà tôi đã tiếp xúc, họ ăn kiêng cho sức khỏe,... " Bài [Ăn Uống Vì Sức Khỏe](#) , Việt Hải đã viết vào đầu xuân, vào dịp Tết. Xuân, hạ đã qua, nay bước vào thu, nhưng vấn đề Ăn uống vì sức khỏe nào phải đã quá thời ?

" Cái húc đầu " của cầu thủ [Zidane](#) trong trận đấu giải về bóng đá vừa qua đã khiến cả thế giới xôn xao, truyền ra cả đến ngoài giới hâm mộ thể thao . Phê phán hay "thông cảm" Zidane ? Zidane phải có thái độ nào khi bị khiêu khích ? cuộc tranh cãi đôi khi trở nên khá gay gắt. Xuân Sương lùi một bước để ngắm nhìn vấn đề với con mắt phóng khoáng bình thản hơn : *"Mỗi con người là một vũ trụ riêng biệt, có khi nói bằng lời hay bằng chữ mà cũng có thể còn hiểu lầm nhau..."*

.Võ Kỳ Điền ghi lại : [Vài kỷ niệm với điêu khắc gia Lê Thành Nhơn](#) và Bích Phượng , qua những bài thơ cổ và những vần thơ trao đổi giữa thi hữu gợi lại phong cảnh hữu tình của [Non nước Hàng Châu](#)

Cũng như mọi khi, khu vườn Nhật luôn luôn rực rỡ, muôn hoa đua sắc. Lần này ta sẽ tiếp kiến bốn tác giả quen thuộc: DDTM, Phạm Vũ Thịnh, Cung Điền và Nguyễn Nam Trân.

DDTM giới thiệu Kawabata Yasunari qua hai truyện ngắn : [Mắt me](#) - [Tâm ảnh](#)

Với Phạm Vũ Thịnh [Dazai Osamu - Tiểu thuyết gia hiện đại Nhật Bản](#) là

"tiếng nói văn học Nhật Bản tiêu biểu của thời kỳ vừa chấm dứt Thế Chiến thứ hai .

(...)

Tác phẩm của Dazai hàm chứa một nỗi bi quan sâu đậm, điều không có gì lạ ở một người đã nhiều lần muốn tự chấm dứt đời mình. Các nhân vật tiểu thuyết của ông cũng quan niệm chuyện tự tử như phương cách duy nhất có thể thay thế cho đời sống địa ngục của họ, nhưng lại thường thất bại trong chuyện tự tử, chính vì tâm lý khinh bạc đối với đời sống, coi chuyện sống hay chết chẳng là điều gì hệ trọng. " - [Xe lửa](#) (Dazai Osamu) - [Phong cảnh hoàng kim](#) (Dazai Osamu)

Cung Điền : [Đời Khi](#) (Dazai Osamu)

Phạm Vũ Thịnh lại gửi tặng thêm một bài hát Nhật được dịch qua Việt ngữ : [Thu Vắng](#) (Nhạc và lời Nhật / PVT dịch)

Nguyễn Nam Trân tiếp tục giới thiệu "Văn học sử Nhật Bản". Mỗi bài viết, tự nó rất súc tích, chính xác, không dễ gì tóm thâu ý trong hai ba câu.

Có ăn mật mới biết vị ngọt của mật , mời bạn nếm vị mật của các bài Văn học sử Nhật Bản, lần này với ba đề tài : [Lịch sử Haiku](#) - [Ba Trăm Năm Tiểu Thuyết EDO : Khi Văn Học Thi Dân Khai Hoa Kết Trái](#) - [Vượt Qua Thời Hậu Chiến](#)

Kể từ số trước, Chim Việt Cành Nam, theo lời khuyên của độc giả đã mờ phần cổ văn.

Trong mục thơ cổ, xin giới thiệu ba bài thơ cổ, [Hành dịch đăng gia sơn](#) (Phạm Sư Mạnh) do Phạm Sư Mạnh đời Trần viết ("Triều nhà Trần năm thứ 144, tháng 9, ngày 5, chức Nhập nội Hữu nạp ngôn là HiệpThạch Phạm Sư Mạnh vâng lệnh nhà vua đi tuyển duyệt binh

lính năm lộ, lên núi Thạch Môn, làm bài thơ này. Dương Nham Phạm Sư Mạnh viết. " Bài thơ này vốn không có đầu bài. Hiện còn bản khắc đá trên vách hang núi Kính Chủ thuộc xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ngày nay.) và hai bài kia không rõ tác giả : - [Du Phật Tích sơn Ngẫu đề](#) - [Đề Báo Thiên Pháp](#)

Một số bài thơ cổ Trung Quốc được Quỳnh Chi phóng dịch : Bạch Cư Dị : [Thái liên khúc](#) Lý Bạch : [Thái liên khúc nhị thủ](#) Lý Thương Ẩn : [Thường Nga](#) - [Vô đề 1](#) - [Vô đề 2](#) Mạnh Hạo Nhiên : [Hạ nhật nam đình hoài tân đại](#) Tiết Đào : [Tống hữu nhân](#) Vương Xương Linh : [Thái liên khúc](#)

. Nguyễn Văn Lục : [Việc gả chồng cho các công chúa triều Nguyễn](#)

"Trong nhân gian lấy nhau thời xưa cũng đã phức tạp rồi. Có đến 6 cái lễ chính : từ Nạp Thái, Ván sanh, Nạp cát, Nạp lệ, Thỉnh kỳ rồi cuối cùng là Nghinh hôn. Cứ nhân cái phức tạp này lên bốn năm lần may ra hiểu được cái phức tạp của việc gả chồng cho các công chúa. Nhưng nếu có điều gì dễ dàng thì chỉ có một điều : Các công chúa bảo đảm là có chồng, không người này thì người khác. "

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh : [Đông Cung Nhục Trinh](#) (hay câu chuyện Hoàng Tử Cảnh và hậu duệ) : *" Cho tới nay, phần đông chúng ta chỉ biết Hoàng tử Cảnh sang Pháp rồi về nước, chết vì bệnh đậu mùa, nhưng không mấy người rõ chết năm bao nhiêu tuổi, đã làm nên sự nghiệp gì, Hoàng tử là con người như thế nào vv. ? Đến đầu thế kỷ này mới lại thấy nhắc đến đích tữ tôn của Hoàng tử là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để do Phan Bội Châu tôn làm Minh chủ Việt-Nam Quang Phục Hội."*



. Lê Văn Hảo : [Việt Nam Văn Hiến Ngàn Năm](#) (tiếp theo)

Chúng ta đã cùng Lê Văn Hảo, đi thăm các đại vùng và vùng văn hóa của dân tộc (xem "[Việt Nam nước non ngàn dặm](#)").

Bây giờ hãy vượt thời gian đi từ thuở các vua Hùng, vua Thục, vua Trưng tới ngày nay .

Lần này , xin mời bạn đọc :

[4. Thời Trần \(1225-1400\) - hay 175 năm tiếp tục phát triển văn hóa Thăng Long](#)

[5. Thời Hồ \(1400-1407\) - hay 7 năm ngắn ngủi mà độc đáo của văn hóa Tây Đô](#)

6. Thời Lê sơ (1428-1527) hay 100 năm phong phú và ưu việt của văn hóa Đông Đô

. Nguyễn Phú Phong : Đi tìm (cái) tôi

" ... chúng tôi đã cố gắng trình bày những giai đoạn phát sinh các từ tôi, từ một danh từ với nghĩa là tôi tớ, qua đại danh từ tôi chỉ ngôi 1, số ít, khiêm nhường, đến danh từ (cái) tôi chỉ bản ngã. Kết toán là trong ba ngôn ngữ Trung Quốc, Pháp và Việt, danh từ chỉ bản ngã và đại danh từ ngôi 1 là một và như vậy hai khái niệm có quan hệ rất mật thiết với nhau.

Tương như vậy là có thể xếp lại một bài biên khảo khá đầy đủ về từ tôi thì tai chợt nghe văng vẳng tiếng hát của Lê Thu :

Tôi ơi ! đừng tuyệt vọng "

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh : Khoa Cử Việt Nam (tập thượng)
:Thi Hương

"- Năm 1989, tôi hoàn thành cuốn Khoa cử đầu tiên, loại phổ thông và song ngữ (Việt-Pháp) ý muốn dành cho cả người Việt lẫn người am hiểu tiếng Pháp đều đọc được. Vì không có thì giờ tìm nhà xuất bản, tôi xếp sách vào ngăn kéo (...)

Khoảng 1997, khi thấy đã có khá nhiều tranh ảnh và tài liệu tôi quyết định sửa lại cuốn sách đã hoàn thành năm 1989, đi sâu vào chi tiết hơn. Lúc đầu tôi tưởng chỉ cần điền thêm những sử liệu đã thu thập được bấy lâu nay là xong. Sự thật, điền thêm thì không khó, nhưng điền xong đọc lại mới thấy lủng củng, rời rạc, giống như cái áo vá. Tôi phải ngồi viết lại từ đầu, song những sách đã đọc từ hơn mười năm trước nay quên gần hết, phải đọc lại !

Vì có quá nhiều tài liệu, tôi bỏ phần Pháp ngữ. Không ngờ, dù đã thanh lọc bớt tài liệu và bỏ phần Pháp ngữ, tôi vẫn phải san sách thành hai quyển :

Tập Thượng dành cho thời kỳ "Dùi mài kinh sử" và "Thi Hương"
Tập Hạ gồm "Thi Hội, Thi Đình" và "Phụ lục".

Tập Thượng nay vừa xong và tôi nhận thấy có một điểm khó tránh : Sách chia ra nhiều chương mục nên không khỏi có những điều phải chép đi chép lại. Thí dụ vấn đề canh phòng nghiêm mật liên quan đến các chương viết về thí sinh, về Khảo quan và về trường thi. "

. Đào Đức Chương : Trường thi Bình Định

Chim Việt Cành Nam (*)

(*)1 - Chim Việt Cành Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ , do vua Việt ở

phương Nam tân công cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cành phía Nam để làm ổ. "Việt điều sào nam chi" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.

2 - Ngựa Hồ hí gió Bắc , là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế , khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.

Tre trúc Việt Nam

Nguyễn Dư

Tình cờ trong lúc đi tra nghĩa một thành ngữ, tôi được đọc :

Trong bài hịch kể tội Tuỳ Dương Đế, Lý Mật có viết : Chặt hết trúc trên núi Nam Sơn, chẻ thành tre cũng chẳng đủ để ghi tội ác của Tuỳ Dương Đế. (Diễn cổ văn học, Đinh Gia Khánh chủ biên, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977, tr. 412).

Lời giải thích nghe hơi lạ.

" Chặt hết trúc, chẻ thành tre ", nghĩa là thân cây trúc to hơn thân cây tre à ?

Thế mà từ thuở bé đến giờ tôi cứ đinh ninh là tre to hơn trúc. Hình ảnh cái măng trúc, cái chõng tre của bà nội, cái xe điều uốn cong của bố, cái cầu ao đầu làng... Hay là mình nhớ sai ?

May quá, *Từ điển tiếng Việt* của nhóm Hoàng Phê cho biết *Trúc là tên gọi chung của nhiều loài tre nhỏ, giống thảng*. Nghĩa là... trúc nhỏ hơn tre. Yên tâm chưa ? Dạ... chưa. Định nghĩa rõ như vậy mà còn chưa yên tâm à?

Định nghĩa thì rõ nhưng thí dụ đưa ra thì hơi mù mờ. *Từ điển tiếng Việt* giải thích thành ngữ " Trúc chẻ ngói tan " là ví thế quân mạnh như chẻ tre, đánh đến đâu, quân đối phương tan tới đó.

Trúc chẻ là... chẻ tre. Hoá ra trúc lại là tre ?

Rốt cuộc, trúc là tre hay khác tre ? Là... cả hai! Thế mới... điên cái đầu !

Đầu đuôi chỉ vì :

- Nếu trúc là chữ Hán thì tiếng Việt dịch là cây tre. Thí dụ : Trúc côn là cái gậy tre (*Từ điển tiếng Việt* của Văn Tân).

- Nếu trúc là tiếng Việt thì trúc... hơi khác tre.

Họ tre có nhiều cây, mỗi cây có một tên gọi khác nhau : trúc, bương, luồng, vầu, lồ ô, giang, mai, nứa, hóp v.v.. Trúc là một giống tre nhỏ. *Trúc xinh trúc mọc đầu đình*.

Tre to lớn hơn trúc. Tre mọc hoang thành rừng. Tre được trồng để bao bọc, bảo vệ xóm làng. *Làng tôi xanh bóng tre*.

Thân tre được để nguyên, dùng làm nhà, làm cầu ao...hoặc được chẻ nhỏ làm tấm, tước mỏng làm lạt...

Tre và trúc khác nhau như vậy. Nhưng đôi khi cũng bị lẫn lộn.

Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi có câu :

Quyết Đông Hải chi thủy, bắt túc dĩ trạc kỳ ô ;
Khánh Nam Sơn chi trúc, bắt túc dĩ thư kỳ ác.

Văn Tân dịch là :

Tát cạn nước Đông hải, không đủ rửa vết nhơ
Chặt hết trúc Nam sơn, chẳng đủ ghi tội ác

Trúc Khê dịch là :

Mức cạn nước Đông Hải dễ mà rửa sạch tanh nhơ
Đẵn hết trúc Nam Sơn chẳng đủ biên ghi tội ác

Bùi Kỷ dịch là :

Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội
Dơ bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi

Chữ trúc được cả ba người dịch dịch là... trúc. Đúng ra phải dịch là tre.

Nguyễn Trãi muốn nói rằng *Chặt hết tre Nam Sơn (chẻ thành thanh) cũng không đủ để ghi tội ác (của quân Minh)*.

Trong một bài biểu dâng lên vua Gia Long, Đặng Trần Thường cũng nói :

Xét tội ác (của bọn Ngô Thời Nhậm thì) chẻ hết tre cũng khó biên hết. (*Đại Nam thực lục*, tập 1, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tỉnh, Giáo Dục, 2002, tr. 547).

Ngày xưa, khi chưa có giấy, người ta viết lên tre. Những thanh tre chép sử, có lớp vỏ màu xanh, được gọi là thanh sử. Thanh sử dịch sang tiếng Việt là sử xanh.

Nghìn thu gặp hội thăng bình

Sao Khuê sáng vẽ văn minh giữa trời

Lan đài dừng bút thanh thời

Vâng đem quốc ngữ diễn lời sử xanh...

(Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái, *Đại Nam quốc sử diễn ca*)

Ngày nay lịch sử được viết bằng giấy trắng mực đen, được gọi là trang sử. Chỉ có mấy ông hoài cổ, ưa màu mè, mới phóng bút viết những trang sử xanh (ròn).

Thân trúc (tiếng Việt) vốn nhỏ, người Việt không chẻ trúc để làm gì cả.

Chỉ có văn học mới lôi trúc (chữ Hán) ra chẻ.

Bản dịch *Bình Ngô đại cáo* có câu :

Trận Bồ Đằng như sấm vang chớp giật,

Trận Trà Lân như trúc chẻ tro bay.

Thơ Nôm cũng có những câu tương tự :

Nhân cơ phá trúc đuôi dài

Bảo Hà mở lũy, Hồng Mai trù đồn

(*Đại Nam quốc sử diễn ca*)

Thừa cơ trúc chẻ ngói tan

Bình uy từ ấy sấm ran ra ngoài
(*Kiều*)

" Trúc chẻ " chữ Hán là " phá trúc ". " Phá trúc " dịch hết sang tiếng Việt là " chẻ tre ".

" Trúc chẻ ngói tan " chỉ thế quân mạnh, đánh đâu được đấy. Dễ như chẻ tre, tháo ngói. Chẻ tre, chẻ được một mắt thì các mắt khác tự tách ra. Tháo ngói, tháo được một hòn thì cả mảng sụt theo (Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*).

Đào Duy Anh gián tiếp đồng ý rằng " trúc chẻ " nghĩa là " chẻ tre ".

Tại sao trong thơ văn xưa của ta, chữ tre không được dùng, chữ trúc không được dịch ? Chỉ vì niêm luật, thanh điệu của thơ văn. Tre (thanh bằng) không thay thế cho trúc (thanh trắc) được. Rốt cuộc các tác giả, dịch giả đã chọn cái hay (nhưng tối nghĩa) thay cho cái đúng (nhưng nằm ngoài vòng luật lệ).

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
(Nguyễn Bình Khiêm)

Miếng ăn măng trúc, măng mai
Những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng
(*Trần thủ lưu đồn*, Ca dao)

Măng mai to bằng bắp chân ăn còn bữa đói bữa no, huống hồ măng trúc nhỏ như ngón tay. Nguyễn Bình Khiêm có thể sai người ở đi tìm măng trúc về... nhắm rượu, nhưng anh lính thú " ngày thì canh điểm tối dồn việc quan " kia thì nhất định không mất thì giờ đi kiếm măng trúc về... nhâm nhi, ăn chơi.

Oằn oại đôi vai quân tử trúc
Long lay một cổ trượng phu tông
(Nguyễn Hữu Huân, *Khi bị đóng gông*)

Gông mà làm bằng trúc thì chỉ có gông hàng mã cho trẻ con bẻ chơi.

Luật bằng trắc đã loại chữ tre, dùng chữ trúc (Hán).

Tuy nhiên, đôi khi chữ trúc cũng được niêm luật cho phép dịch là tre.

Tú hoa dã trúc tam xuân hảo
Tĩnh nguyệt minh song nhất thất hư

(Tre hoang, hoa đẹp, ba xuân tốt,
Cửa sáng, trăng trong, nhà trống trơ).
(Nguyễn Bình Khiêm, *Xuân đán cảm tác*, Đinh Gia Khánh dịch)

Mặc dù bị trúc Tàu lán át, thỉnh thoảng cây tre của ta cũng được các cụ nhà Nho đề cao. Thế à? Hoá ra bụt chùa nhà cũng thiêng sao ?

Đồ đựng tắm ngày xưa được khắc câu *Mỗi phạn bát vong quân tử trúc* (Mỗi bữa cơm không quên cây tre quân tử). Cây tre được ví với người quân tử vì tre có " tiết cứng, lòng không " :

Vị xuất thổ thời tiên hữu tiết
Đáo lãng vân sứ dã vô tâm

(Chưa mọc lên khỏi mặt đất đã có tiết
Lên đến mây cao thì không có tâm)

Có chắc là cây tre không ?
Con ve kêu ổng ảnh tiếng chầy
Kìa quân tử trúc, dạ này băng khuâng...
Dân ca cũng tơ tưởng quân tử trúc kia mà !

Quân tử trúc là... quân tử Tàu. Quân tử tre là... quân tử ta.

Đôi khi dân ca còn vượt cả chữ nghĩa của thánh hiền :

Gió đưa bụi trúc ngã quỳ
Ba năm trực tiết còn gì là xuân
Tiết hạnh của nữ nhi và tiết tháo của quân tử, cái nào đáng quý hơn cái nào ?

Trở lại chuyện cơm nước hàng ngày.

Mỗi bữa cơm không quên cây tre quân tử. Người ta có thể ba ngày, ba tháng không đọc sách, nhưng mấy ai có thể khoan tay...chịu mặc răng nửa ngày ? Câu nói vừa có nghĩa đen là ăn cơm xong phải nhớ lấy tấm (tre) xĩa răng, vừa có ý nhắc nhở mọi người phải tu thân để trở thành người quân tử.

Dạ, dạ, quân tử dễ thương lắm.

Chả thế mà chị Xuân Hương đã nhiều lần thủ thi :

Quân tử có yêu thì đóng cọc
Xin đừng mân mó nhựa ra tay (*Quả mít*)

Quân tử có thương thì bóc yếm
Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi (*Ốc nhồi*)

Bọn em chỉ mơ được :
Một đêm quân tử nằm kề
Còn hơn thằng nhặng vỗ về quanh năm

Oan cho nhà Nho đến thế là cùng. Nhà Nho khuyên mọi người sống như quân tử chứ không phải khuyến khích các em... chơi trò với quân tử như vậy đâu.

Người ta, kẻ thì mong được " một phút huy hoàng ", kẻ thì lơ dại được " một giờ ", thế mà mấy em đòi những... " một đêm"! *Quân tử như gió, tiểu nhân như cỏ...* Mưa gió suốt đêm, coi chừng có ngày sập nhà, gãy giường đấy.

Nghĩ mà bực mình giùm cho thằng nhặng Việt Nam. Dớ da dớ dẩn, rờ rẫm ra sao để đến nỗi xôi hỏng bỏng không, bị chê sát ván như vậy ? Nó phải sống ở bên Tây thì mới đúng đất dụng võ. Tha hồ trở tài võ về các bà. Huy chương vàng nịnh đầm (galant) dứt túi là cái chắc !

Ta có thành ngữ *Tre già măng mọc* để nói thế hệ trẻ nối tiếp thế hệ cha ông. Ngày xưa còn có thành ngữ *Tre còn măng mất* (Nguyễn Đình Chiểu, *Lục Vân Tiên*), và *Tre già khóc măng* (Génibrel) để chỉ hoàn cảnh con cái chết trước cha mẹ.

Mới ngày nào...

Tre được dựng thành hàng rào dày đặc để phòng giữ các bản làng miền núi, để bảo vệ các ấp chiến lược xa xôi hẻo lánh. Tre được vót nhọn, cắm tua tua dưới hầm chông.

Qua rồi, cái thời chinh chiến...

Mẹ nhìn lên cao trong vắt trăng sao
Đầu làng tre xanh vui đón xôn xao
Mẹ nhìn tay con không súng không dao
Nụ cười trên môi
Ôi trái tim người...
(Phạm Thế Mỹ, *Giấc mơ của mẹ*)

Bụi tre, khóm trúc lại trở thành chứng nhân của hò hẹn, yêu đương...
Anh nhớ xót xa, dưới tre là ngà
Gợn buồn nhìn anh, em nói mền anh
Mây lướt thướt trôi, khi nắng vương đôi
Nhớ em dịu hiền, nắng chiều ngừng trôi.
(Lê Trọng Nguyễn, *Nắng chiều*)

... của nhớ thương, hờn trách
Công anh đắp nấm trồng chanh
Chẳng được ăn quả vịn cành cho cam

...
Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu,
Cầu tre vững dịp hơn cầu thượng gia
Cầu thượng gia tức là cầu " thượng gia hạ tri " (trên là nhà, dưới là ao). Có nơi gọi là " cầu ngói " (Thanh Toàn), " cầu Nhật Bản " (Hội An).

Chàng trai trách người yêu tham giàu phụ nghèo. Em ơi, cầu thượng gia kia nhìn bề ngoài thì sang trọng, to lớn nhưng chắc gì đã vững bền hơn chiếc cầu tre đơn sơ, mộc mạc này?

Thuở thanh bình, tre trúc reo vui...
Vườn nhà chúng tôi tre mọc um tùm.

Lúc mới dọn về, vườn chỉ có một khóm tre thưa. Vợ chồng hăm hở đánh vài gốc, cắm trồng mấy góc vườn. *Hàng xóm đồn sang nhà mình*. Không ngờ, mấy năm sau chỗ nào cũng đầy tre. Chặt rồi lại mọc. Tre mọc kín hàng rào. Tre chui dưới tường, đâm ra ngoài đường. Tre bò sang hàng xóm. Tre nâng cả gạch lát sân. Rễ tre sắp lan đến bếp, sắp đục phòng khách.

Người bạn Pháp ngạc nhiên :

- Ô ! Tre biết lách, biết luồn tránh chướng ngại. Nhiều đốt cụt ngùn, hình thù xiên xẹo.
- Một vài cây bị biến tướng. Có lẽ tại thủy thổ.

- Bên Pháp không có tắm tre, người Việt xoay xở ra sao ?
- Không có tắm tre thì có tắm quẹt, tắm gỗ, tắm nhựa. Tắm nào chả được, miễn sao sạch sẽ, được việc.

Nguyễn Dư
(Lyon, 6/2006)

Duyên dáng Bắc Hà 2006



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyên Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước



Trịnh Nguyễn Phước

Thơ Quỳnh Chi

Hoa đỗ quên

*Tháng năm về lại
trên đồi
Tương tư một thuở
hỏi người nhớ chẳng
Màu hoa tha thiết
nhớ nhung
Thiên thu một tấm
lòng son gửi người
Quỳnh Chi (
24/5/2006)*



Núi



*Làm sao núi lại nắng tàn
Trời phai nắng nhạt bề
bàng chiều hôm
Làm sao đỗ mây dừng
buồn
Chập chùng mây tím nhớ
thương nắng vàng*

*Làm sao núi mây lang
thang
Nhớ ai mây xám buồn
giăng khắp trời
Nắng lên cho mây sáng
ngời
Nhưng làn mây trắng
nhẹ trôi bèo bồng*

*Làm sao núi giọt mưa
tuôn
Khi mây ủ rũ nhớ
thương nắng hồng
Mây chờ nhuộm ánh thái
dương*

*Nắng về sưởi ấm lạnh
lòng hồn mây*

Quỳnh Chi (4/6/2006)



Jigsaw puzzle

*Thuở bé chơi trò lắp hình
So màu thật giống, tìm đường nối nhau
Cầu toàn tính nét về sau
Bức tranh toàn bích lâu lâu lại tìm*

*Căn phòng chẳng chịu dễ yên
Kê đi xếp lại ngắm nhìn mộng mơ
Kiểu nào đẹp tựa trong mơ
Màu nào êm dịu hồn thơ tràn đầy*

*Màu nào đẹp như sắc mây
Sôi hồng trái lối vườn đầy cỏ hoa
Thảm hoa trải tựa jigsaw
Thay màu đổi sắc cho vừa mắt nhưng*

*Một ngày trôi nhanh vô cùng
Mới sáng đã tối thoát dưng nửa đêm
Jigsaw xếp mãi loanh quanh
Mỗi ngày mong được nối thêm vài giờ*

*Biển tình thương ngỡ vô bờ
Sóng xô chỉ dạt một bờ người thân*

*Jigsaw bức hoạ từ tâm
Theo Người học mở tấm lòng đại dương*

*Thương đời lắm nỗi trái ngang
Ngắm sao đêm vắng chạnh lòng xót xa
Màn trời ví thử jigsaw
Đưa tay xếp lại thiên hà trên cao*

*Jigsaw xếp mộng ban đầu
Puzzle thương kẻ tìm nhau một đời*

Quỳnh Chi (Mùa mưa Ngâu 2/7/2006)



Lối cỏ

*Ngõ vắng êm đêm lối cỏ xanh
Điểm trang hoa trắng nhỏ xinh xinh
Phù dung khoe sắc bên bờ giậu
Nắng hiền chợt ghé đậu bên thềm*

*Lối cỏ nhung mềm ôm gót chân
Ngây thơ bướm nhỏ lượn tung tăng
Hai viên bi nhỏ tròn xanh biếc
Một chú mèo xinh đuổi bướm vàng*

*Lối cỏ đưa vào mái thảo am
Không gian chùng lảng gió lạnh yên
Trầm ngâm nghiêng bóng cảnh thông
biếc
Chủ nhân đâu vắng ngõ im lìm*

Quỳnh Chi (11/7/2006)

Trà sen

***Hương sen phảng phất mặt hồ
Lòng hoa e ấp ngậm hờ trà thơm
Chén trà buổi sớm tinh sương
Còn đâu ngày cũ nhớ thương ngập lòng***

Quỳnh Chi (26/7/2006)



Hương cau

*Vườn nhà còn ngát hương cau
Mà giờ em ở nơi đâu cuối trời?
Mảnh mai chiếc lá vàng rơi
Cánh chim lạc gió về nơi mưa chiều*

*Còn đâu ánh mắt trong veo
Còn đâu dáng nón trắng chiều nắng hanh!
Vào mùa đồng bãi vẫn xanh
Phù sa mát mịn đất lành nâu tươi*

*Tôi vương tơ mãi nụ cười
Thầm thương giấu nhớ một người áo xanh
Cái thời cỏ mật thơm lành
Soi gương vũng nước chạy quanh ao đình*

*Bên đình bóng trúc vẫn xinh
Hoa cau vẫn ướp hương tình vào trăng
Tơ vương còn níu ruột tằm
Cuối trời người ấy còn đầm áo xanh ?*

Bùi Văn Bồng

Quê ngoại

**Chợt nắng chợt mưa em chợt đến
Nắng quyện hương quen đất sa bồi
Anh say xanh lúa như say biển
Nửa sóng ven trời nửa lúa đôi**

**Hương say chợt đến mưa chợt tạnh
Trời như gieo mộng xuống xanh làng
Nắng lên cây biếc như thêm cánh
Nâng gió lưng trời mây nở nang**

**Đời đâu dễ bật mầm xanh ngắt
Ruộng phèn, kênh mặn, lũ dâng tràn
Dấu chân khai phá thơm mùa gặt
Lối xưa bùn dính cỏ thời gian**

**Xuông ai ghé bến neo bờ vắng
Em như bắt chợt sắc cầu vồng
Áo hồng thấp thoáng sương chiều lặng
Miệt vườn quê ngoại bóng sông trong.**

Bùi Văn Bồng

Tây đô xanh

**Em đi bóng lá lung linh nắng
Áo trắng như mây lặng phố phường
Anh từ phương Bắc vào Nam bộ
Nghe sóng Ninh Kiều tương tư vương**

**Thuyền xưa ai khéo men bờ lá
Thả xuống dòng xanh những mặn mà
Để rồi thêm nhớ người xa lạ
Xa lạ mà như đã hẹn trăng**

**Nhớ thương như thể người trong mộng
Em Tây Đô xanh áo trắng mây
Hậu Giang biếc khói dòng hư thực
Xôn xao con nước vui đầy**

**Khúc nhạc, tứ thơ, câu xướng họa
Trăng dặt thuyền trôi giữa Xóm Chài
Đờn tranh, đờn cò, câu vọng cổ
Lý lại hò khoan gọi gió lên**

**Biết bao thi hứng văn nghệ sĩ
Gạo trắng nước trong đất Hậu Giang
Riêng anh xanh mãi hồn cây lá
Tài tử giai nhân có muện màng ?**

**Rồi mai áo trắng về đâu nhỉ ?
Ai có nhìn mây nhớ bến sông ?
Vẫn một Ninh Kiều xanh điệu lý
Mỹ Khánh vườn êm trái chín hồng.**

Bùi Văn Bồng

Tiếng đồn đêm trăng

Những Nam Ai, Nam Bằng duyên nợ

Phu tướng đi rồi

em ở lại với trăng

Cao Văn Lầu trở trần câu vọng cổ

Lý chiêu chiêu

luyến láy lý cây bông

Du khách xuôi dòng sông Phụng Hiệp

Trăng Vị Thanh lướt gió Châu Thành

Ca " mùi " lăm - nỡ nào trăng nhạt bóng

Cớ gì mây tan mỏng cuối Xà No?

Tiếng đồn kìm, đồn cò

Xuân Tình vương tơ mãi

Câu Bắc, câu Nam

da diết Phụng Hoàng thương

Đêm tài tử gió vịnh trăng mềm mại

Trăng rải mây trắng lóa mặt đường

Đòn réo rắt, lời ca như ánh lửa

Gió mon man bờ liễu tóc mây vờn

Em thao thức với làn sương giăng lụa

Đòn theo trăng lưng lửng ánh trời xuân.

Bùi Văn Bồng

Lặng thầm

**Em buồn như ngọn cỏ
Trong mưa ướt lặng thầm
Muốn ngỏ lời cùng gió
Mà sao gió vô tâm?**

**Muốn ấm lòng giọt nắng
Chiều vắng mặt trời hồng
Muốn cánh chim ở lại
Chim bay về bên sông**

**Em buồn và im lặng
Đời chưa thôi mưa giông
Cỏ đợi hoài tia nắng
Mây vẫn bay khắp đồng**

**Tình yêu là gì nhỉ?
Bắt em chơi trốn tìm
Hạnh phúc nào bình dị
Mà rung hoài con tim?**

**Mong gió về bên cỏ
Lay rụng hết mưa buồn
Tia nắng xòe tán cọ
Lật nghiêng trời mưa tuôn**

**Mây tan trời hửng nắng
Ấm tình em trong chiều
Nỗi lòng phù sa lắng
Thắm hoa đời tình yêu**

**Cỏ bên trời xanh mượt
Vàng mây xa ửng dần
Giọt lệ mừng loáng ướt
Như đoá hồng ngày xuân**

Bùi Văn Bồng

Lặng thầm

**Em buồn như ngọn cỏ
Trong mưa ướt lặng thầm
Muốn ngỏ lời cùng gió
Mà sao gió vô tâm?**

**Muốn ấm lòng giọt nắng
Chiều vắng mặt trời hồng
Muốn cánh chim ở lại
Chim bay về bên sông**

**Em buồn và im lặng
Đời chưa thôi mưa giông
Cỏ đợi hoài tia nắng
Mây vẫn bay khắp đồng**

**Tình yêu là gì nhỉ?
Bắt em chơi trốn tìm
Hạnh phúc nào bình dị
Mà rung hoài con tim?**

**Mong gió về bên cỏ
Lay rụng hết mưa buồn
Tia nắng xòe tán cọ
Lật nghiêng trời mưa tuôn**

**Mây tan trời hửng nắng
Ấm tình em trong chiều
Nỗi lòng phù sa lắng
Thắm hoa đời tình yêu**

**Cỏ bên trời xanh mượt
Vàng mây xa ửng dần
Giọt lệ mừng loáng ướt
Như đoá hồng ngày xuân**

Bùi Văn Bồng

Thơ Vũ Tiến Lập

trú xứ

*khoái cảm
vốn là cái ngọt ngào sẵn có
vậy mà cũng đổi thay và mất đi
thật là điều không ổn cố*

*đêm thổ lộ và ta thán
đi hoang
trên nỗi xót xa
tiềm phục
đón gầy tháng ngày
đời sống là tâm nã cảm giác
đắm say
cùng lưỡi hái tuyệt vọng
trong nhà lao không cửa*

Vũ Tiến Lập

ngậm nhấm

*không đầu
không cuối
hỏi thời gian
dăm nổi băng quơ
vực bóng tà
có là sót lại
tàn thu cũ
con mắt trần gian
không trở lại
ngọn nến nào
khêu cháy
nhỏ
vời*

Vũ Tiến Lập

cơn sốt

*đừng giữ lấy sự hài lòng
khi bản thân cây xói bởi thời gian
mảnh đời nào rồi cũng nhẹ như mây
lang thang giữa biển thiên bất tận
không phải là phù du
mà hoại diệt luôn có mặt*

*không có sự chế ngự
ngoài nỗi chết và hư không*

*Vũ Tiến Lập
7/2006*

SPRING LONGING

*The South wind blows open the folds
of my dress,
My feet leave wet tracks in the earth
of my garden,
The willows along the canal sing
with new leaves turned
upon the wind.
I walk along the tow-path
Gazing at the level water.
Should I see a ribbed edge
Running upon its clearness,
I should know that this was caused
By the prow of the boat
In which you are to return.*

AMY LOWELL
(1874-1925)

CHỜ XUÂN

*Gió nồm nhẹ nhẹ thổi qua
Cuốn tung nếp áo lụa là em mang,
Vườn nhà em bước nhẹ nhàng
Trên nền đất ẩm mờ vương dấu hài,
Dọc bờ kinh liễu buông dài
Gửi theo cánh gió một bài tình xa
Lá non trôi giọng hợp ca
Vờn theo sóng liễu thiết tha ngọt ngào.
Em đi dọc mé sông đào
Mắt nhìn mực nước nhẹ chao đôi bờ.
Nước trong đang chảy lững lờ
Nếu dao động mạnh sóng đưa dập dình,
Em biết ngay mũi thuyền tình
Từ xa rẽ nước đưa mình về đây.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển ngữ

THE PEDDLER OF FLOWERS

*I came from the country
With flowers,
Larkspur and roses,
Fretted lilies*

*In their leaves,
And long, cool lavender.*

*I carried them
From house to house,
And cried them
Down hot streets.
The sun fell
Upon my flowers,
And the dust of the streets
Blew over my basket.
That night
I slept upon the open seats
Of a circus,
Where all day long
People had watched
The antics
Of a painted clown.*

*AMY LOWELL
(1874-1925)*

NGƯỜI BÁN HOA DẠO

*Tôi từ vùng quê ra
Mang theo gánh hàng hoa,
Hoa hồng, hoa phi-yến,
Hoa huệ đẹp thướt tha
Phô muôn cánh kiêu xa,
Hoa lan-hương mặn mà.*

*Tôi chở gánh hoa tươi
Đến khắp cửa nhà người,
Xuôi phố phường nóng nực
Đi rao bán mọi nơi.
Muôn tia sáng vùng dương
Rơi trên những cánh hoa,
Bụi đường bay nhạt nhòa
Vương trên gánh phong sương.
Đêm đó tôi ngả lưng
Ngủ ngoài trời chập chờn
Trên ghế rạp xiếc lạ,
Nơi mà suốt ngày qua
Thiên hạ cười hề hã
Coi chú hề giễu trò
Mặt vẽ đủ màu hoa.*

TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO
chuyển ngữ.
THE EXEMPLE

*Here's an example from
A Butterfly;
That on a rough, hard rock
Happy can lie;
Friendless and all alone
On this unsweetened stone.*

*Now let my bed be hard,
No care take I;
I'll make my joy like this
Small Butterfly,
Who happy heart has power
To make a stone a flower.*

WILLIAM HENRY DAVIES
(1871-1940)

GIƯỜNG SÁNG

*Hãy coi giường sáng
Kìa chú bướm vàng
Đậu trên đá tảng
Vui vẻ vô vàn
Cô đơn, không bạn
Đá lạnh khô khan.*

*Nay giường không êm
Ta chẳng thiết gì
Nơi giường chú bướm
Cảm thấy vui đi
Tìm vui thật lạ
Biến đá thành hoa.*

TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO
chuyển ngữ.

Những tiếng meo

Phỏng theo Taisen Deshimaru
lời bình của Nguyên Si

Ngày xưa, có một gã samourai đi câu bên bờ suối, câu mãi mới được một con cá. Gã sửa soạn đem đi nướng ăn ngon lành, thì bỗng nhiên từ trong bụi rậm vụt ra một con mèo, cuồn lấy cá, chạy đi. Gã nổi xung, tuốt kiếm đuổi theo và chặt con mèo ra làm hai đoạn. Con giận tiêu tan, gã đâm ra ăn năn, hối hận. Bởi vì gã vốn là một người Phật tử.

Trên con đường về, gã nghe như gió thổi trong cành lá tiếng "meo". Mỗi bước đi của gã dường như vang lên tiếng "meo". Những người qua lại trên đường nói chuyện lao xao với những tiếng "meo". Bọn bè cũng diều cọt gã bằng tiếng "meo". Ngay cả trong ánh mắt những đứa con gã cũng phản chiếu tiếng "meo". Mỗi lần chớp mắt là gã mơ thấy "meo". Tỉnh dậy, chung quanh gã tất cả là "meo". Chính gã cũng trở thành "meo"...

Cuối cùng, mắt ăn mắt ngủ, gã samourai thân hình tiều tụy chỉ còn là cái xác không hồn. Gã tìm đến một ngôi chùa, gặp một vị thiền sư già, và xin ngài giúp đỡ :

" Bạch sư phụ, xin sư phụ cứu vớt con... Con không thể nào chịu đựng được nữa..."

Nghe kể lại sự tình xong, vị thiền sư thờ dài, cau mày quở trách :

" Làm sao một võ sĩ như ngươi có thể hèn mạt đến như vậy được ? Nếu không thắng được những tiếng "meo" kia, thì ngươi chỉ còn có một cách là tự sát. Không còn con đường nào khác hơn, là tự làm hara-kiri, ngay bây giờ và tại đây ! Nhưng vì lòng từ bi, ta sẽ không để ngươi đau đớn, bằng cách chém phăng đầu ngay, sau khi ngươi bắt đầu tự mổ bụng."

Gã cúi đầu lạy tạ, tuy trong lòng vô cùng kinh sợ cái chết.

Sau khi sửa soạn nghi lễ xong, gã ngồi xuống, vạch áo, hai tay cầm chiếc dao hướng vào bụng mình. Vị thiền sư đứng sau gã, giơ cao kiếm. "Bắt đầu đi !", ông ra lệnh.

Gã samourai từ từ đặt lưỡi dao vào bụng mình, mồ hôi nhỏ giọt. Ngay lúc đó, vị thiền sư lên tiếng :

- Còn nghe thấy tiếng "meo" không?
- Chao ôi ! Không... Thật lúc này con không nghe thấy gì hết !
- Vậy, nếu không còn tiếng "meo" thì không cần phải chết ..."

Lời bình của Nguyên Si

Câu chuyện trên đây làm Nguyên Si tôi tưởng nhớ tới một câu chuyện đã đăng trong báo Gió Nội cách đây khoảng vài ba chục năm...

"Có một anh chàng bị bệnh tâm thần, cứ tưởng mình là một hạt thóc, nhìn thấy con gà nào cũng cuống quýt lên chạy trốn. Anh đi chữa bệnh bằng phân tâm học, và sau một thời gian

điều trị, tình trạng đã có vẻ khả quan. Khi chia tay bác sĩ, anh nói với một giọng quả quyết : "- Bác sĩ cứ yên tâm, tôi khỏi bệnh rồi. Tôi là một con người, không phải là một hạt thóc". Nhưng chỉ vài phút sau, anh hồi hải chạy trở về phòng mạch, mặt cắt không còn hột máu. "- Con gà... con gà nó đuôi tôi", anh lắp bắp. "- Sao vậy? người bác sĩ ngạc nhiên. Anh khỏi rồi mà. Anh đâu phải là hạt thóc". "- Vâng, anh chàng buồn bã trả lời. Vẫn biết tôi không phải là hạt thóc, nhưng khôn nổi con gà nó vẫn tưởng tôi là hạt thóc..."

Dĩ nhiên, đây không phải là một câu chuyện Thiền, mà là một trường hợp bệnh tâm thần có thể xếp loại vào bệnh hoang tưởng suy diễn (délire d'interprétation), là một loại bệnh khá thông thường. Ngoài những trường hợp nặng như trên, thì còn biết bao nhiêu là trường hợp nhẹ, và phải công nhận rằng giữa người bệnh và không bệnh, ranh giới đôi khi cũng không có gì là rõ rệt...

Nói như vậy thì trong một chừng mực nào đó, chúng ta đều là những kẻ bị ám. Chúng ta đều vừa là nạn nhân của trí tưởng tượng của mình, vừa là tác giả của những **vọng tưởng** đó. Trong suốt cuộc đời, con người tự tạo nên cho mình bao nhiêu là vọng tưởng, và chính những vọng tưởng đó là nguồn gốc của tâm bệnh, của khổ đau.

Nhưng, bạn sẽ bẻ lại, nếu không có tưởng tượng, thì làm gì còn câu chuyện để nói ? Làm gì còn con người, làm gì còn khổ đau, làm gì còn cuộc sống ? Bởi vì, nếu "nắng mưa là bệnh của trời", thì có lẽ "tưởng tượng (chứ không hẳn là tương tự) là bệnh của tôi với người"...

Phải lắm. Đặc tính của con người là ở đó, ở cái khả năng tạo dựng nên trong tâm thức của mình những gì không có thực, những gì hoàn toàn giả tạo. Thế rồi mình cứ khư khư ôm lấy - hay bị ám ảnh bởi - những điều tưởng tượng đó, và yên trí chúng là sự thực, sống với chúng như là sự thực.

Những "sự thực" tưởng tượng đó không phải chỉ là "tiếng mèo kêu" hay là "người - hạt thóc" trong câu chuyện. Chúng còn mang muôn hình vạn trạng : một hình ảnh chợt hiện trong đầu, một câu nói, một điệu nhạc xưa, một ý nghĩ : "phải chi... giá mà... đáng lẽ... biết đâu... tiếc rằng... ngộ nhờ... hay là... ", một lời phê phán, một dự án... Tất cả những gì gây nên dao động thần trí, bằng cách tạo dựng một tấm màn hỏa mù che đậy thực tại, lôi cuốn con người trong mê sảng, mộng mị, huyền hoặc, mơ hồ, nhớ thương, tiếc nuối, lo sợ, nghi vấn, v. v. và v. v...

Muốn thoát ra khỏi sự thống trị gần như thường trực của vọng tưởng, thì chỉ còn có một cách : sống với thực tại, để nhận chân thực tại, và như vậy hủy bỏ được khổ đau. Đó chính là mục đích của đạo Phật : diệt khổ bằng con đường giác ngộ.

Xét cho cùng, đạo Phật có tám vạn bốn nghìn pháp môn tựu trung cũng hướng về một điểm, đó là cái **huệ** bằng cách **định** cái **tâm** của mình. Muốn định được cái tâm, thì phải gạt bỏ mọi dấy động phát xuất từ bên trong mình, những vọng tưởng, tạp niệm, thành kiến, suy luận, tính toán, giả thuyết, chấp trước, v.v. tất cả những gì làm vẩn đục nhận thức và che dấu thực tại. Mục đích là nhận chân được **sự thực "như vậy"** (tel quel, ainsité), cái Chân Như không thể nghĩ bàn, mà chỉ nhận chân được bằng trực giác, một khi đã đạt được trí huệ tịnh tịch.

Từ xưa tới nay, các vị thiền sư cũng chỉ dạy một điều cho các thiền sinh : trở về với thực tại, sống trong giây phút hiện tại. Khi véo mũi, bọp tai, đánh đập, la hét học trò như trong phái Thiền Lâm Tế, người thầy cũng chỉ tìm cách lôi kéo học trò đang mơ màng vọng tưởng trở về với thực tại, và giáng lên một đòn tâm lý làm bùng lên giác ngộ.

Ngày nay, các vị thiền sư cũng chỉ nhắc lại, bằng những từ ngữ mới mẻ hơn ("Thở vào, ta ý thức ta có mặt ; thở ra, ta mỉm cười với sự sống trong ta và quanh ta"), những lời dạy của đức Phật Thích Ca trong Kinh Niệm Xứ (Satipatthana) và Niệm Hơi Thở (Ānāpānasati) ("Với tâm hân hoan, tôi thở vào ; với tâm hân hoan, tôi thở ra"). Đó là tập **chánh niệm**, tập chú tâm vào mỗi việc làm của mình.

Cũng như khi xưa thiền sư Huệ Hải dạy cái dụng công của mình : "**Khi đói thì ăn. Khi mệt thì ngủ**". Nhưng khi ăn chỉ nghĩ tới ăn, khi ngủ chỉ nghĩ tới ngủ, khác với người thường "**khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng, khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán cả ngàn chuyện**".

Người ta cứ quen tự mình gây nên bao nhiêu điều phức tạp. Ngay cả sự thật cũng tìm nó ở đâu đâu, như chạy theo "lông rùa, sừng hổ". Trong khi đó, sự thật giản dị vô cùng, nó là như vậy và chỉ là như vậy. Nhưng chính vì giản dị, cho nên mới khó liễu đạt được. Làm sao cho mây tan, thì trăng mới hiện.

Trong câu chuyện trên, gã samourai ngày đêm bị ám ảnh bởi tiếng kêu của con mèo mình lỡ giết, cho tới khi lưỡi dao đâm vào bụng, cái chết gần kề, mới thực sự định được cái tâm của mình. Lúc đó, gã mới chú tâm vào thực tại, mới đạt được **chánh kiến**, và lúc bấy giờ dĩ nhiên không còn vọng tưởng, tức là không còn nghe thấy tiếng mèo kêu ! Thói thường, khi người ta vừa thoát khỏi cái chết mới hiểu được giá trị của cuộc sống...

Này bạn, còn nghe thấy tiếng meo không ?

"Meo" !

(Ồ hay... Không biết con mèo đã sống dậy, hay mình còn vọng tưởng?)

Nguyễn Si

Trần Văn Trạch

nhạc sĩ hài hước của làng tân nhạc
Việt Nam
(1924-1994)

Trần Quang Hải (Paris, Pháp)

Viết về cuộc đời của một nghệ sĩ danh tiếng là khó rồi. Viết về một nghệ sĩ "lập dị" đã chinh phục cảm tình của khán giả qua ba thế hệ mà người đó lại là chú ruột của kẻ viết bài này thì lại khó khăn hơn nữa. Làm sao có thể viết một bài phê bình, nói gần nói xa như "mèo khen mèo dài đuôi"?

Cái khó của tôi là không biết nhiều về ông chú của tôi đứng về mặt gia đình. Có thể nói là suốt thời gian tôi sống ở Việt Nam, tôi chỉ gặp chú tôi tổng cộng độ 10 lần mà thôi, gặp chú ít khi nói chuyện vì lúc đó tôi hãy còn nhỏ quá đi. Tôi chỉ nhớ được xem chú Ba Trạch trình diễn ba lần tại Saigon. Một lần vào khoảng năm 1948 ở tại Dancing Théophile, vùng Dakao. Lúc đó tôi mới có 4 tuổi. Một lần khác chú tôi từ Pháp về năm 1961 hát bài "Chiều mưa biên giới" (nhạc và lời: Nguyễn Văn Đông) với dàn nhạc Pháp thu vào băng sẵn để hát kèm theo kiểu hát playback và được xem chú tôi biểu diễn trò múa rối học được ở Pháp mang về. Lần chót trước khi tôi rời Việt Nam vào khoảng cuối năm 1961 tại một rạp hát ở Phú Nhuận với các màn bắn súng, nhái các thú vật như chú đã thường trình diễn.

Hình ảnh người chú tóc dài, chạy xe Mercedes cũ xì, được báo chí tặng cho danh hiệu "Quái kiệt" vẫn còn in rõ trong trí nhớ của tôi.

Cái khó thứ hai là tôi không ở trong nghề, không biết được bộ mặt thật sự của hậu trường sân khấu, cũng như không có "sống", "nằm mùi" ngọt, bùi, đắng, cay của nghề bán giọng hát đổi lấy chén cơm. Do đó, tôi không có một kỷ niệm nào để kể cho các bạn như đa số các nghệ sĩ Việt Nam mà tôi may mắn được gặp và nghe họ kể những bước thăng trầm của cuộc đời rày đây mai đó trên những đường mòn Việt Nam từ thành thị đến thôn quê.

Vài dòng về thời thơ ấu ở Sầm Giang

Trần Văn Trạch, tên thật là Trần Quang Trạch, sinh năm Giáp Tý (1924), tại làng Đông Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Trong gia đình có rất nhiều người biết về nhạc, nhất là nhạc cổ. Ông sơ tôi, Trần Quang Thọ, nhạc sĩ triều đình Huế. Ông cố tôi, Trần Quang Diệm, ngày xưa được gọi ra Huế để học đàn tỳ bà trong thành nội và nổi tiếng về đàn tỳ bà trong Nam cùng với sự chế cách viết bài bản cho đàn tỳ bà. Ông nội tôi, Trần Quang Triều, tự Bảy Triều, nổi tiếng trong giới cổ nhạc qua tiếng đàn kìm lên dây theo kiểu dây Tổ Lan do ông nội tôi sáng chế ra. Dây Tổ Lan của đàn kìm khác với cách lên dây thường của đàn kìm. Bình thường đàn kìm có hai dây được lên dây cách nhau một quãng 5 (do - sol). Còn lên dây Tổ Lan thì hai dây phải cách nhau một quãng 7 thứ (do - sib). Gia đình bên phía ông nội tôi còn có bà cô Ba tên là Trần

Ngọc Viện, người đã thành lập gánh hát Đồng Nữ vào khoảng năm 1927 với một điểm đặc biệt là tất cả các diễn viên trong gánh hát Đồng Nữ, một hiện tượng duy nhất trong lịch sử hát cải lương miền Nam.

Bên phía bà nội tôi thì có ông Cậu Năm tên là Nguyễn Tri Khương (cháu nội của ông Nguyễn Tri Phương, một vị quan nổi tiếng dưới thời triều Nguyễn), từ trần vào năm 1962, là một nhạc sĩ chuyên về sáo, lại thông hiểu về lý thuyết nhạc cổ, đã giúp cho Ba tôi là GS Trần Văn Khê khi viết luận án tiến sĩ về nhạc Việt. Ông Nguyễn Tri Khương còn là thầy tuồng của gánh hát Đồng Nữ và là tác giả của những bài hát mới mà ngày nay rất ít người biết như các bài " Thất trí bi hùng ", " Yên tước tranh ngôn ", " Phong xuy trích liễu ", " Bắc Cung Ai ", vv... Ông Cậu Tư, anh của ông Nguyễn Tri Khương, có một người con rất giỏi về. Đó là cô nhạc sĩ Nguyễn My Ca (tên thật là Nguyễn Mỹ Ca) mất vào năm 1944 trong lúc chống Pháp. Bác My Ca là anh em cô cậu với Ba tôi và chú tôi, chỉ được người Việt biết qua nhạc phẩm " Dạ Khúc "

Những dòng trên đây được viết ra với mục đích là giúp cho các bạn hiểu rõ trong bối cảnh nào chú Trần Văn Trạch đã sống và hấp thụ nhiều khía cạnh âm nhạc trong khoảng thời ấu thơ tại làng Vĩnh Kim, làng Đông Hòa, làng Bình Hòa Đông của tỉnh Mỹ Tho miền Nam Việt Nam.

Ông Nội tôi có ba người con. Người con cả là Trần Văn Khê (sinh năm 1921, từng là giáo sư dân tộc nhạc học tại đại học đường Sorbonne, Paris, hưu trí năm 1987, và hiện giờ để hết thì giờ để viết các quyển hồi ký về cuộc đời của mình - đã xuất bản được 6 quyển tại Việt Nam từ năm 1998, sang Pháp năm 1949 và hiện sinh sống tại thành phố Vitry sur Seine, ngoại ô Paris). Kế đến là Trần Văn Trạch, sinh năm 1924, nổi danh là Quái kiệt trong làng tân nhạc Việt, từ trần năm 1994 tại Paris. Người con gái út, tên là Trần Ngọc Sương, sinh năm 1925, từng là ca sĩ nổi tiếng lấy biệt hiệu là Ngọc Sương, sau đổi lại là Thủy Ngọc trong những năm 1948-50, và hiện sống tại Montreal, Canada.

Chú Trạch lúc nhỏ rất có khiếu về nhạc. Học đánh đàn kìm và đàn tỳ bà rất sành. Lại có giọng hát âm êm, ca " vọng cổ " mùi không thua gì Năm Nghĩa thời thập niên 30. Tuy biết nhiều về cổ nhạc, nhưng lại thích tân nhạc hơn. Lúc khoảng thời đó (1937-39), nhạc sĩ My Ca rất giỏi về đàn violon, và Ba tôi thiên về đàn mandoline. Hai người thường hợp tấu để đàn các bản nhạc Pháp nổi tiếng thời đó như " J'ai deux amours ", " Marinella ". Phong trào phát động nhạc mới được giới trẻ theo một cách mạnh mẽ. Chú tôi theo học chữ ở Collège de Mỹ Tho (trường trung học Mỹ Tho) cho tới năm 1942 thì rời ghế nhà trường.

Tuy ở trong gia đình nhạc sĩ, nhưng lại là người thích buôn bán làm ăn, nên chú Trạch mới lập ra lò làm chén ở Vĩnh Kim. Sau một vài năm buôn bán, coi bộ không khá lắm, nên bỏ nghề lên Saigon tìm việc sinh sống. Khoảng năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng, Pháp trở lại Việt Nam, những phòng trà nho nhỏ mở cửa trở lại. Chú tôi mới bắt đầu kiếm được một phòng trà nhỏ (loại salon de thé) ở đường Lagrandière.

Danh từ " Đại Nhạc Hội " xuất hiện

Có lẽ rất ít người biết từ đâu xuất phát danh từ " đại nhạc hội ". Chú Trần Văn Trạch hoạt náo và hát tại dancing Théophile ở vùng Dakao từ năm 1947-48. Các bản nhạc hài hước đầu tiên không phải do Trần Văn Trạch sáng tác mà là do nhạc sĩ Lê Thương (1914-1996) viết ra đầu tiên. Nhạc sĩ Lê Thương được nhiều người biết qua các bản " Thăng Cuội ", " Hòn Vọng Phu

1, 2, 3 ". Chính nhạc sĩ Lê Thương đã chính thức khơi mào một loại nhạc hài hước như bản nhạc " Hòa Bình 48 " (Lê Thương, 1948) đã do Ba tôi hát trong đĩa 78 vòng của hãng ORIA thu bên Pháp năm 1949, và Chú tôi hát ở Saigon với những màn bắn súng, máy bay dội bom phát sinh từ đó. Bản nhạc " Liên Hiệp Quốc " (Lê Thương, 1949) cũng được Ba tôi và chú tôi tung ra thị trường với những màn hài hước bắt chước các thứ tiếng Anh, Nga, Tàu, vv... Nhạc sĩ Lê Thương có viết năm 1948 một bản nhạc tựa là " Làng báo Saigon " do Trần Văn Trạch hát vài lần trên sân khấu nhưng bị chánh phủ cấm. Lời bài hát " Làng Báo Saigon " do nhạc sĩ Lê Thương viết như sau :

*Báo Sài Thành từ suốt ba năm nay
Sống một cuộc đời bất bình, mập mờ cũng hay
Nếu mai sau mà anh muốn nói láo
Cứ nghe tôi mà anh cứ viết báo
Công chúng đang buồn, nghe nói một hồi
Như thác nhớ nguồn, nên cũng đành thôi.
Đoạn giữa có câu
Nào xin kính chào này
Mừng tân thủ tướng mới
Chừng coi gió chiều nào
Là xoay đổi hướngvv...*

Viết lời nhạc có tính cách chính trị, nên sau đó, Lê Thương, Trần Văn Trạch, Phạm Duy, Đức Quỳnh, đã " bị mời " vào bót Catinat mấy ngày. Đến năm 1949, Trần Văn Trạch thấy rằng tân nhạc bắt đầu thịnh hành. Các ca sĩ như Minh Trang, Ngọc Sương, Ngọc Hà, Tâm Vân góp mặt trên đài phát thanh Pháp Á, trên các sân khấu trình diễn tân nhạc. Trần Văn Trạch mới có ý nghĩ " lãng xê " (từ tiếng Pháp là động từ " lancer ") danh từ " Đại nhạc hội " để chỉ định những buổi hát bao gồm ca, vũ, nhạc, kịch trong một chương trình văn nghệ. Từ đó trở đi, " đại nhạc hội " được thông dụng cho tới ngày nay.

Sau đó, chú Trần Văn Trạch thấy rằng muốn khuếch trương khía cạnh tân nhạc, chỉ có cách là mang tân nhạc xen kẽ với những màn ảo thuật, xiếc, vào những buổi chiếu phim hát bóng vì lúc đó phim hát bóng rất thịnh hành, người đi coi hát bóng rất đông, thuận tiện cho việc phổ biến tân nhạc Việt hãy còn phôi thai trong giai đoạn này.

Phụ diễn tân nhạc trên sân khấu

Sau thế chiến thứ hai, cuộc sống trên thế giới trở lại bình thường. Nền kinh tế bắt đầu tìm lại thế quân bình. Dân chúng bắt đầu đi xem hát, nghe nhạc, có nhiều cách giải trí hơn. Lúc bấy giờ, xứ Việt Nam hãy còn là thuộc địa của Pháp. Mà ở xứ Pháp, vào thời buổi đó, bắt đầu có chuyện phụ diễn tân nhạc hay những màn hát thuật giữa phim thời sự, quảng cáo, và phim chánh. Trần Văn Trạch thấy hình thức đó hay nên mới tìm cách phổ biến hiện tượng đó tại Saigon. Nhạc sĩ Đức Quỳnh và chú tôi hợp tác với nhau, và lựa rạp hát bóng Nam Việt làm nơi thử thách đầu tiên.

Lúc đó là vào khoảng năm 1951. Được dân chúng thích và đòi hỏi. Trần Văn Trạch mới lần lượt phổ biến chuyện phụ diễn tân nhạc tới những rạp hát khác và lần lần làm thành " hệ thống dây chuyền ". Tân nhạc thiếu bài mới để hát. Các nhạc sĩ mới đua nhau sáng tác những nhạc phẩm phù hợp với nhu cầu của dân chúng trong thành phố. Các ca sĩ không thể đem lên sân khấu những ca khúc hùng mạnh đầy màu sắc đấu tranh, giặc giã. Nhờ đó mà mới nảy sinh ra phong trào sáng tác nhạc rất mạnh. Trần Văn Trạch bắt đầu nổi tiếng về tài hài hước và kể

chuyện, rồi sang hát một vài bản nhạc điệu để chọc cười khán giả. Bài bản lại thiếu, nên chú tôi bắt buộc phải sáng tác những bản nhạc đúng " ni tắc ". Nhờ đó mà một số bản nhạc " điệu " được ra đời và đi sâu vào lòng dân chúng mãi cho tới ngày hôm nay như là khán giả vào lứa tuổi 50- 80 tuổi.

Những nhạc phẩm hài hước của Trần Văn Trạch

Trần Văn Trạch có một lối hát mộc mạc, đúng giọng miền Nam. Chú tôi là một trong số rất ít ca sĩ chuyên hát với giọng miền Nam, phát âm không màu mè, dùng lời lẽ đơn giản, không cầu kỳ, những từ ngữ được nghe trong đời sống hàng ngày, nhưng chủ đề lấy từ cuộc sống người dân nghèo nên rất dễ làm xúc động người nghe.

Bài hát hài hước đầu tiên được Chú tôi sáng tác là " Anh phu xích lô " (1951). Về nhạc thì sử dụng âm giai thất cung với những câu nhạc dễ nhớ được lập đi lập lại. Về tiết tấu thì sử dụng nhiều nhịp ngoại, hát mau và phải " giựt " theo kiểu swing để tạo sự vui nhộn. Tôi chỉ nhớ đoạn đầu của bài hát " anh phu xích lô " như sau :

*Có ai mà muốn đi tới Chợ Lớn
Có ai mà muốn đi tới Chợ Mới
Có ai mà muốn đi chóng cho mau tới
Ê Tôi xin mời lại đây
Chiếc xe này có bảo kiết thật chắc
Bánh xe thì tốt thùng có bọc sắt
Nếu khi mà có đụng phải xe jeep
Quý ngài chẳng hề hấn gì.*

Khi thấy loại nhạc này " hấp dẫn " người nghe, Chú Ba Trạch mới tiếp tục viết thêm một số nhạc phẩm hài hước khác như " Chuyện xe lửa mừng 5 " (1952) kể lại chuyện một anh chàng lấy xe lửa về thăm mẹ. Trên xe lửa, để cho qua thì giờ, ngồi đếm cột đèn mà bị người bên cạnh hỏi tới hỏi lui. Đến khi về nhà mới hay mẹ mình đã từ trần. Câu chuyện lúc đầu thì thấy cười. Nhưng kết cuộc là " cười ra nước mắt ".

Cho tới ngày ký hiệp định Genève (1954), Trần Văn Trạch viết khá nhiều bài như " Cái tê - lê - phôn ", " Cái đồng hồ tay ", " Anh chàng thất nghiệp ", " Cây bút máy ", " Đừng có lo "

Để cho các bạn biết sơ qua một số bài với âm điệu, tôi xin tạm ghi lại một đoạn nhỏ của một vài bài điển hình như " cái tê - lê - phôn " được bắt đầu như sau :

*Từ đâu nạn đưa tới
Gần chi cái tê lê phôn
Bởi tôi muốn làm tài khôn
Khiến tôi muốn thành ra ma
Không vào Chợ Quán cũng đi Biên Hòa
vv.....*

Trong năm 1952, tôi muốn nói tới hai bản nhạc của Trần Văn Trạch đã được nhiều người biết tới mà không phải là nhạc hài hước. Đó là bài " Chiến xa Việt Nam " và một bản nhạc khác mà hầu hết những người Việt miền Nam đều đã có nghe qua rất thường. Đó là bài " Xô số kiến thiết quốc gia ". Trong vòng 23 năm, từ 1952 tới 1975, mỗi tuần tại rạp Norodom (sau đổi lại thành rạp Thống Nhất), đều có nghe hát bản nhạc này trước khi xô số.

Tôi ghi lại đây bản nhạc này mà tôi không thấy trong những tập nhạc được xuất bản tại hải ngoại sau 1975.

*Kiến thiết quốc gia
Kiến thiết quốc gia
Giúp đồng bào ta
Xây đắp muôn người
Được nên cửa nhà
Tô điểm giang san
Qua bao lâm than
Ta thề kiến thiết
Trong giấc mộng vàng
Triệu phú đến nơi
Chỉ mười đồng thôi
Mua lấy xe nhà
Giàu sang mấy hồi
Mua số quốc gia
Giúp đồng bào ta
Ấy là thiên chức
Của người Việt Nam
Mua số mau lên
Xổ số gần đến
Mua số mau lên
Xổ số gần đến*

(nhạc và lời : Trần Văn Trạch, 1952)

Bài "Chiến xa Việt Nam" (1952) đã được nghe nhiều lần thời đệ nhất cộng hòa. Nữ ca sĩ Bạch Yến lúc bấy giờ còn là em bé Bạch Yến đã hát bài này khi dự thi tuyển lựa tài tử ở Đài Phát Á khoảng 1953. Trong những kỳ đi diễn binh nhân ngày Quốc khánh, chúng ta cũng có nghe nữa. Thời gian trôi qua, những bản nhạc hùng mạnh như Thúc Quân, Xuất Quân, Hòn Sông Gianh, Chiến Xa Việt Nam, vv.... đã mờ dần trong trí nhớ người Việt hải ngoại và trong nước.

Khi miền Nam trở thành một quốc gia cộng hòa dưới thời cố tổng thống Ngô Đình Diệm (1956-1963), nhạc sĩ Trần Văn Trạch sáng tác rất ít. Chỉ có một bài ca hài hước được ra đời. Đó là bài "Ba chàng đi hỏi vợ"

Ban Sầm Giang Trên Đài Phát Thanh

Những ai ở vào tuổi lục tuần đều có dịp nghe ban Sầm Giang do Trần Văn Trạch đảm trách trên đài phát thanh Pháp Á từ năm 1950 tới năm 1954. Con sông Sầm Giang ghi nhiều kỷ niệm trong cuộc đời thơ ấu của Chú tôi nên khi lập một ban nhạc hay một đoàn hát, Chú tôi mới lấy tên con sông này để "dựng bảng hiệu". Bản nhạc được nghe báo hiệu chương trình ban Sầm Giang trên đài là một bản nhạc do cố nhạc sĩ Nguyễn My Ca sáng tác cho một tiệm mới khai trương tại Vĩnh Kim khoảng 1940 và Chú tôi lấy điệu nhạc này và đặt lời mới vào.

Ban Sầm Giang quy tụ một số nhạc sĩ gạo cội như cố nhạc sĩ Võ Đức Thu, Kháng Băng. Về sau có nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi (ở Mỹ hiện nay), các ca sĩ nổi tiếng thời 50 như Trần Văn Trạch, Ngọc Sương, Ngọc Hà, Tôn Thất Niệm, Linh Sơn, Mạnh Phát, Minh Diệu, Túy Hoa,

Tâm Ván. Đến năm 1953, có thêm những bộ mặt mới như nữ kịch sĩ Bích Thuận, ban Thăng Long, Duy Trác, Tùng Lâm, vàem bé Bạch Yến.

Với một chương trình hàng tuần về ca, nhạc, kịch, Trần Văn Trạch đã chinh phục thính giả và nhờ đó những chương trình "đại nhạc hội" được nối tiếp và phát triển trên toàn xứ.

Năm 1953, Trần Văn Trạch diễn tại Hà Nội và rất được hoan nghênh, vì bộ môn hài hước không có trên đất Bắc. Chú tôi phải dời ngày về Saigon mấy lượt khiến cho những bạn bè đi đón "hụt" mấy lần ví Chú tôi "không chịu về". Sau chuyến đi thành công này, Trần Văn Trạch dự định đưa một đoàn văn nghệ miền Nam ra diễn ngoài Bắc lấy tên là "Đoàn Gió Nam". Việc tổ chức đang tiến hành thì hiệp định Genève (1954) đã chia xứ Việt Nam ra làm hai, nên chuyến đi Bắc của đoàn nghệ sĩ miền Nam không bao giờ được thực hiện.

Trần Văn Trạch Với Điện Ảnh

Nền điện ảnh Việt Nam ở trong giai đoạn phôi thai. Khoảng 1955, Chú tôi mới cộng tác với hãng phim Mỹ Phương bên Pháp do bà Mỹ Phương (vợ ông Trần Văn Trai, chủ nhà hàng Âu Cơ ở Paris), làm giám đốc sản xuất với sự phụ lực của Phùng thị Nghiệp và Eric Lê Hùng (từng làm đạo diễn nổi tiếng ở Pháp). Hai cuốn phim được quay là "Lòng Nhân Đạo " (1955) với Trần Văn Trạch, Kim Cương, Hà Minh Tây (anh Tây lúc trước làm việc cho đài truyền hình Pháp, giờ về hưu) thủ vai chánh, và phim "Giọt Máu Rơi " (1956) với Trần Văn Trạch và Kim Cương. Tuy rằng hai cuốn phim này chưa đạt được đúng mức trình độ diễn xuất, nhưng rất được sự ủng hộ của khán giả Việt Nam lần đầu thấy người Việt đóng phim.

Trần Văn Trạch sau đó mới rời hãng phim Mỹ Phương để cộng tác với người Tàu ở Chợ Lớn để lập hãng phim Việt Thanh, và tự làm đạo diễn cho hai cuốn phim về chuyện cổ tích Việt Nam. Đó là hai cuốn phim "Thoại Khanh Châu Tuấn " (1956) với Kim Cương, Vân Hùng thủ vai chánh, và "Trương Chi My Nương" (1956) với Trang Thiên Kim và La Thoại Tân. Năm 1957, Chú tôi bị đau thập tử nhứt sanh suốt cả năm. May nhờ có bác sĩ Phan Văn Đệ cứu sống. Rồi Chú tôi từ giã nghề điện ảnh Việt Nam lúc đó bắt đầu bành trướng và phát triển mạnh với những nhà đạo diễn chuyên nghiệp và những tài tử điện ảnh như Lê Quỳnh, Kiều Chinh, Kiều Hạnh.

Tuy Chú tôi không có tiếp tục ngành điện ảnh, nhưng cũng có đóng góp khá nhiều cho sự hình thành nền điện ảnh Việt Nam tại miền Nam Việt Nam.

Giai đoạn tổ chức đại nhạc hội

Không một nghệ sĩ Việt Nam nào mà không biết Trần Văn Trạch. Đa số đã có dịp làm việc chung với Chú tôi ít nhất là một lần trong đời. Có người gọi Chú tôi là "Anh Ba", có người trong lớp nghệ sĩ trẻ gọi Chú tôi là "Chú Ba". Với những chương trình "đại nhạc hội", Chú Trạch đã có dịp đi khắp các tỉnh, các làng ở miền Nam. Trong thời đệ nhứt cộng hòa (1956-1963), Trần Văn Trạch đã thực hiện nhiều chương trình ca, vũ, nhạc, kịch ngày càng vĩ đại với một thành phần nghệ sĩ càng ngày càng đông. Rồi Kim Cương, ban Dân Nam, Hoàng Thi Thơ... nhảy vào làng tổ chức nhạc hội cho tới tháng 4, 1975.

Năm 1960, Chú tôi mới đi sang Paris tìm những ý kiến mới. Ở Paris, Chú tôi thường xuyên hát tại nhà hàng "La Table du Mandarin", Paris, quận 1, nơi duy nhứt ở Paris có chương trình văn nghệ Á châu mỗi đêm cho khách Tây phương. Cũng nơi này do ông Phạm Văn Mười (tức Trần Văn Mười, năm 80) làm chủ, đã được những ca sĩ Việt nổi tiếng thời đó như Thiên Hương

(Tini Yong) rồi Bạch Yến (lúc sang Pháp từ 1961-63), và Bích Chiêu (1962-64), kể đến tới nữ nghệ sĩ Phùng Há và Kim Cương (1964-65) đến hát. Sau một thời gian lưu tại Pháp khoảng 6 tháng, Chú tôi trở về Saigon với một tiết mục mới là trò múa rối (marionnettes / puppet show) và bản "Chiều Mưa Biên Giới" của Nguyễn Văn Đông được hát theo kiểu sound track, có nghĩa là hát thật sự trên sân khấu với dàn nhạc của Pháp thâu sẵn trên băng nhựa. Tôi có dịp đi xem Chú tôi diễn lần đó tại một rạp hát ở Saigon (dường như là rạp Hưng Đạo, tôi không nhớ rõ lắm)

Từ khi có quân đội Mỹ vào miền Nam ngày càng đông, những night clubs dành cho lính Mỹ mọc lên như nấm. Các ca sĩ hát nhạc trẻ càng thấy nhiều hơn. Chú tôi đóng vai "ông bầu" để tổ chức những chương trình nhạc trẻ cho lính Mỹ từ năm 1965 trở đi. Trong thời gian này, Chú tôi có sáng tác một vài bản nhạc không được phổ biến cho lắm như bài "Highway 19" đặt theo điệu Long Hồ Hội, nhạc cổ nhưng trên lời Anh và theo nhịp swing.

Trần Văn Trạch sau năm 1975

Từ 30 tháng 4, 1975, Trần Văn Trạch không còn giữ chức vụ "quản lý" các nghệ sĩ miền Nam nữa. Chú tôi tạm sống một cuộc đời bình thường, với những chuyến lưu diễn địa phương cùng với một số nghệ sĩ miền Nam còn bị "kẹt" lại như Nguyễn Long (tự Long Đất, hiện ở Cali, Hoa Kỳ, làm nghề báo chuyên về văn nghệ, điện ảnh và sinh hoạt các nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại, chụp ảnh, Quốc Anh (sang Pháp và sau đó định cư tại Hoa kỳ từ thập niên 90)

Cho tới tháng 12, 1977, Trần Văn Trạch rời Saigon sang Paris. Từ đó trở đi cho tới ngày từ trần (12 tháng 4, 1994) nghệ sĩ Trần Văn Trạch, từng nổi tiếng là "Quái Kiệt" vẫn âm thầm hoạt động trong văn nghệ. Có một đạo đi đóng kịch với một đoàn hát Pháp, lưu diễn khắp các tỉnh ở Pháp. Rồi thỉnh thoảng đi đóng một vài vai phụ trong các phim của Pháp. Chú tôi tạm ngưng làm việc cho Pháp để xoay ra làm nghề khác để sinh nhai.

Sáng tác âm nhạc dường như bị "nghẹn" đi. Suốt gần 18 năm sống ở Pháp, chú chỉ sáng tác một vài bài thôi, vì lẽ cuộc sống ở hải ngoại thúc hối con người ta phải luôn luôn chạy với nhịp sống quá ồ ạt, khiến cho Chú tôi lớp phải lo việc đem vợ con sang Pháp, rồi lại phải lo kiếm việc làm độ nhật.

Tuy nhiên Chú tôi cũng có góp mặt trong làng tân nhạc Việt ở hải ngoại qua ba cuốn băng "Hài hước Trần Văn Trạch" (Thúy Nga Paris, 1982) "Con đường hạnh phúc" (Thanh Lan, 1983), và "Allô Paris" (Giáng Ngọc, Paris 1986). Về phía phim video, Trần Văn Trạch cũng có làm một cuốn kỷ niệm "Hài hước Trần Văn Trạch" do ông Cử ở quận Cam, Cali, Hoa kỳ thực hiện năm 1983. Chú tôi cũng có góp mặt trong cuốn thi ca nhạc kịch "Việt Nam" do Hà Phong thực hiện tại Paris năm 1984 với nữ nghệ sĩ Bích Thuận (vẫn còn sống tại Paris), Trần Văn Trạch, Trần Quang Hải,, Bạch Yến và Hùng Tiến (từ trần tại Paris, 2002)

Chú tôi cũng có đi diễn cho cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ năm 1983 và 1986, ở Úc châu năm 1984, và thường trực có mặt trong những buổi hát giúp lấy tiền cho những con tàu vớt người di tản. Ở Âu châu từ Anh sang Đức, từ Bắc Âu sang Thụy Sĩ, Chú tôi vẫn còn tạo những trận cười qua những màn diễn ăn khách ngày xưa. Tôi có dịp diễn chung với Chú tôi tại Luân Đôn và tại Marseille vài năm trước khi Chú tôi mất. Đó là những dịp duy nhất hai chú tôi hàn huyên với nhau và nhờ đó tôi mới ghi lại được một số dữ kiện chính xác về cuộc đời của chú Trần Văn Trạch.

Trong những năm cuối cùng của cuộc đời, Chú tôi thường đi sang Hoa kỳ làm nghề quảng cáo trên đài Truyền hình Việt Nam ở Quận Cam. Con ung thư gan hoành hành vào cuối tháng giêng 1994 đã đưa Chú tôi trở về Paris, và nằm trị bệnh tại nhà thương Thenon ở Paris, quận 20 từ đầu tháng 2 cho tới ngày từ trần (12 tháng 4, 1994). Vợ chồng chúng tôi thường vào thăm Chú tôi và tôi tìm cách chọc Chú tôi cười. Lúc đó chú tôi chỉ thều thào nói không ra tiếng vì sức quá yếu sau mấy lần mổ gan mà không cứu chữa được. Chú tôi nhắm mắt ra đi ngày 12 tháng 4, 1994 trong khi tôi đang ở Toronto (Canada).



Trần Quang Hải trước mộ Trần Văn Trạch
(23 tháng 11, 2003)

Rất đông nghệ sĩ đã đi đưa tiễn một nhạc sĩ thiên tài đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Có GS Trần Văn Khê, cô tôi Trần Ngọc Sương từ Montreal sang. Nhạc sĩ Phạm Duy từ Hoa kỳ tới cùng với Duy Quang. Ở Pháp hầu hết các nghệ sĩ đều có mặt như Hữu Phước (từ trần), Ngọc Lưu (từ trần), Cao Thái, Bạch Yến và tôi từ Canada bay về Paris, Mỹ Hòa, Thiên Nga, Minh Đức, Thu Hương, Hoàng Long, Kiều Lệ Mai, Minh Đức, Minh Thanh, Kim Chi, Tài Lương, Minh Tâm, Thanh Phong, vv... Di hài được chôn tại nghĩa trang Cimetière intercommunal ở Valenton, ngoại ô Paris.

Với trên 40 năm trong nghề, từng là người tiên phong trong việc tổ chức nhạc hội, người đã đặt ra danh từ "đại nhạc hội", người đã góp công vào nền điện ảnh Việt, người duy nhất của Việt Nam đã viết những bản nhạc hài hước lấy từ những đề tài tả cảnh khổ của người dân nghèo, Trần Văn Trạch ngày nay không còn nữa

Tôi nghĩ rằng, đối với những người làm văn nghệ, Trần Văn Trạch đã đi vào lịch sử tân nhạc Việt Nam như một số nhạc sĩ đàn anh như Phạm Duy, Lê Thương, Hùng Lô, Hoàng Thi Thơ, Lam Phương, Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lưu Hữu Phước, Hoàng Giác, Đoàn Chuẩn Từ Linh, Nguyễn Văn Thương, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, vv...

Có người sáng tác gọi hứng từ dân ca (Phạm Duy), hùng tráng có tính cách tranh đấu (Lưu Hữu Phước), hay mang tính cách địa phương (Lam Phương), và cũng có người thích khôi hài (Lê Thương, Trần Văn Trạch, Lữ Liên). Sự đóng góp của biết bao nhạc sĩ có tài của miền Nam Việt Nam cần phải được duy trì qua những bài viết, hay những quyển sách ghi lại những tài năng âm nhạc của miền Nam trong giai đoạn 1954-75. Chỗ đứng của Trần Văn Trạch hoàn toàn riêng biệt trong vườn hoa âm nhạc Việt Nam và sự đóng góp của Chú tôi cho nền tân nhạc Việt sẽ để lại cho thế hệ mai sau một hình ảnh khó kiếm giữa rừng nhạc Việt đầy hoa thơm cỏ lạ.



Trần Quang Hải (Paris,
Pháp)

Trần Quang Hải trước mộ Trần Văn Trạch
(23 tháng 11, 2003)

Ăn Uống Vì Sức Khỏe Việt Hải

Mỗi dịp đầu năm người Mỹ thường hứa với lòng mình hãy làm một điều gì mới, cái mà họ gọi là "New Year's Revolution". Tôi nghe người ta hứa hẹn sẽ bỏ thuốc lá, bỏ đi sòng bạc, bỏ rượu chè, bớt trọng lượng (sụt cân),... đại loại là nhằm bỏ điều tiêu cực để hướng về mặt tích cực. Trong tinh thần niềm mong ước cho một sức khỏe khả quan hơn, tôi xin viết tổng hợp nhiều ý tưởng bằng bạc đầu đó để thành bài "Ăn Uống Vì Sức Khỏe" để làm quà mua vui đầu Xuân, xin hiểu như vậy quý vị nhé.

Nói đến "ăn chay" thông thường người ta liên tưởng đến Phật giáo. Thật ra ý niệm ăn chay với người Tây phương, như tại đây tôi ám chỉ người Mỹ, những bạn bè mà tôi đã tiếp xúc, họ ăn kiêng cho sức khỏe, nhưng cũng có người bỏ hẳn trứng, hải sản và thịt ăn đúng nghĩa như người tu hành bên Phật giáo, dù họ đặt niềm tin vào sức khỏe mà thôi. Cơ thể chúng ta như cái máy, khi cho chất độc vào thì ắt hẳn điều xấu sẽ xảy ra mà thôi như "garbage in, garbage out", thức ăn làm hại tâm thân. Theo lối ăn truyền thống cũ của xã hội Mỹ thật là điều đáng ngại. Tôi sống chung với người Mỹ một thời gian khi mới sang Mỹ, sáng họ điểm tâm tại các quán ăn fast food, nếu đơn giản thì dùng hai cái donut và ly cà phê, hay ghé qua McDonald's kêu khẩu phần gồm bánh pancake, trứng chiên, thịt bacon và xúc xích (loại tôi cho là mỡ heo béo ngậy khi mới chiên ra). Trưa thì bạn Mỹ của tôi ăn pizza, spaghetti hay hamburger, kèm khoai chiên và 1 ly coke, đôi bụng thì supersize khẩu phần ăn. Chiều họ dùng các loại TV dinner, hay một hộp gà chiên hay một đĩa bò steak bề dày 1 inch thêm nước sauce và bơ vào để phần khỏi cái béo cho vị giác mê ly. Hình như những bạn Mỹ của tôi rất ít ăn rau, legume, trái cây. Họ được nuôi với thức ăn ngọt và béo. Cái hệ quả mà nước Mỹ đã bùng tỉnh dậy trong khoảng 2 thập niên vừa qua. Trường học Mỹ bớt lượng ngọt và béo trong khẩu phần ăn của học sinh tiểu học và trung học, và khuyến khích học trò quen với trái cây và rau.

* Thực phẩm rau quả là căn bản cho sức khỏe

Hai căn bệnh gây chết người nhiều nhất tại Hoa Kỳ là bệnh tim mạch và bệnh ung thư. Bệnh tim mạch bao gồm nghẽn mạch vành tim (coronary artery disease), nhồi máu cơ tim (heart attack), tai biến mạch máu não (stroke), suy tim (congestive heart failure), và nghẽn mạch máu chân. Bệnh ung thư bao gồm ung thư vú, ung thư đại tràng và trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư nhiếp hộ tuyến cùng vài loại bệnh ung thư khác.

Cả hai loại bệnh trên, theo các nghiên cứu khoa học cho biết đều có liên hệ mật thiết với thực phẩm nhiều chất đạm thịt và nhiều chất béo, bao gồm cả chất béo bão hòa, chất béo không bão hòa, chất cholesterol mà chúng ta ăn hàng ngày.

Khi chúng ta chào đời, toàn bộ hệ thống mạch máu của chúng ta sạch sẽ, máu luân lưu dễ dàng và trái tim bơm máu làm việc bình thường. Dần dà theo thời gian mạch máu chúng ta nhỏ dần lại do chất cholesterol xấu LDL tích tụ xung quanh bờ thành mạch máu, và do đó trái tim phải bơm mạnh hơn, gây áp xuất máu gia tăng, đây gọi là áp huyết cao (high blood pressure) và là yếu tố nguy hiểm chính trong các yếu tố nguy hiểm dẫn đến bệnh tim mạch.

Lượng cholesterol trong máu được cung cấp bởi hai nguồn:

1/ thực phẩm do chúng ta ăn từ bên ngoài, và

2/ do sự chế tạo của gan qua sự kích thích chất béo bão hòa.

Nếu chúng ta ăn nhiều thực phẩm chứa nhiều cholesterol như mỡ, thịt, nội tạng của thú vật (gan, lòng, tim, cật), tôm, cua, bơ, sữa, trứng thì sẽ dễ bị cao cholesterol. Vì gan của chúng ta chế tạo ra chất cholesterol qua sự kích thích chất béo bão hòa. Do đó, dầu thảo mộc hay chất mỡ động vật cũng làm tăng cholesterol. Nếu gan của chúng ta tạo ra nhiều cholesterol mặc dù chúng ta ăn ít thực phẩm chứa chất cholesterol hay ít dầu, mỡ thì lượng cholesterol trong máu cũng sẽ tăng cao.

Gan tạo ra nhiều hay ít cholesterol sẽ tùy thuộc vào yếu tố di truyền (genetics). Những yếu tố khác như ít tập thể dục và mập cũng có thể làm gia tăng lượng cholesterol trong máu. Thật ra cholesterol là một chất cần thiết cho cơ thể. Tuy nhiên khi lượng cholesterol lên cao, nó sẽ trở thành nguy hiểm. Chúng làm các mạch máu nhỏ hẹp lại, để cuối cùng làm tắc nghẽn các mạch máu này. Quá trình này diễn tiến âm thầm, chậm chạp qua nhiều năm tháng. Tùy theo nơi bị tắc nghẽn mà triệu chứng thay đổi khác nhau.

Khi mạch máu tim bị nghẹt người bệnh thường cảm thấy tức ngực phía bên trái. Kèm theo cơn đau là cảm giác khó thở, ra mồ hôi. Đây là dấu hiệu báo trước chúng ta sẽ bị nguy hiểm vì chứng nhồi máu cơ tim (heart attack) có thể xảy ra. Khi mạch máu dẫn tới bộ óc, trung tâm điều khiển mọi hoạt động của con người, bị tắc nghẽn thì phần cơ thể tương ứng sẽ bị tê liệt. Thường thấy nhất là nửa thân người bỗng nhiên bị bại xuội, đồng thời không nói được. Nhiều khi bệnh xuất hiện như những cơn tê nhẹ thoáng qua ở một bên người. Đây là dấu hiệu báo động cho một tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tai họa này có thể là chứng bán thân bất toại như kể trên hay là một cơn hôn mê trầm trọng có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Hiện tại phương pháp chữa trị chứng cao cholesterol bằng cách uống thuốc, chỉ có tác dụng ngăn cản hay làm chậm lại sự tiến triển của căn bệnh. Chưa có phương cách nào hàn gắn các tổn hại trên các mạch máu này. Vì thế phòng ngừa bằng cách ăn uống đúng cách và tập luyện thể lực lẫn tinh thần thường xuyên là phương pháp hay nhất để chống lại các biến chứng nguy hiểm của bệnh cao cholesterol.

Đối với bệnh ung thư, các nhà khoa học cũng cho biết mỡ động vật như mỡ heo, mỡ bò, và bơ sữa, chứa một hàm lượng lớn chất cholesterol và chất béo bão hòa (saturated fat), có khuynh hướng thúc đẩy một số tế bào ung thư nào đó phát sinh, nhất là ung thư vú. Sự chuyển hóa thành năng lượng của chúng có tác dụng đối với kích thích tố nữ, mà kích thích tố nữ lại có tác dụng thúc đẩy sinh ra ung thư vú, ung thư thân tử cung và ung thư buồng trứng.

Các nhà khoa học ở khắp nơi trên thế giới đã mất nhiều chục năm để tìm ra nguyên nhân gây nên hai loại bệnh trên và họ kết luận rằng chỉ có một chế độ dinh dưỡng ít chất béo, nhiều ngũ cốc lứt (nguyên chất, chưa chế biến), rau đậu, trái cây tươi và các thức ăn giàu chất xơ khác có thể giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch và ung thư. Họ cũng khẳng định chế độ ăn nhiều thịt, cá, bơ, sữa, của người Tây Phương không thể nào không sinh ra bệnh được, bởi vì chức năng sinh lý của con người thích hợp nhất với một chế độ dinh dưỡng bằng thực phẩm từ nguồn thực vật. Báo Newsweek, trong số đầu của thập niên 1980 đã cảnh giác: "Thực đơn quá dồi dào của người Hoa Kỳ đã là nguyên nhân của nhiều chứng bệnh nghiêm trọng và sẽ còn tệ

hại hơn nữa. Các nhà nghiên cứu nay đã được thấy rõ thực phẩm của họ trên bàn ăn là nguyên nhân chính của các căn bệnh tim mạch và ung thư."

Các bác sĩ Neal Barnard, Dean Ornish, McDougall, và Mitchel Gaynor, là bốn vị bác sĩ trong số các vị bác sĩ nổi tiếng của hậu bán thế kỷ thứ 20, đã đi tiên phong trong việc phòng ngừa và trị liệu bệnh tật bằng thực phẩm rau đậu, một thứ alternative foods cho alternative medicine. Cả bốn vị bác sĩ đã xuất bản rất nhiều sách viết về cách phòng ngừa bệnh tim mạch và ung thư bằng thực phẩm rau đậu. Họ khuyên bệnh nhân nên bỏ ăn thịt cá, chỉ nên ăn rau, đậu, ngũ cốc lứt, trái cây, luyện tập thể lực và tinh thần thường xuyên.

*** Ăn rau quả bảo vệ tim mạch**

Theo tin từ Hội Tim học của Pháp, chúng ta nên ăn mỗi ngày 2 hay 3 trái cây và 400 gram rau, như công thức 300 gram rau luộc và 100 gram rau tươi sẽ tốt cho cơ thể. Cũng như trái cây chín, rau sống cung cấp nhiều vitamins, muối khoáng, nguyên tố vi lượng vốn chứa nhiều chất đề kháng oxy hoá. Như ông bà ta vẫn thường bảo: "Đói ăn rau, đau uống thuốc", cho thấy rằng có giá ngừa ngăn bệnh hoạn tương đương với thuốc men. Rau quả đúng là một liều thuốc tuyệt vời dành cho những ai muốn giảm cân, vừa ngon miệng mà vẫn đầy đủ chất dinh dưỡng, lại hết sức an toàn cho sức khỏe. Bạn có thể dễ dàng thực hiện một thực đơn ăn kiêng lấy rau quả làm thức ăn chính.

*** Hãy ăn thêm những loại rau quả**

Nếu ta không có điều kiện thuận lợi để tăng thêm khẩu phần rau xanh hoặc trái cây trong bữa ăn, hãy uống nước xay các loại rau quả. Đó cũng là một giải pháp tốt. Nước xay rau quả là một dạng chất lỏng kết hợp cho sự dinh dưỡng cao giữa các loại trái cây và nước tinh khiết, loại thức uống chứa rất nhiều chất bổ dưỡng cho cơ thể chúng ta. Chính vì thế mà các nhà dinh dưỡng học hay các y sĩ thường khuyên bệnh nhân uống nhiều nước xay trái cây để cơ thể tăng thêm sức đề kháng. Hơn nữa, nếu chúng ta không thích ăn trái cây thì hãy nghĩ đến việc uống nước xay trái cây (fruit juice hay smoothie). Có hai loại nước xay trái cây mà ta có thể lựa chọn trong khía cạnh dinh dưỡng học:

- Nước trái cây đơn sắc: Chỉ có một loại trái cây hoặc rau xanh được sử dụng để bạn có thể dễ dàng lựa chọn hương vị mà mình thích. Ví dụ như nước khóm, dâu tây, kiwi, cantaloupe, nho đào, cà chua, cà rốt hay cam khá phổ thông được nhiều người ăn kiêng thích thú, nó chứa nhiều dưỡng chất và còn có tác dụng làm đẹp da.

- Nước trái cây đa sắc: Được trộn nhiều loại rau quả khác nhau lại tạo thành hỗn hợp mang nhiều mùi vị hơn. Tuy vậy cũng có nhiều người không thích uống loại nước thập cẩm này nhưng rõ ràng là nó đầy đủ dưỡng chất hơn nước ép trái cây đơn sắc và sự hỗn hợp như thế rất tốt cho cơ thể. Trên thị trường Mỹ quốc các nhà sản xuất như Tropicana, Dole, Welch's,... cho ra những hiệu như Exotic Juice, Tropical juice, V8,... gồm nhiều loại nước xay trái cây đa sắc.

Thật vậy, những loại rau quả hay nước trái cây này vô cùng hữu ích, nó đều chứa rất nhiều loại vitamins mà có người gọi là thuốc tươi hàng ngày ("daily fresh medicine") và xin quý vị đừng nên xem thường chúng trong thực đơn ăn kiêng hay ăn chay của mình. Hãy đảm bảo sao cho ít nhất 1 tuần bạn ăn các món này một lần. Ăn kiêng hay ăn chay ngày càng trở nên quen thuộc với phụ nữ hiện đại và trở thành một phương thuốc rất tốt cho cả sức khỏe và tinh thần.

*** Thức ăn làm cơ thể khỏe mạnh hơn**

Phần lớn chúng ta thường ít chú ý là một ly nước xay trái cây hay một đĩa rau cải có thể mang lại cho mọi người nhiều chất dinh dưỡng và năng lượng hơn họ nghĩ. Thật vậy, ăn chay là lúc mà ta muốn cơ thể sống khỏe mạnh và tinh khiết và tinh thần được trở nên minh mẫn và sáng suốt hơn. Đây quả thật đúng là cách ích lợi nhất cho mọi người chọn cho mình một lối suy tư về sức khỏe của chính mình. Khi chọn ăn chay hay ăn kiêng, cơ thể sẽ phân hủy thực phẩm mau lẹ hơn, và cũng như phân hủy calcium khiến hệ thống xương vững chắc hơn. Hơn nữa, rau quả giúp loại trừ độc tố khỏi gan, ruột, thận và các bắp cơ. Nó vững mạnh hệ thống miễn nhiễm cho cơ thể, và cũng làm lành các vết thẹo, làm trẻ trung hoá các tế bào, phục hồi các bộ phận bị tổn thương hay nhiễm độc.

Bởi vì rau quả chứa rất nhiều chất xúc tác enzyme nên cơ thể không cần vất kiệt lượng chất xúc tác enzyme dự trữ để phân hủy thức ăn hữu cơ. Thay vì sử dụng enzyme tích trữ trong cơ thể, rau quả cung cấp luôn các chất này để giúp tiêu hoá thức ăn nhanh hơn. Và khi có nhiều enzyme được tiết ra cho nhu cầu sử dụng, cơ thể sẽ đào thải độc tố dễ dàng và mau lẹ.

*** Tiết giảm bớt lượng đường huyết**

Người thích thức ăn hay thức uống ngọt thường có lượng đường trong máu nhiều hơn bình thường. Tình trạng này rất dễ kéo theo căn bệnh tai biến mạch máu, do lượng đường tràn ngập làm tắt nghẽn các mạch máu. Nếu bạn ăn rau quả thường xuyên và liên tục, bạn sẽ đưa vào cơ thể rất nhiều chất carbon hydrate và chất này lại có tác dụng ngăn cản lượng đường trong máu gia tăng cao. Quan trọng hơn khi cơ thể tự làm sạch từng ngõ ngách nhờ lượng enzyme mà rau quả mang đến, ta cảm thấy mệt mỏi, vì khi đó các độc chất phản ứng lại việc bị bài tiết các chất dư thừa khiến cơ thể bị thay đổi đột ngột, sự khó chịu là vậy.

*** Vai trò của hệ thống ruột**

Ruột non nối liền với ruột già. Vai trò của ruột non là đóng góp trong diễn trình tiêu hóa và hấp thụ những chất dinh dưỡng nuôi cơ thể. Các tuyến trong niêm mạc của ruột non tiết ra các chất xúc tác enzyme tiêu hóa và chất nhớt, nhầy. Trong khi ruột già có vai trò tiếp thu nước từ các chất do ruột non chuyển sang và thực hiện tiến trình điện giải các chất chưa được tiêu hóa bên ruột non. Các chất này được đưa tới các cơ co thắt nhịp nhàng để phân hủy ra hậu môn. Do vậy, ruột là nơi bài trừ độc chất, hệ thống ruột có thể loại ra 15g hoặc nhiều hơn các độc chất hằng ngày. Nếu độc chất không được loại trừ ra khỏi ruột già, thận hay da, chất độc sẽ bị tích trữ trong cơ thể. Lâu dần, nó sẽ kết tụ lại thành các khối u và trở thành thành búi, mà nguyên nhân của rất nhiều căn bệnh nan y không mong muốn. Trong một cuộc nghiên cứu hỗn hợp giữa 2 nhóm bác sĩ của Viện Nghiên cứu Karoliska của Thụy Điển và các chuyên gia tại Đại học Y khoa Harvard, bản nghiên cứu lưu ý 3 yếu tố: sinh tố B6 trong thức ăn, nguy cơ ung thư ruột già và ảnh hưởng của rượu cũng cho kết quả tương tự. Những phụ nữ uống rượu nhỏ, ít dùng sinh tố B6 thì nguy cơ ung thư ruột già tăng cao trong khi những người dùng sinh tố B6 trong thời gian dài sẽ giảm nguy cơ mắc bệnh này.

Bên cạnh việc ăn nhiều rau quả, hãy chắc chắn bạn uống ít nhất là 1.5 lít nước mỗi ngày. Ruột của bạn cần khoảng 2 lít/ngày để hoạt động trơn tru và còn cần nhiều hơn thế khi thực hiện chức năng giải độc. Uống gần 2 lít nước mỗi ngày sẽ giúp cho thận của bạn có cơ hội đào thải các độc tố và duy trì dòng máu luân chuyển đều đặn trong cơ thể.

Việc ăn kiêng hay ăn chay và uống nhiều nước cũng giúp bạn bài tiết các chất cặn bã dễ dàng và đều đặn hơn. Khi hệ thống đường ruột hoạt động hiệu quả thì chúng ta tránh được bệnh táo bón và bệnh trĩ.

*** Ăn chay giảm cân nhanh hơn ăn kiêng**

Theo kết quả một nghiên cứu mới đây tại Mỹ được đăng trên tạp chí American Journal of Medicine, một kế hoạch ăn chay ít chất béo có thể giúp giảm cân nhanh hơn so với một cách ăn thực phẩm chứa ít cholesterol. Giáo sư y khoa Neal Barnard ngành dinh dưỡng học, thuộc trường Đại học Y khoa George Washington đã đề nghị 64 phụ nữ ở tuổi mãn kinh và nặng cân, được chia ra làm 2 nhóm, theo một chương trình ăn chay nhiều rau cải, hoa quả và ít chất béo hoặc cách hai ăn kiêng theo một cung cách ăn thông thường ít calorie và ít cholesterol.

Sau 14 tuần lễ, các phụ nữ theo chế độ ăn chay với sự giới hạn ít chất béo gồm nhiều rau quả, ngũ cốc nguyên hạt (whole grains) và các loại đậu làm họ giảm 6.5kg. Trong khi các phụ nữ nhóm hai ăn kiêng theo phương cách dùng ít chất cholesterol, kết quả cho thấy chỉ giảm 4kg. Theo giáo sư Barnard nhận định, cung cách ăn chay dễ theo hơn vì không đòi hỏi việc canh đếm số lượng calorie và cách giảm bao nhiêu khẩu phần ăn trong nhóm ăn kiêng (dietic style). Cả hai cung cách ăn này đều giúp giảm 400 calorie trong khẩu phần ăn bình thường, nhưng kết quả cuối cùng phương cách ăn chay giúp giảm cân nhiều hơn.

*** Vài thức ăn ích lợi cho cơ thể**

Yaourt: tạo vi khuẩn có ích và tiêu diệt vi khuẩn có hại

Trà xanh: chống ung thư, làm bền răng, chữa được sâu răng (nhờ chất fluor), diệt vi khuẩn và nâng cao độ bền huyết quản

Nho đen hay đỏ: chống lão hóa, chống ôxy hóa (anti-oxidant)

Khóm (thơm): ngừa bệnh sạn thận, lợi tiểu

Bắp: giúp tránh tăng huyết áp và xơ cứng động mạch

Yến mạch (oat meal): hạ huyết áp, hạ mỡ máu và hạ đường máu

Mầm lúa mì (wheat germ): hạ áp huyết và hạ mỡ máu

Khoai lang: hấp thụ nước, hấp thụ mỡ và đường, hấp thụ độc tố

Bí đỏ (bí rợ): kích thích tế bào tụy, sinh sản insulin, nên thường ăn nó rất ít bị bệnh tiểu đường.

Cà-rốt: dưỡng mắt, dưỡng da, dưỡng tóc, dưỡng niêm mạc

Đậu nành: chống ung thư, ngừa bệnh cao mỡ, giàu chất đạm

Khô qua (mướp đắng): tốt cho trị bệnh tiểu đường

Cà chua: tốt trị bệnh nhĩếp hộ tuyến và có ích tạo làn da đẹp

Bồ công anh: tẩy độc tố trong gan, lợi tiểu

Artichaut: tốt cho gan lọc mỡ, lợi tiểu

Tỏi: ngừa ung thư, ngừa cao mỡ, hạ áp huyết

Hoài sơn, khoai mì: lược dùng trị bệnh tiểu đường

Rong biển: rất quan trọng đối với các bệnh tim mạch, huyết áp cao, mỡ máu cao, tiểu đường.

Nấm đông cô: nâng cao khả năng miễn dịch

Nấm mèo: tránh bệnh máu đông đặc

*** Ăn chay giảm cân nhanh hơn ăn kiêng**

Theo kết quả một nghiên cứu mới đây tại Mỹ được đăng trên tạp chí American Journal of Medicine, một kế hoạch ăn chay ít chất béo có thể giúp giảm cân nhanh hơn so với một cách ăn thực phẩm chứa ít cholesterol. Giáo sư y khoa Neal Barnard ngành dinh dưỡng học, thuộc trường Đại học Y khoa George Washington đã đề nghị 64 phụ nữ ở tuổi mãn kinh và nặng cân, được chia ra làm 2 nhóm, theo một chương trình ăn chay nhiều rau cải, hoa quả và ít chất béo hoặc cách hai ăn kiêng theo một cung cách ăn thông thường ít calorie và ít cholesterol.

Sau 14 tuần lễ, các phụ nữ theo chế độ ăn chay với sự giới hạn ít chất béo gồm nhiều rau quả, ngũ cốc nguyên hạt (whole grains) và các loại đậu làm họ giảm 6.5kg. Trong khi các phụ nữ nhóm hai ăn kiêng theo phương cách dùng ít chất cholesterol, kết quả cho thấy chỉ giảm 4kg. Theo giáo sư Barnard nhận định, cung cách ăn chay dễ theo hơn vì không đòi hỏi việc canh đếm số lượng calorie và cách giảm bao nhiêu khẩu phần ăn trong nhóm ăn kiêng (dietic style). Cả hai cung cách ăn này đều giúp giảm 400 calorie trong khẩu phần ăn bình thường, nhưng kết quả cuối cùng phương cách ăn chay giúp giảm cân nhiều hơn.

oOo

Trong mùa đón mừng Năm Mới, chúng ta theo truyền thống của dân tộc chuẩn bị cho Tết nhiều thức ăn, nhiều, bánh kẹo, mứt,... Nếu có vui Xuân thì hãy ước nguyện cho lòng mình được bình an. Và rằng ăn chay hay ăn kiêng đều tốt. Tùy theo sự chọn lựa và tùy điều kiện của sức khỏe. Hãy bắt đầu với lời ước nguyện đầu năm đi bạn nhé!

Việt Hải

ZIDANE

Xuân Sương

Chuyện của ai đâu mà cô hàng xóm và tôi suýt cãi nhau. Chẳng là cô trách cầu thủ Zidane húc đầu vào Materazzi để bị đuổi ra sân khiến đội Pháp thua, rằng ở mức độ đó thì không thể phạm lỗi lầm như vậy, rằng phải giữ bình tĩnh... Tôi thì cho rằng mình đứng ngoài phê bình rất dễ, nên muốn trách ai cứ đặt mình vào địa vị họ cái đã, rằng đầu sao Zidane cũng chỉ là con người...

Dĩ nhiên cô hàng xóm không đồng ý, cũng như nhiều người khác. Đến hôm 12-7 vừa rồi, Zidane trả lời phỏng vấn trên truyền hình thì tôi hơi thất vọng. Tôi nghĩ Zidane chỉ có mấy phút đồng hồ để rao giảng một bài học đạo đức rất cần thiết cho thể thao nói chung, cho ngành bóng đá nói riêng, và hiện giờ anh là người duy nhất có thể làm điều đó với tất cả điều kiện thuận lợi. Nhưng anh đã bỏ qua cơ hội.

Tôi chờ đợi Zidane nói các trận đấu cấp bậc quốc tế thì mọi cầu thủ đều bị áp lực rất nhiều, rằng dù mệt mỏi ai cũng đem hết sức mình để thắng, không phải cho cá nhân mà cho toàn đội, cho người yêu bóng đá khắp thế giới và cho quốc gia... Rằng tất cả đều phải nỗ lực tài năng trong cách chơi với tinh thần thể thao lành mạnh, rằng nếu chuyện chơi xấu để ngăn cản đường banh là chuyện bình thường thì cũng lưu ý đừng làm hại đến sức khoẻ đối phương, rằng mọi thủ đoạn lung lạc tinh thần bằng cách chửi cá nhân nhau chẳng nên áp dụng... Cũng như tôi chờ Zidane trả lời là đối với cá nhân Materazzi thì Zidane không hối tiếc, nhưng hối tiếc với cả tỉ khán giả trên khắp thế giới đã gây ra cho họ cú sốc bất ngờ ...

Nhưng Zidane không nói những điều ấy khiến tôi bức bối mất ngủ hôm đó và cả ngày hôm sau. Tôi giật mình thấy rốt cuộc mình thất vọng vì cũng nói theo ý riêng, có đặt mình vào "da thịt" Zidane đâu! Có thể trong nghề, hơn ai hết Zidane hiểu bài học đạo đức đó là vô bổ không áp dụng được, rằng dù trong giới thể thao nhưng tinh thần không hoàn toàn thuần túy thể thao mà nhiều lý do khác chi phối thống trị, thì nói gì ra cũng chỉ là "lên lớp" vô duyên. Và cuối cùng, giản dị là Zidane không có ý tưởng như vậy trong đầu. Ngược lại tôi phục Zidane ở thái độ trình bày sự việc. Dù cho là những điều Materazzi nói "rất đau", anh thích thà bị đâm vào mặt hơn là nghe những lời đó nhưng vẫn nói rất trầm tĩnh nhẹ nhàng mã thượng, nét mặt không tỏ gì sân hận mặc dù chính thái độ có thể cho là hèn kém của Materazzi đã đẩy anh tới rắc rối hiện

nay. Tôi tự hỏi nếu là mình, lúc đó chỉ húc đầu thôi hay thôi thêm cho Materazzi mấy đấm, nện thêm cho hấn mấy đá?

Chính Zidane cũng nói trước hết anh chỉ là con người. Mà con người thì thất tình lục dục, có gia đình và danh dự. Bên cạnh là nghề nghiệp. Trong vị trí thủ quân, Zidane có bốn phận tinh thần hướng dẫn đội mình tới vinh quang. Nhưng trước khi là thủ quân, anh đã-đang-và luôn luôn là một con người. Và con người thì có chọn lựa những gì thiêng liêng nhất đối với mình. Zidane đã từng tuyên bố trong đời có những điều quan trọng hơn quy luật bóng đá, tức là Zidane không đặt nghề nghiệp và quyền lợi trên gia đình và danh dự. Cầu thủ Ý biết thóp điểm yếu đó của Zidane. Nếu không có Zidane trong sân thì rất lợi cho đối phương, tôi tự hỏi trong đời "banh nghiệp", Zidane đã bực bội mất ngủ bao đêm vì trò ma mãnh này? Khi trách thì người ta nhắc đến trình độ kỹ thuật "ở mức độ ấy" mà quên tính cách "con người". Và muốn hạ bệ thần tượng con người thì lại quên trình độ kỹ thuật: bao nhiêu năm mới có được một Zidane? Tự động báo chí mệnh danh Zidane là "người *cool* nhất hành tinh", là "Dalai Lama của bóng đá" ... Ghê gớm hơn, triết gia Bernard-Henry Lévy giải thích cái húc đầu của Zidane là "hành động tự sát của bán-Thần" Từ đó họ đòi hỏi Zidane phải có cách cư xử như Phật sống Thánh sống nên anh làm khác đi thì bất mãn. Có lẽ nên tước danh hiệu triết gia của ông Lévy này đi. Về phần Zidane, chỉ nên xem anh là một cầu thủ. Cầu thủ hay thì đội bóng có lợi. Không hơn không kém.

Mỗi con người là một vũ trụ riêng biệt, có khi nói bằng lời hay bằng chữ mà cũng có thể còn hiểu lầm nhau. Ông cha mình đã dạy rất hay là trước khi nói hãy uốn lưỡi bảy lần. Mất thì giờ thật, nhưng sẽ giảm đi nhiều phức tạp khác còn mất thì giờ và tình cảm nhiều hơn. Dẫu chưa biết chuyện gì, trên 60% dân Pháp đã tha thứ cho Zidane thì cũng đủ thấy thiên hạ có lòng thông cảm. Báo L'Equipe chụp lúc Zidane ra khỏi sân, một mình ngơ ngác giữa sân cỏ thênh thang ngược mặt lên Trời, như thể nói với đấng tạo hóa "Con chỉ là một con người". Một bức hình ý nghĩa và tuyệt đẹp đối với một con người tuyệt đẹp.

Xuân Sương
Paris, juillet 2006

Vài kỷ niệm với điêu khắc gia LÊ THÀNH NHƠN

Võ Kỳ Điền

Tôi và Lê Thành Nhơn là bạn từ thuở ấu thơ, chúng tôi lớn lên ở xóm chợ Thủ Dầu Một thuộc thị xã Phú Cường. Hai đứa học trường Trung Học Tư Thục Nguyễn Trãi tọa lạc trên đường Võ Tánh. Cũng trên con đường này cách trường năm chục thước có con hẻm nhiều cây xanh, đầu hẻm là tiệm hủ tiếu Cây Dừa, đi sâu suốt vô hẻm là nhà Nhơn, căn nhà bằng cây lá đơn sơ, cạnh con rạch nhỏ, bên kia là cầu đúc phía nhà thuốc Võ Văn Vân.

Thuở đó mỗi ngày có buổi học tôi thường la cà, lang thang từ nhà, băng ngang qua khu phố chợ, đến nhà Nhơn để rủ đi học chung. Hồi nhỏ, tôi cũng có nhiều bạn nhưng không biết tại sao tôi lại thích cùng Nhơn đi chung hơn là các bạn khác. Có lẽ tánh tình Nhơn hiền lành và ưa chiều chuộng bạn bè. Tôi là thằng nhỏ dễ buồn dễ vui, lại ưa hờn mát, giận lẫy, khó có bạn nào chơi lâu cho được ngoài Nhơn.... Bây giờ nhớ lại từ thời con nít đó cho đến bây giờ, hình như hai đứa chưa hề gây lộn hay đánh lộn lần nào.

Đến chơi nhà Nhơn có nhiều thú vị lắm. Nhà tuy nghèo nhỏ và đơn sơ, nhưng tôi đâu để ý mấy thứ đó làm chi. Cái tôi thích nhất là mỗi lần đến, là Nhơn thường bày ra nhiều trò chơi ngộ nghĩnh. Những ngày nghỉ học tôi cùng Nhơn lội xuống rạch bên hông nhà để móc đất sét xám đen dẻo quánh lên phơi khô để nắn tượng. Tôi và Nhơn tha hồ mà nắn trâu, bò, gà, vịt, chó, heo, ông già, con nít... Trò chơi thiệt là vui và kỳ lạ. Tôi vốn làm biếng và thích ở dơ, nên việc vọc bùn vọc đất tay chùn mặt mũi tèm lem tuốt luốt thiệt là hấp.

Con người Nhơn toát ra một vẻ gì đặc biệt kỳ lạ lắm, tôi không giải nghĩa được. Nhơn có thân hình lực lưỡng, xương to và lộ, da đen mun, mắt lộ, kiểu mắt ốc bươu, ánh mắt sáng quắt và mạnh. Đầu to, tóc quăn xoắn đuôi rùa và xương quay hàm bạch hằn ra, mặt vuông hình chữ điền, răng Nhơn trong sáng và đẹp. Không biết vì cạp mía hay cắn vật gì cứng rắn, răng cửa của Nhơn bị mẻ một miếng to, tôi thường nhìn cái răng mẻ như một thói quen khi nói chuyện với bạn. Mỗi lần nhớ tới Nhơn là tôi nhớ cái răng cửa mẻ đó. Thoạt trông Nhơn rất gồ ghề, bậm trợn và gân guốc, vóc dáng bề ngoài dễ sợ như vậy nhưng tánh tình bên trong lại hiền khô.

Tuy chơi thân và đến nhà Nhơn mỗi ngày, tôi chỉ biết mẹ Nhơn là một bà già tóc bạc với dáng vẻ phúc hậu. Bà ít nói và sống trầm lặng, tôi hoàn toàn không gặp cha Nhơn lần nào, nghe nói là ông đi làm xa, làm gì tôi không biết, thỉnh thoảng mới đem tiền về để gia đình chi dụng. Nhà có ba anh em trai, hao hao giống nhau, cũng to lớn, mập mập và đen đen. Tên của cả ba thiệt là lạ và hay. Anh Lê Chơn Thành, rồi Lê Thành Nhơn và cậu em út tên Lê Nhơn Thiện. Tên của người này lấy làm chữ lót của người kia, tên người kia lấy làm chữ lót cho người nọ... Tôi thích cách đặt tên của ba anh em nhà này lắm, rõ là cha mẹ muốn con cái liên kết nhau, ràng buộc gắn bó mà thương yêu nhau hoài hoài. Cũng do cách đặt tên này, tôi đoán ba má Nhơn tuy nghèo nhưng chắc chắn phải là người có học thức và có đời sống nội tâm cao.

Lúc đó, học sinh Việt Nam còn phải học chương trình thuộc địa, giáo sư dạy môn Sử Địa của chúng tôi là nhạc sĩ Lê Thương (Ngô Đình Hộ) với các bài giảng về cuộc Chiến tranh Thập Tự Giá Một Trăm Năm, Thời Trung Cổ, Thời Phục Hưng...bên Âu Châu, cuộc Cách Mạng Tự Do Dân Chủ 1789, thầy giảng say mê bằng tiếng Pháp giọng Bắc nghe ngộ lắm và chúng tôi học cũng say mê. Tôi cố gắng học bài để được điểm tốt, thi cho đậu cao mà không chịu khó hiểu cho tường tận và ứng dụng được điều gì trong các bài học ở mấy cái xứ gì lạ hoắc đó.

Trái lại Lê Thành Nhơn khác tôi. Sau thời gian vọc đất nắn tượng, không biết do đâu và đọc thêm sách nào, Nhơn lại đắm ra say mê môn hội hoạ. Nhà bạn bây giờ lại đầy giấy trắng, thuốc màu và cọ. Tôi lại thấy Nhơn say mê với cọ với màu, và câu chuyện giữa tôi và Nhơn không còn là chuyện đá cá lia thia, đá gà, câu cá, lội sông như thuở trước nữa mà là nghe Nhơn miên man nói về mấy ông hoạ sĩ lạ hoắc như Renoir, Gauguin, Matisse, Van Gogh... gì đó. Mỗi lần nói về trường phái Tượng Trưng, trường phái Siêu Thực, Dã Thú, Lập Thể, Ấn Tượng... Nhơn nói say sưa, tôi lắng nghe bạn nói, mà không hiểu gì hết trơn. Tôi cũng tin rằng Nhơn biết tôi không hiểu, nhưng mà Nhơn vẫn nói, hình như Nhơn nói cho chính Nhơn nghe. Nói ra được điều mình yêu thích cũng là một thứ hạnh phúc, cần gì người hiểu hay không hiểu. Đến bây giờ thì tôi hiểu được một chút, nói là một nhu cầu và bộc bạch, thổ lộ tâm sự là một nhu cầu cần thiết. Bên trong con người Nhơn chất chứa từ đời nào, có thể từ kiếp trước, một thứ đam mê nghệ thuật, rất to, thiệt là to, khó mà hiểu được...

Quả tình tôi có chịu khó lắng nghe... mà không cần phải hiểu và quả tình Nhơn có một sở thích mà tôi chưa từng thích bao giờ. Lúc đó cái tôi thích khác hẳn bạn mình. Tôi ngâm nga, ư ử suốt ngày các bài thơ có trong tay, Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính... Tôi âm thầm nắn nót chép tay các bài thơ tình trong tập giấy trắng nỡn, để lén tặng cho con nhỏ có cặp mắt thiệt to, học lớp đệ nhị niên (deuxième année) mà tim đập thình thịch. Làm quen với con gái thiệt là khó và run muốn chết, tôi mắc cỡ mà thú thật với Nhơn như vậy..

Nhơn biết được chuyện riêng tư đó và cười cho tôi tầm thường. Nhơn đôi khi nói với tôi, đời người ngắn ngủi và vô thường, được sống làm người thì phải làm cái gì hữu ích cho xã hội, nhưng đã làm thì phải làm cho vĩ đại, đừng chấp nhận sự tầm thường, hèn mọn... rồi sau đó những mẫu người vĩ đại của Nhơn là Van Gogh, Matisse....lại ào ào tuôn ra. Bạn thường tâm sự với tôi những mơ ước cao xa, những thành công rực rỡ, những viễn ảnh kỳ thú, những sung sướng khi thực hiện được hoài bão. Nhơn thường nói xa nói gần cho tôi hiểu những kẻ sống không lý tưởng, chỉ cố học cho cao dùng bằng cấp kiếm tiền cho nhiều, sống giàu sang sung sướng bên vợ đẹp, con khôn, sống đời ích kỷ là đáng chê trách.

Tôi biết rồi, chuyện vĩ đại mà bạn mình nói là tạo nên những công trình đồ sộ cho nghệ thuật, nghệ thuật hội hoạ, nghệ thuật điêu khắc.... Tôi nghĩ thầm, Nhơn và tôi ở tỉnh nhỏ, lại còn là con nít, học hành đâu có bao nhiêu, nhà lại nghèo thì làm sao làm chuyện gì cho vĩ đại được. Những nhà danh hoạ, điêu khắc mà Nhơn thường ôm ấp trong lòng, thường nhắc tới đó, coi là thần tượng đó, nghe nói họ sống nghèo khổ lắm, không vợ, không con, và chết trong hiu quạnh cô đơn. Những tác phẩm của họ chỉ nổi tiếng sau khi đã chết. Cũng như thầy Nhan Hồi sống thiếu thốn nghèo rớt mồng tơi, vậy mà đức Khổng Tử đã từng khen ngợi -sống trong hẻm nhỏ, một giỏ cơm, một bầu nước, gấp tay gối đầu mà vui với đạo lý, quên đi cái nghèo.

Nhà tôi vốn buôn bán và khá giả, tôi không hiểu và thiệt tình không hiểu, thiếu thốn, nghèo khổ làm sao mà vui được, thầy Nhan Hồi hay mấy ông Renoir, Gauguin gì đó... có thiệt vui không, mà chết rồi, nổi tiếng sau khi chết, thì dù đạt được cái danh, họ cũng đâu có biết,

sướng ích gì đâu,... Tôi nghĩ như vậy, thương cho bạn (!) và thấy bạn thuộc mẫu người không tưởng, mơ mộng, xa xôi, hão huyền...

Sau khi cả hai đậu Trung Học xong, tôi phải xuống Sài Gòn tiếp tục học các lớp cao hơn. Nhon lại thi đậu vào trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một, sau đó nhờ học giỏi thi đậu vào Cao Đẳng Mỹ Nghệ Gia Định... Rồi những nhu cầu cơm áo, những hệ lụy nhân sinh, tôi và Nhon xa nhau biệt lập lúc nào không nhớ. Năm 1963 sau cuộc đảo chánh Ngô triều, tôi bất ngờ gặp Lê Thành Nhon trong công viên Tao Đàn, trong phòng triển lãm rộng lớn, trình bày những hình ảnh Pháp nạn của Phật Giáo. Nhon chỉ cho tôi bức tranh sơn dầu thật lớn, choáng đầy cả bức vách, hình ảnh những nạn nhân của chế độ đang rên siết oằn oại, vươn lên những cánh tay khẳng kheo như muốn bám víu một chút hy vọng, một chút tình thương, màu sơn đỏ bầm, màu sơn tím nâu như màu máu, màu lửa, màu đấu tranh bốc lên ngùn ngụt... tôi đọc được chữ ký tên Lê Thành Nhon bằng sơn vàng ở góc phải. Cái sống động, cái to lớn vĩ đại của bức tranh làm tôi chú ý.

Tôi hiểu ngay, những đường nét, màu sắc, khuôn khổ bạn tôi thể hiện cho tác phẩm không bao giờ có sự tầm thường và bạn tôi, tác giả, cũng không tầm thường. Con đại bàng lúc còn non thì cũng là đại bàng, không bao giờ là chim sẻ.

Lê Thành Nhon rời Bình Dương mà bay nhảy tận chun trời góc biển nào. Đời sống vật chất bạn ra sao, tôi không biết, vợ con bạn ra sao, nghề nghiệp ra sao, tôi không biết. Cuộc chiến lúc đó dữ dội và tàn khốc quá mà. Thời gian trước tháng tư, 1975 chừng vài tháng, Lê Thành Nhon lái một chiếc xe Huê Kỳ lớn màu xanh trở về Bình Dương kiếm tôi, không phải để đi rêu rờ đi chơi mà bàn công chuyện. Tôi mừng cho bạn và ngạc nhiên hết sức. Bạn muốn tôi giới thiệu với ông bác, sui gia ba tôi ở Búng, thuộc quận Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương. Tôi nhìn Nhon ngạc nhiên và hỏi - bạn muốn tôi giới thiệu với bác Đạo để làm chi. ?

Nhon lấy ra một hoạ đồ kiến trúc thật lớn để lên bàn và giải thích cho tôi hiểu. Khu vực xa lộ từ Búng lên Bình Dương có những ngọn đồi cao thấp thật đẹp, tại sao lại phí phạm đem trồng củ sắn với khoai lang, khoai mì. Mình phải biến nó thành một công viên quốc gia với đầy đủ các tượng danh nhân, những người có công góp phần xây dựng đất nước Việt Nam thân yêu này như Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu... những anh hùng, những văn nhân, nghệ sĩ tài hoa để con cháu noi gương mà yêu thương cái đất nước bốn ngàn năm văn hiến này.

Tôi nhìn sững Nhon - lập một công viên quốc gia, tiền ở đâu, ai cho, và làm như vậy để được cái gì, đất nước đang chiến tranh tàn khốc, làm sao mà thực hiện. Khả năng Nhon tới đâu và công trình này đâu phải là một người có thể làm. Hàng trăm câu hỏi trong đầu, chuyện này Nhon nói thiệt hay nói chơi và tôi chợt hỏi- tại sao bạn lại nhờ tôi giới thiệu với bác Đạo, bác Đạo có liên hệ gì tới vụ này ?

Nhon trả lời cho tôi là đã gặp ông xã Nhu làng Hưng Thạnh, cũng như đã nghiên cứu kỹ sổ địa bộ của vùng này, biết được những trái đồi đó thuộc sở hữu của bác Đạo, công trình này là tầm mức quốc gia, chứ không còn thuộc tỉnh hay địa phương nữa... Nhon có khả năng thuyết phục các giới chức thẩm quyền tài trợ, các doanh thương, kỹ nghệ gia quyên góp, đồng thời có sự giúp đỡ của các cơ quan quốc tế...

Rồi Nhơn nói miên man những công trình đã thực hiện ở Huế, ở Đà Nẵng, ở Phan Thiết, những phù điêu trang trí dinh Độc Lập, những cuộc triển lãm quốc tế, những huy chương vàng bạc nhận được và cuối cùng những phác hoạ đẹp đẽ trong tương lai cho Bình Dương chúng tôi -thung lũng xanh bên này phải là công viên cây cao rủ bóng, bên kia là suối reo, bên nọ là rừng thưa nuôi những đàn nai ngơ ngác, có những con đường trải sỏi cho những cặp tình nhân yêu nhau hò hẹn, dọc theo các đường mình dựng tượng... tất cả phải to lớn, phải vĩ đại. Tôi nghe qua như nằm chiêm bao, mới có chừng mười năm xa cách mà Nhơn đã khác lạ quá mức tưởng tượng trong tôi, thiệt tình tôi không ngờ, quả là không ngờ được...

Sau đó, Nhơn gặp bác Đạo, các giới chức địa phương, trình bày, bàn cãi, thảo luận nhiều ngày về phương cách thực hiện dự án này. Lúc đó tôi mới bật ngửa, chuyện thiệt tình chớ không phải chuyện nói chơi, con đại bàng đã đủ lông cánh...

*

Khi nghe tin Nhơn bệnh rồi biết tin bạn mất ở Úc Đại Lợi, tận Nam Bán Cầu, tôi cảm thấy thật trống vắng và đâm nhớ miên man những ngày xưa. Chết hay sống là chuyện hiển nhiên đời người, có tụ thì phải có tan, có thành thì có hoại, Lê Thành Nhơn đã thấy rất rõ, rất rõ, bạn sẵn sàng ra đi yên vui, đời bạn đẹp quá, có gì phải tiếc nuối.

Ôm ấp những giấc mơ Renoir, Van Gogh... nhiều hay ít bạn đã thực hiện được. Lê Thành Nhơn bây giờ và mãi mãi sẽ là những Renoir, Van Gogh của những người yêu mến nghệ thuật. Sống một đời trọn vẹn cho những lý tưởng của mình, như vậy chẳng thoả nguyện sao ?

Cái nhân ngày trước và cái quả bây giờ, không phải do một sớm một chiều mà có được. Nhơn ơi, ở một góc trời phương Bắc lạnh và xa, tôi bồi hồi nhớ thương bạn và ngay từ hồi còn nhỏ, tôi đã nhìn thấy bạn sẽ là con đại bàng và thời gian đã chứng minh đúng y như vậy, nhìn những tác phẩm của bạn để lại cho đời, rải rác ở Việt Nam, ở Pháp, ở Mỹ, ở Đức, ở Úc... khiến tôi hãnh diện và sung sướng. Bạn đã trở về được với cõi trắng sao và màu sắc.

Võ Kỳ Điền (10 Feb 2003)

[[Trở Về](#)]

[Sitting Buddha](#) (điêu khắc)

[Phan Bội Châu](#) (điêu khắc)

[Red cloak and haze](#) (hội họa)

[Louise Carbines](#) (điêu khắc)

[Four seasons in one day](#) (điêu khắc)

[Joy](#) (điêu khắc)

[Winter](#) (hội họa)

[Head of the young girl](#) (điêu khắc)

[Spiral](#) (hội họa)

[Dr. Phillip Law](#) (điêu khắc)

[Shell](#) (hội họa)

[Sitting Buddha at Hue Nghiem temple](#) (điêu khắc)

[Pietà](#) (hội họa)

[Do not abandon me, Freedom](#) (điều khắc)

[Kiss](#) (hội họa)

[Sanh, Lão, Bình, Tử](#) (điều khắc)

[Birds of paradise](#) (hội họa)

Điều khắc gia Lê Thành Nhơn

Lê Thành Nhơn sinh ngày 17 tháng 11 năm 1940 tại Thủ Dầu Một, nằm ở phía đông Sài Gòn. Cha là Lê Văn Nguyên và mẹ Chung Thị Duyên, một người Việt gốc Chăm lai Trung Hoa.

Lê Thành Nhơn say mê nghệ thuật từ nhỏ. Ông học trung học tại trường Mỹ Nghệ Thực hành Bình Dương, một trường chuyên về trang trí, thiết kế đồ gỗ, đồ gốm và đặc biệt là sơn mài, nguồn cung cấp nghệ nhân chủ yếu cho các trung tâm sơn mài nổi tiếng tại Việt Nam như Thành Lễ và Trần Hà.

Sau đó, Lê Thành Nhơn thi đỗ vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn Gia Định. Năm 1963, lúc đang còn là sinh viên, tượng của ông đã được tuyển chọn để tham dự cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế lần thứ tư được tổ chức tại Paris. Năm sau, ông tốt nghiệp thủ khoa ngành điêu khắc, cùng khoá với Đỗ Quang Em, một trong những người bạn thân nhất của ông.

Tốt nghiệp, ông về dạy học tại trường Mỹ Nghệ Thực Hành Bình Dương. Hai năm sau, tháng 3 năm 1966, ông bị động viên. Ông ở trong quân đội cả thầy bốn năm, đến tháng 6 năm 1970 thì được giải ngũ với cấp bậc thiếu úy, sau khi bị thương nhẹ trong một cuộc hành quân. (Nhẹ, nhưng chất chì trong viên đạn bắn vào người ông, đến giữa thập niên 90, vẫn còn làm độc, khiến ông phải nằm viện mấy tuần lễ!)

Ngay khi vừa phục viên, ông được mời làm giáo sư điêu khắc tại trường Mỹ Thuật Sài Gòn Gia Định, đồng thời làm giáo sư thỉnh giảng tại trường Mỹ Thuật Huế. Mấy năm sau, từ năm 1973, ông được mời giảng dạy tại trường Đại học cộng đồng Duyên Hải tại Nha Trang. Mặc dù phải dạy học ở nhiều nơi như vậy, Lê Thành Nhơn vẫn dành nhiều thì giờ và tâm huyết cho công việc sáng tác. Các sáng tác của ông thời gian này phần nhiều có kích thước khá lớn, trong đó nổi bật nhất là bức tượng Quan Thế Âm bằng đồng tại trung tâm Liễu Quán ở Huế cũng như bức tượng Phan Bội Châu bằng đồng, cao đến 3,5 mét cũng tại Huế. Bức tượng Phật Thích Ca hiện dựng tại trung tâm Phật học Huệ Nghiêm ở Phú Lâm, Sài Gòn, cao đến 4,5 mét; bức tượng Phan Thanh Giảng cao hơn 3 mét đã bị đập phá vào năm 1975, và bức tượng Thiếu Nữ Việt Nam cao 4 mét hiện còn trong tư gia người nhà của ông tại Sài Gòn.

Cuối tháng 4 năm 1975, gia đình Lê Thành Nhơn may mắn nằm trong danh sách những người đầu tiên thoát khỏi Việt Nam. Sau mấy tháng tạm trú ở đảo Guam, gia đình ông được định cư tại Úc vào tháng 9 cùng năm. Để mưu sinh, thoát đầu Lê Thành Nhơn làm nghề sơn xe trong hãng xe hơi ToyOta; sau đó, ông đổi sang làm nghề bán vé xe điện trong suốt mười năm, từ 1976 đến 1986. Năm 1987, Lê Thành Nhơn được mời dạy kiến trúc tại đại học RMIT, Melbourne. Năm sau, nghỉ dạy, ông cùng một người bạn mở trung tâm Bình Dương Ceramic chuyên sản xuất các tác phẩm nghệ thuật bằng gốm. Tác phẩm thì đẹp nhưng hoạt động thương mại rất mực ế uột, không mang lại lợi tức bao nhiêu. Đến năm 1996 thì ông nghỉ hẳn, chỉ ở nhà vẽ tranh.

Mấy chục năm định cư tại Úc, Lê Thành Nhơn sáng tác khá nhiều. Về điêu khắc, ông có một số tác phẩm được đúc đồng như tượng Dr Phillip Law hiện đang bày tại đại học Monash ở Melbourne và đại học Tasmania tại tiểu bang Tasmania, Úc; tượng Joy cao khoảng 2m5 hiện dựng trước sân trường đại học Monash (Caulfield campus), tượng “Đừng bỏ rơi tôi tự do” hiện bày tại Mekong Club tại Sydney, tượng Phật Thích Ca hiện bày tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc tại thủ đô Canberra, v.v... Về hội họa, Lê Thành Nhơn có khoảng vài trăm bức tranh thuộc nhiều khổ khác nhau, trong đó có nhiều bức có kích thước rất lớn, như bức Yarra River dài 4 mét, bộ Tứ Đại gồm bốn bức (“Đất”, “Nước”, “Gió”, “Lửa”), mỗi bức cao 2 mét và dài 6 mét (riêng bức “Gió” dài đến 6,5 mét), v.v...

Sự nghiệp của Lê Thành Nhơn được đánh giá rất cao. Bức tượng Phan Bội Châu của ông được xem như một bộ phận trong quần thể di sản văn hoá cần được bảo tồn tại Huế dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Tại Úc, Lê Thành Nhơn là một trong số ít nghệ sĩ có tác phẩm được trưng bày vĩnh viễn tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc cũng như Viện Bảo Tàng Di Dân tại tiểu bang Victoria.

Vào đầu tháng 2 năm 2002, Lê Thành Nhơn bị bệnh, được chở vào bệnh viện, và được các bác sĩ cho biết là ông bị ung thư gan. Lê Thành Nhơn được chở về nhà, mỗi tuần một lần vào bệnh viện để được chữa bằng hoá liệu pháp (chemotherapy). Có lúc ông rất lạc quan, ngỡ có thể vượt qua được căn bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên đến cuối tháng 10 thì bệnh ông đột ngột trở nặng. Lê Thành Nhơn được chở vào Royal Melbourne Hospital vào trưa Thứ Sáu, 1.11.2002. Đến 4 giờ 30 chiều Thứ Hai, ngày 4 tháng 11, thì ông trút hơi thở cuối cùng.

Lê Thành Nhơn ra đi, để lại một vợ và bốn con. Tất cả các con ông đều đã trưởng thành, trong đó, người con trai thứ hai, Hưng Lê, là một danh hài của Úc.

(Nguyễn Hưng Quốc soạn dựa trên lời kể và một số tài liệu do Lê Thành Nhơn cung cấp)

Source : [Tiền Vê](#)

NON NƯỚC HÀNG CHÂU

Bích Phượng

Ngày xưa trước công nguyên Hàng Châu mang tên Tiên Đường, tên của giòng sông chảy qua Hàng Châu. Mãi đến năm 589 trong thời nhà Tùy, thành phố xinh đẹp này mới đổi tên Hàng Châu, khi thời kỳ xây dựng kênh đào Đại vận hà dài 1800km từ Bắc Kinh về đây. Hàng Châu là cố đô của nhiều triều đại mà phồn vinh nhất là đời Tống, lúc triều đại này lánh nạn về phía nam trong thế kỷ thứ 12. Đã từ xưa, Hàng Châu là một chốn đầy sông nước hồ núi.



Thắng cảnh Hàng Châu miền Giang Nam Trung Quốc, một vùng đất có phong cảnh kỳ thú hữu tình được nhiều người biết đến với câu "Trên có thiên đàng, dưới có Tô, Hàng" với những danh lam thắng cảnh như Chùa Linh Ẩn, núi Phật Phi Lai phong, cảnh Tây Hồ, Tam Đàn Ấn Nguyệt ...

Đến Hàng châu, tôi say mê với cảnh sắc thiên nhiên hài hòa đẹp tựa trong tranh. Cảnh đẹp thanh lịch tao nhã ở đây đã làm rung động lòng người. Bước chân về Hàng Châu, tôi có cảm giác như đi vào cõi mộng thần tiên hay chốn thiên đường hạ giới. Còn gì thơ mộng hơn là được đi dạo bộ dưới ánh vàng rực rỡ của những hàng cây ngô đồng, quện với màu đỏ tươi thắm của lá phong cùng màu xanh ngọc bích của nhánh dương liễu rủ ven bờ những dòng suối uốn khúc ngân reo...Nhìn những cô gái giang nam xinh đẹp mỹ miều, tôi liên tưởng đến Trịnh Đán, Tây thi...Ở đây truyền thuyết thần tình sử của nàng mỹ nữ Tây thi với tướng quân Phạm Lãi đã gắn liền với một địa danh nổi tiếng của Hàng Châu tên gọi là Hồ Tây tử hay còn gọi là Tây Hồ.

Tây Hồ

Đến Hàng Châu là đến Tây Hồ với núi Cô sơn, rộng gần 6 cây số vuông, ba phía là núi bao bọc. Cô sơn, cao 38m, là một trong bốn hòn đảo của hồ, nơi Lâm Bô đời Tống ở ẩn, nuôi hạc và trồng mai. Ngày nay trên Cô sơn còn giống mai và nấm mồ của ông. Không chỉ Lâm Bô, Tây Hồ ghi dấu chân của biết bao nhiêu thế hệ thi nhân văn sĩ, như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Mạch Hạo Nhiên,...trong đó Bạch Cư Dị đã từng làm thái thú tại đây và công trình xây đắp điều của ông còn lại tới ngày nay. Hàng Châu cũng là nơi yên nghỉ cuối cùng của Nhạc Phi thời Nam Tống (1103-1142), vị tướng trung quân bị gian thần Tần Cối, tư thông với giặc Kim, hãm hại chịu án oan tử hình. Sau khi được phục hồi, thi hài của ông và con trai được đưa về đây chôn cất. Người ta tin rằng những người trung liệt như ông sẽ thành thần tiên cho nên trên nóc điện thờ còn khắc họa hình chim hạc, tượng trưng cho bất tử.

Đứng ven bờ hồ, tôi đã thấy mình như Lưu Nguyễn lạc vào cõi Đào nguyên. Trước mắt tôi, cả một khung trời thơ mộng với những cây hồng đào, xen kẽ với những cây liễu biếc...Màu sắc hồng hồng trắng trắng của hoa đào, quện với màu xanh lục lục của lá liễu nghiêng mình rủ xuống bờ hồ chìm trong một làn sương khói mong manh; nước hồ có khi sương khói giăng đầy, có khi sóng gợn lăn tăn, hay nhấp nhô, có khi lung linh huyền ảo, có khi in lặng như tờ. Tất cả cảnh đẹp lộng lẫy này đã cho tôi có cảm giác như đứng trước một bức họa đồ sống

động... Tôi thầm nghĩ nếu Sơn có ở đây chắc em tôi sẽ đem non nước mây ngàn của hồ Tây này vào trong tranh vẽ .

LẠC LỐI ĐÀO NGUYÊN

*Đào nguyên đưa lối cảnh Tây Hồ
Một cõi thiên nhiên bức họa đồ
Rực rỡ cảnh đào in bóng nước
Thướt tha ngọn liễu ngả ven bờ
Lầu xưa hạc vắng trăng thơ thần
Bến cũ cây buồn gió phát phơ
Sóng biếc, thi nhân người chẳng
thấy
Say vung nét bút thả hồn thơ?*

Tiểu Vũ Vi



Ngay chính tôi, tôi cũng thấy mình cần phải họa lại phong cảnh hữu tình này...

VỊNH TÂY HỒ

*Giang Nam lộng lẫy cảnh Tây Hồ
Mây trắng dập dờn, nước nhấp nhô
Sen ngả nghiêng mình khơi ý nhạc
Liễu buông rủ lá gợi tình thơ
Bãi sông Ngô đón chờ chim vũ
Gác Hạc Vàng trông ngóng cánh cò
Đâu bướm thi nhân hồn Lý Bạch
Trên sông khói sóng một trời mơ.*

Tiểu Vũ Vi

Tâm trạng mê mải say đắm trước phong cảnh hữu tình của Động đình hồ này tôi nghĩ nhà thi hào Mịch Hạo Nhiên cũng đã có khi một lần qua đây...



LÂM ĐỘNG ĐÌNH (1)

孟浩然

望洞庭湖贈張丞相

八月湖水平，涵虛混太清。
氣蒸雲夢澤，波撼岳陽城。
欲濟無舟楫，端居恥聖明。

ĐỀN ĐỘNG ĐÌNH HỒ

*Phẳng yên thảng tám mặt hồ
Trời in bóng nước lững lờ xanh xanh.
Khói mây Vân Mộng bao quanh
Xa xa tiếng sóng bên thành Nhạc Dương.
Vẳng thuyền, muốn tới chẳng đường
Ở không cũng thấy ngại ngừng thân trai
Ngồi xem thiên hạ câu hòai
Uổng công chờ đợi mấy ai được gì.*

Trần Nhật Lang dịch

坐觀垂釣者，空有羨魚情。

*Bát nguyệt hồ thủy bình,
Hàn hư hồn thái thanh.
Khí chung Vân Mộng trạch,
(2)
Ba hám Nhạc Dương thành.
(3)
Dục tế vô chu tiếp,
Đoan cư sĩ thánh minh.
Tọa khan thủy điều giả, (4)
Đồ hữu tiến ngư tình.*

Mạnh Hạo Nhiên

- (1) Động Đình Hồ ở Nhạc Châu.
(2) Đầm Vân Mộng ở gần vùng Động Đình Hồ.
(3) Thành Nhạc Dương đối diện với Động Đình Hồ.
(4) Thủy điều : Nghĩa đen là buông câu, nghĩa bóng là ra làm quan.

Chiều hôm đó khi về khách sạn, tôi đã kể cho Sơn qua mạng sóng nghe những gì tôi đã thấy...Em tôi buồn lắm, tiếc vì mình không được ngắm mặt trời lặn trên vùng non nước Ngũ Hồ, nơi mà Sơn thường dùng trí tưởng tượng của mình để vẽ dựa theo các lời thơ ca ngợi của các thi nhân đời xưa. Tuy cách xa vạn dặm nhưng tôi nghĩ là em tôi đã cảm nhận cái đẹp của Tây Hồ, vì ngày hôm sau tôi đã nhận được bài họa của Sơn.

THU TỨ

*Thu về trở giấc
mộng sông hồ
Một dãy Ngân hà
tựa cõi mơ
Nhìn cuối chân
mây lòng tự tại
Trông xa đỉnh
núi, cảnh nên thơ
Thuyền trôi lờ
lững theo giòng
chảy
Tâm lặng êm đềm
mặc sóng nhỏ*



*Mến cảnh thiên
nhiên say bút
mực
Cám ơn tạo hóa,
mãnh dư đồ.*

Hoa Sơn

Nghĩa phụ tôi, người cũng như bao nhiêu thi nhân đã cống hiến cả đời mình cho Đường Thi, đều ước ao được đứng trên Tây hồ như Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên...được ngắm cảnh hoàng hôn buông rèm phủ xuống Tây Hồ, được nhìn giải lụa vàng óng ả của đêm trăng gợn trên mặt hồ...Trước ngày tôi đi cha tôi luôn dặn dò : "Con đi thăm Hoàng Hạc Lâu nhớ chụp hình về gửi cho cha nhen". Giờ đứng trên vùng non nước kiêu diễm này, tôi đã thấy thấp thoáng bên kia hồ, sừng sững chân mây ngôi lầu Hoàng Hạc, địa danh mà hầu như tất cả các thi nhân xưa và nay thường ca tụng đến.

Và ngày hôm sau, tôi đã theo đoàn du lịch đến thăm nơi " thần tiên " đó...Buổi tối, tôi nhận được hai bài họa của Hoàng Mai Sơn trang, người em kết nghĩa mới của cha tôi... Tôi thật vui mừng vì đã có thêm một người bạn trẻ đến với thơ Đường luật...



ĐỌC VINH TÂY HỒ
của chị TIÊU VŨ VI

*Đêm thu dạo gót viếng
Tây Hồ
Ai vẽ nên tranh một
bức mơ
Mấy lá thuyền du trôi
sóng biếc
Ngàn cây hoa thắm gọi
hồn thơ
Tầng không mây bạc
trôi lơ lửng
Mặt nước trắng vàng
gợn nhấp nhô
Ngắm cảnh xứ người
sao thắm thía
Ai đây bồi đắp tấm dư
đồ?*

Hoàng Mai Sơn Trang.

DẠO BƯỚC TÂY HỒ

*Tây hồ dạo bước nhớ
thi nhân*

*Tìm dấu lâu thơ nét bút
thần
Khách vắng, đài xưa
soi dáng nước
Người đi, gác cũ gọi
tĩnh xuân
Trăng mờ xót kẻ trông
cầu Thước
Đêm lạnh thương
người đợi bến Ngân
Bức họa thiên nhiên ai
đã tới
Chút lòng vương vấn
khó rời chân*

Hoàng Mai Sơn Trang

Trời đêm hôm đó, có cả một dãy Ngân hà khoe sáng. Nhìn sao Khuê lung linh ánh ngọc, tôi thầm nói: "cha ơi, ngày mai Vi sẽ thay cha đến thăm gác hạc vàng mà cha yêu thích"...Đêm Hàng Châu đẹp quá, tôi muốn được thức trắng đêm để ghi vào ký ức mình tất cả những gì mà tạo hóa đã bồi đắp cho mảnh dư đồ ở nơi đây, như thuở xa xưa Giang châu Tư mã Bạch Cư Dị đã dùng ngòi thi bút của mình mà tô điểm một cõi yên hà gấm vóc mà ông hằng yêu mến trong suốt thời gian trấn nhậm ở chốn này:

XUÂN ĐỀ HỒ THƯỢNG (*)

Bạch Cư Dị

春 題 湖 上

白 居 易

湖上春来似画图，乱
峰围绕水平铺。
松排山面千重翠，月
点波心一颗珠。
碧毯线头抽早稻，青
罗裙带展新蒲。
未能抛得杭州去，一
半句留是此湖。

*Hồ thượng xuân lai tự
họa đồ,*



MÙA XUÂN TRÊN HỒ

Trần Nhất Lang dịch.

*Hồ xuân ai vẽ cảnh nên tranh
Nước lặng lờ lờ núi bọc quanh
Sương phủ rừng thông phơi ánh ngọc
Trăng in đáy nước gợn màu xanh
Xa xa thảm lúa non cây biếc
Kề cận tân bồ thắm cỏ xinh*

*Loan phong vì nhiều thủy
bình phồ.*

*Tùng bài sơn diện thiên
trùng thủy,*

*Nguyệt điểm ba tâm nhất
khỏa châu.*

*Bích thảm tuyến đầu trưu
tảo đạo,*

*Thanh la quần đới triển
tân bồ.*

*Vị năng phao đắc Hàng
Châu khứ,*

*Nhất bán câu lưu thị thử
hồ.*

*Rời chốn Hàng Châu chưa nỡ bước
Nơi đây còn vương nửa tâm tình ...*

(*) Hồ đây là Tây Hồ ở
Hàng Châu, tỉnh Triết
Giang, Trung Quốc.

Hoàng Hạc lâu

Trung hoa có ba ngôi lầu nổi tiếng được các thi nhân xưa nay ca tụng: đó là Hoàng Hạc Lâu ở Vũ Hán, Nhạc Dương Lâu ở Động Đình Hồ và Đằng Vương Các.



Lầu Hoàng Hạc đầu tiên được xây dựng ở trên ghềnh đá Hoàng Hạc thuộc huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc vào năm Hoàng Vũ thứ 2 đời nhà Ngô thời Tam Quốc (223 Tây Lịch). Đến nay suốt 1762 năm đã có 12 lần bị thiêu hủy, 12 lần xây cất lại, mỗi lần lại cao hơn và có nhiều tầng hơn.

Tên gọi " Lầu Hoàng Hạc " bắt nguồn từ truyền thuyết dân gian. Tương truyền Phí Văn Vi, một tu sĩ đắc đạo thành tiên thường cỡi hạc vàng ngao du sông thủy . Một hôm, tiên và hạc bay ngang Vũ Hán và dừng chân lại trên " Đồi Rắn "để nhìn ngắm, một bên là cảnh đẹp hùng vĩ của Trường Giang và bên kia là Ngũ Hồ trong khói sương diễm lệ. Người đời sau đã từ nơi tiên cưỡi hạc vàng bay đi xây lên một tháp lầu đặt tên là Hoàng Hạc Lâu.

Lầu Hoàng Hạc ngày xưa là nơi gặp mặt tao đàn của các văn nhân mặc khách trong thời. Trong thời Đường (618-907), các thi nhân đến Hoàng Hạc Lâu để vừa thưởng ngoạn phong cảnh non nước mây ngàn hữu tình, vừa uống rượu làm thơ. Thôi Hiệu, một thi nhân nổi tiếng thời Đường thịnh khi qua đây, cảm hứng nét đẹp huyền ảo của trời chiều dần buông trên dòng Trường Giang, cảnh mỹ miều lồng lộng của Hán Dương bên kia sông, đã để lại một áng thơ tuyệt tác bất hủ trên vách lầu Hoàng Hạc. Bài thơ đó như sau :

Hoàng Hạc Lâu

Nguyên tác: Thôi Hiệu

七言律詩

崔顥

黃鶴樓

昔人已乘黃鶴去，此地空餘黃鶴樓。

黃鶴一去不復返，白雲千載空悠悠。

晴川歷歷漢陽樹，芳草萋萋鸚鵡洲。

日暮鄉關何處是？煙波江上使人愁。

*Tích nhân dĩ thừa hoàng
hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng
Hạc Lâu
Hoàng lạc nhất khứ bất
phục phản,
Bạch vân thiên tải không
du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán
Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh
Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà
xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử
nhân sầu*

Dịch nghĩa:

*Người xưa đã cưỡi lạc
vàng bay đi,
Nơi đây chỉ còn lại lâu
Hoàng Hạc:
Lạc vàng một khi bay đi
đã không trở lại
Mây trắng ngàn năm vẫn
phiêu diêu trên không
Lòng sông quang tạnh in
rõ cây đất Dương Hán
Cỏ xanh mướt ở bãi sông
Anh Vũ,
Trời về chiều tối, tự hỏi
quê nhà nơi đâu?
Khói sóng trên sông
khiến ai buồn sầu.*



Bài dịch I : Hoàng Hạc Lâu

*Người đi cười hạc từ xưa,
Đất này Hoàng Hạc còn lưu một lầu.
Hạc vàng đi mất từ lâu,
Ngàn năm mây trắng một màu mờ mịt.
Hán Dương cây bóng lòng sông,
Bãi xa Anh Vũ, cỏ trông xanh rì.
Chiều hôm lại lảng lòng quê,
Khói lan sóng vỗ, ử ề nổi sầu.*

Trần Trọng Kim

Bài dịch III: Hoàng Hạc Lâu

*Người xưa cười hạc đã cao bay,
Lầu hạc còn suông với chốn này
Một vắng hạc vàng xa lánh hẳn,
Ngàn năm mây bạc vẫn vờ bay
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hững,
Xanh ngắt châu Anh, lớp cỏ đầy
Trời tối quê hương đâu tá nhĩ ?
Đầy sông khói sóng gợi niềm tây*

Ngô Tất Tố

Bài dịch II: Lầu Hoàng hạc

*Hạc vàng ai cười đi đâu?
Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn
trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Ngàn năm mây trắng bây giờ còn
bay.
Hán Dương sông tạnh cây bầy,
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn.
Trên sông khói sóng cho buồn lòng
ai.*

Tản Đà

Bài dịch IV : Lầu Hoàng hạc (1)

*Người xưa cỡi hạc đã đi rồi
Lầu Hạc còn trơ đất cũ thôi
Một thoáng hạc vàng xa thẳm lánh
Ngàn năm mây trắng lững lờ trôi.
Hán Dương sông tạnh hàng cây thắm
Anh Vũ bờ xanh lớp cỏ tươi (2)
Lại lảng tình quê chiều liễu thứ
Trên sông khói sóng dạ bồi hồi*

Trần Nhật Lang

(1) Hoàng Hạc Lâu trên ghềnh đá Hoàng Hộc thuộc huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc

(2) Bãi Anh Vũ thuộc bắc ngạn sông Trường Giang, gần thành Hán Dương phía tây nam huyện Vũ Xương.

Hôm nay đứng trên ngôi lầu Hoàng hạc này, nhớ đến bài dịch của cha tôi, lòng tôi bỗng dâng một nỗi sầu miên man ...Chốn cũ còn đây nhưng cảnh không còn thơ mộng tao nhã như ngày xưa nữa. Hoàng hạc lâu đã trở thành một khu du lịch đầy tính cách thương mại, cạnh tranh thị trường. Ngôi tháp lầu bằng gỗ đã được thay thế bằng kiến trúc xi măng .Thiết trí trong lầu quá hiện đại tuy đẹp nhưng không còn biểu lộ hết nét diễm tình huyền ảo mong manh của Hoàng hạc Lâu thuở xưa...

Nhưng khi đứng trước bài thơ của Thôi Hiệu tôi cảm thấy chơi vơi như đi ngược dòng thời gian. Tôi mơ hồ thấy mình như đang trở về một thời thịnh Đường. Nhắm mắt lại tôi để hồn mình chìm vào quá khứ với những tiếng cười ròn rã, tiếng ngâm thơ sang sảng lòng trong tiếng sáo tiêu vi vút...Mùi hương nồng nàn của rượu ...Một khúc nhạc âm hưởng liêu trai...Phải chăng đây là Khúc " lạc mai hoa " trong bài thơ của Lý Bạch.

Dữ Sử lang trung ầm thánh Hoàng Hạc lâu thượng xuy địch

與史郎中欽聽黃鶴樓上吹笛

一為遷客去長沙
西望長安不見家
黃鶴樓中吹玉笛
江城五月落梅花

*Nhất vi thiên khách khứ Trường Sa
Tây vọng Trường An bất kiến gia
Hoàng Hạc lâu trung xuy ngọc địch
Giang thành ngũ nguyệt "Lạc mai hoa"*

Dịch Nghĩa:

Thân là một người khách đến tận Trường Sa xa vạn dặm
Trông ngóng sang phía Tây về thành Trường An mà không thấy nhà
Ở trên lầu Hoàng Hạc, tiếng sáo ngọc thổi
Giữa tháng năm, (sáo thổi) vang lên khúc "Lạc Mai Hoa" trên sông nước dưới chân thành

Lạc mai hoa: tên một khúc địch (loại sáo thổi ngang), âm điệu nào nề gợi niềm lữ thứ tha hương

Dịch Thơ:

*Ngàn dặm Trường Sa khách tới đây
Trường An nhà cũ khuất trời tây
Tháng Năm tiếng sáo trên Lầu Hạc
Vọng xuống thành sông khúc Lạc Mai.*

Tiểu Vũ Vi dịch

Cung điệu du dương trầm bổng đã làm tôi nhớ đến bài " Trường Tương Tư " mà Sơn đã tặng cho tôi viết theo ý thơ của Lý Bạch . Em tôi rất mến chuộng vị thi hào tài ba lỗi lạc này nên thường hay chọn những bài thơ hay của ông để phổ nhạc như " tương tiến tử ", "thu tịch lữ hoài" hay "cổ phong"...

Thu tịch lữ hoài

Nguyên tác: Lý Bạch

秋夕旅懷

涼風度秋海。
吹我鄉思飛。
連山去無際。
流水何時歸。
目極浮雲色。

Thu tịch lữ hoài

*Lương phong độ thu hải
Xuy ngã hương tư phi
Liên sơn khứ vô tế
Lưu thủy hà thời quy
Mục cực phù vân sắc*

心斷明月暉。
芳草歇柔艷。
白露催寒衣。
夢長銀漢落。
覺罷天星稀。
含悲想舊國。
泣下誰能揮。

*Tâm đoạn minh nguyệt huy
Phương thảo yết nhu diễm
Bạch lộ thôi hàn y
Mộng trường Ngân Hán lạc
Giác bãi thiên tinh hy
Hàm bi tưởng cựu quốc
Khấp hạ thùy năng huy*

-- Dịch nghĩa --

*Gió lạnh thổi qua bể mùa thu
Thổi theo lòng nhớ quê nhà của tôi
Núi liền nhau như chạy dài vô cùng tận
Nước trôi mãi hỏi có khi nào trở về chăng?
Sắc mây nổi xa cùng cực khỏi tầm mắt,
Trắng sáng soi tỏ làm đứt tươt khúc ruột.
Cỏ thơm hết đẹp mướt,
Sương bạc giục người mặc áo rét
Giấc mơ dài tưởng rơi dài Ngân hà
Tĩnh dậy sao trên trời chỉ còn lác đác
Ôm mối sầu tưởng nhớ đến nước cũ
Khóc rơi nước mắt ai lau cho được.*

-- Bản dịch của Tản Đà --

*Lạnh lòng gió vượt bể thu
Hồn quê theo gió như vù vù bay
Chạy dài dãy núi liền mây
Nước trôi trôi mãi, có ngày về chăng?
Đám mây vút mắt xa chừng,
Đứt tươt khúc ruột dưới vừng trăng soi
Cỏ thơm đẹp mướt thôi rồi,
Áo may mặc rét giục người móc sa!
Giấc mơ rơi dài Ngân hà,
Sao thưa lác đác tỉnh ra khát trời
Đoái thương nước cũ ngậm ngùi
Khóc rơi giọt lệ lau chùi đổ ai?*

Giờ đứng trước bút tích của Lý Bạch, tôi nghĩ đến câu chuyện truyền thuyết lãng mạn của lầu Hoàng Hạc, bài thơ của Thôi Hiệu, bản dịch của cha tôi, dòng nhạc của em tôi...Tôi đã viết một bài thơ về Lầu Hoàng Hạc khi tâm tôi bồi hồi xúc động. Bao nỗi niềm tôi gửi trọn vào trong mấy vần thơ này:

Lầu Hoàng hạc

*Người đi theo hạc khuất chân trời
Lầu vắng hoàng hôn lặng lẽ trôi
Muôn thuở phượng hoàng bay viễn xứ
Nghìn năm mây trắng giạt ngàn khơi
Hán Dương lộng bóng rìng cây thắm
Anh Vũ mướt mà thắm cỏ tươi
Chiều xuống, sầu thương về cố quận
Sương đêm khói sóng lệ đầy vơi...*

Tiểu Vũ Vi

Chùa Linh Ẩn

Cách Tây Hồ không xa là chùa Linh Ẩn, nằm trong thung lũng dưới chân một ngọn núi, là một trong 10 ngôi chùa lớn nhất Trung Quốc. Trên con đường vào chùa, tôi mê say ngắm nhìn nhiều pho tượng lớn nhỏ khắc trong đá núi với những đường nét cổ kính phủ đầy rêu phong.

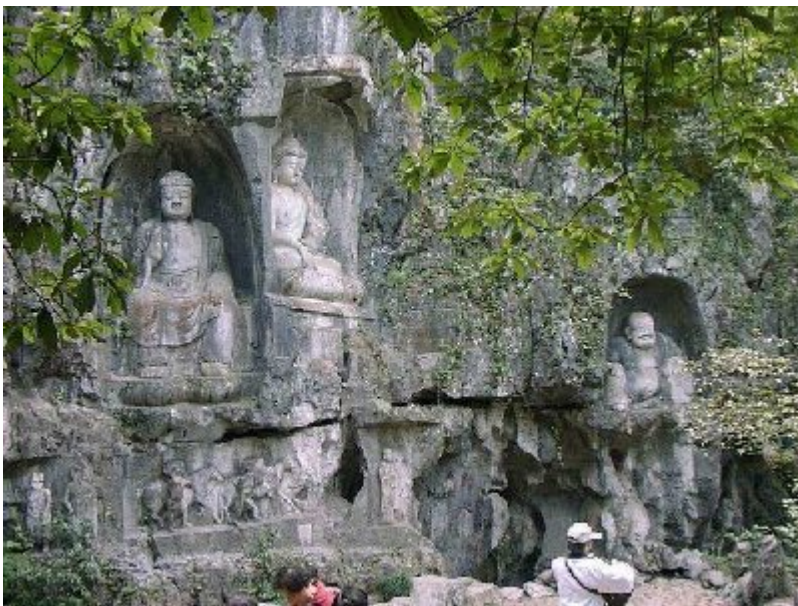
Theo kinh sách thì vào năm 326 trước Tây lịch, có một nhà sư Ấn Độ pháp danh Huệ Căn đã đến Hàng Châu. Khi Ngài nhìn thấy thung lũng yên tĩnh, ba mặt vây phủ bởi núi đồi và cây rừng, nhận ra đây là địa linh thích hợp cho việc ẩn tu. Ngài đã xây một ngôi chùa và đặt tên là Linh Ẩn. Chùa Linh Ẩn là một thắng cảnh du khách dập dìu : ngôi chùa chính vĩ đại và cổ kính gồm nhiều điện rộng lớn tồn trữ những pho tượng uy nghi đẹp đẽ..



Đại sảnh là một công trình kiến trúc đời nhà Đường với nhiều lớp mái cong. Trên nóc có chạm "Lưỡng long tranh châu". Tượng Đức Thích Ca Mâu Ni, tọa trên một tòa sen, giữa đại sảnh đường, cao khoảng 20 thước. Đây là bức tượng Phật ngồi lớn nhất Trung Quốc hiện nay.

Trên trán tượng Phật Thích Ca là huệ nhãn sáng lấp lánh, phía sau đầu Ngài là một tấm gương tròn lớn, bao quanh gương là bảy tiền thân của Đức Phật. Đầu Ngài hơi ngả về phía trước, tay phải đặt trước ngực. Gần cửa, từ trên trần buông xuống một ngọn đèn vĩnh cửu mà ngọn nến trong đèn cháy được giữ cháy suốt ngày đêm, từ năm này sang năm khác.

Núi Phật Phi lai Phong



Đây là ngọn núi đá trước chùa Linh Ẩn, cách chùa bởi dòng suối nhỏ, cao 168m, có vô số hang hốc. Triền núi được tạc khắc khoảng 380 pho tượng Phật giáo từ niên kỷ thứ 10.

Tại vách phía đông có ba bức tượng khá cổ của năm 951, tạc đức Thích-ca, Quan Âm và Dược Sư. Tượng lớn nhất là tượng Di-lặc thuộc đời nhà Tống (960-1270), tay cầm xương chuỗi.

Dựa trên truyền thuyết thì ngày xưa trước chùa chỉ là bãi đất trống, rồi đến một đêm nọ, sau tiếng sấm vang dội, thành linh có ngọn núi lướt gió bay đến đáp xuống đó. Vào thế kỷ thứ 3 có nhà sư Ấn Độ viếng cảnh chùa thấy núi bỗng buột miệng nói rằng "Ồ Ấn Độ có vách đá y hệt như thế này, có lẽ, vách đá Ấn Độ đã bay đến đây chăng?". Đó là ngọn Linh Thứu, chỗ Phật thuyết Diệu pháp liên hoa, đã

bay từ Ấn Độ về cực lạc và "ngủ yên" ngay trước Linh Ấn tự. Từ sự tích đó, ngọn núi mới có tên là Phi Lai phong.

Xe lửa chuyển bánh để lại Hàng Châu sau lưng tôi chìm trong sương khói lam chiều, lòng tôi sao hắt hủi một nỗi buồn. Như trong lời dịch " Mùa Xuân Trên Hồ " của cha tôi, tôi cũng mang một tâm tư quyến luyến như thi hào Bạch Cư Dị:

"...Rời chốn Hàng Châu chưa nỡ bước
Nơi đây còn vương nửa tâm tình..."

Viết tại Paris 8/2005
Bích Phượng

誰もいない海

山口洋子=作詩 内藤法美=作曲

THU VẮNG

Nhạc Nhật: Naitô Hômi

Lời Nhật: Yamaguchi Yôko

Lời Việt: Phạm Vũ Thịnh & Aline



い ま は ー も う あ き た ー れ も ー い な い う み

し
た
い

(1) Thu vừa sang, bên bờ biển vắng,

lá thu rơi, bồi hồi như tiếng than.

Bao

(2) Thu vừa sang, theo làn gió cuốn

lá thu rơi, màu vàng không thối chung,

như

(3) Thu vừa sang, trong từng chiếc lá

rét run rơi, bàng hoàng trên đất khô,

sau



ら ん か お し て ひ と が ー ゆ き す ぎ て も わ た し は わ す れ
っ た ひ と の ひ ゆ め が ー や ぶ れ て も ー
と し い お も かけ か え ら ー な く て も ー

lời tình, ngày xưa thương yêu

mà giờ này, đã biến tan vào hư vô.

Người đã qua đi, trầm ngâm như

kỷ niệm, ngày nao bên nhau

mà giờ này, lảo đảo rơi vào hư không.

Người đã ra đi, tình đây như

hàng ngàn vòng quay cô đơn, đành buồn phiền nuốt tiếc bao ngày xa xưa. Tình yêu thành xuân cuộc đời hoa



な い ー う み に や く そ く し た か ー ら つ ら く て も ー つ ら く て も し に
す な に さ び し く て も ー さ び し く て も
そ ら に ひ と り て も ー ひ と り て も

lá úa mắt không quen, một lời không nói, bước đi âm thầm Dù người đời không quen, dù tình đời thiếu vắng,

lửa tắt chút tro kia, vẫn còn âm ấm, chút hương phai tàn.

Dù người dành quay đi, dù tình người mất mát,

gấm cũ đã qua đi, chỉ còn thương tiếc, phút giây êm đềm.

Nhưng dù đời phôi pha, dù tình người giá buốt,



は し な い と ー い

ひ と り て も ー

lòng tôi vẫn không ngừng ước mơ
lòng tôi vẫn không ngừng nhớ thương.
lòng tôi vẫn không ngừng dấu yêu.

Thu

Thu

Nhưng dù đời phôi pha,



ひ と り て も し に は し な い と ー

dù tình người giá buốt, lòng tôi vẫn không ngừng dấu yêu.

Trường Thi Bình Định

Đào Đức Chương

Từ thời Gia Long đến Thiệu Trị, sĩ tử các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận được phân phối ứng thí như sau: Các tỉnh từ Đèo Cả trở ra thi ở trường Thừa Thiên, từ Đèo Cả trở vào thi ở trường Gia Định.

Đến năm Canh Tuất (1850), Tự Đức thứ 3 mới bắt đầu thành lập trường thi Bình Định để nhận thí sinh các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Về sau, trường Bình Định còn nhận thêm thí sinh của tỉnh Bình Thuận rồi Ninh Thuận. Nếu không kể trường thi An Giang lập năm 1863, mở một khoa rồi phải xóa tên vì bị Pháp chiếm, thì có thể nói trường thi Bình Định là trường thứ 7, ra đời muộn nhất, sau cả trường Thanh Hoá, được tái sinh (1848).

VÀI NÉT SƠ LƯỢC

Trường thi Bình Định được xây dựng trên nền đất gò, thuộc thôn Hòa Nghĩa, tổng Thời Đôn, huyện Tuy Viễn phủ An Nhơn. Trường thi nằm phía tây nam thành Bình Định và hữu ngạn nam phái Sông Côn, lại gặp khúc cong nên 3 mặt tây, bắc, đông đều có sông ngăn cách, tiện cho việc canh phòng. Khu vực trường thi là một cái nền rộng, chu vi chừng 1.000 mét, cao gần 2 mét, xây bằng đá ong, mặt nền bằng phẳng và lộ thiên. Đến kỳ mở khoa thi, quan tỉnh mới sai dựng hàng rào dày xung quanh, cất nhà tạm cho quan trường và chia vị cho thí sinh.

Ngày thi, sĩ tử được gọi vào vị đã phân lô, tự cất lều để làm bài suốt một ngày. Tuyệt đối không được qua lại lều người khác trong giờ thi.

Khoa Nhâm Tý (1852), Tự Đức thứ 5, trường Bình Định mở khoa thi đầu tiên. Bộ Lễ qui định số người đậu Cử Nhân trên toàn quốc mỗi khóa là 124 người, phân định cho các trường như sau: "Thừa Thiên lấy đậu 20 người, Nghệ An 18 người, Thanh Hóa 20, Nam Định 20, Hà Nội 20, Bình Định 13 và Gia Định 13".

Bộ Lễ cũng đã xếp trường Bình Định vào nhóm trường Thừa Thiên, Nghệ An, Gia Định, tổ chức thi Hương vào tháng bảy âm lịch ở những năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu (định lệ về năm, đôi khi không thực hiện đúng) còn nhóm thứ hai gồm trường Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội, thi vào tháng chín những năm trên.

Tính từ khoa Nhâm Tý (1852), Tự Đức thứ 5, đến khoa Mậu Ngọ (1918), Khải Định thứ 3 là năm chấm dứt vĩnh viễn nền Hán học, triều đình nhà Nguyễn đã mở 29 khoa thi Hương. Trường thi Bình Định chỉ tham dự 23 khoa, còn sáu khoa trường này không tổ chức thi bởi các lý do: Năm 1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh chiếm thành Gia Định. Rồi năm 1861, các tỉnh Định Tường, Biên Hòa thất thủ. Tiếp đến 1862 triều đình ta phải nhường đất ba tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp. Biến cố dồn dập, đất nước có rất nhiều việc khẩn trương phải giải quyết, nên trường thi Bình Định tạm đóng cửa. Vì vậy, khóa thi năm Tân Dậu (1861), Tự Đức thứ 14, sĩ tử ở trường Bình Định phải ra Huế thi chung với trường Thừa Thiên. Còn khoa thi năm Giáp Tý (1864) thi theo lệ cũ, nghĩa là các tỉnh từ Phú Yên tới Quảng Ngãi ra thi ở trường Thừa Thiên; các tỉnh từ Khánh Hòa đến Bình Thuận vào thi ở trường An Giang (thay thế cho Gia Định)

Năm Quý Dậu (1873), Tự Đức thứ 26, đúng hạn kỳ mở khoa thi Hương trên toàn quốc (không kể Nam kỳ đã bị Pháp chiếm), thì ở Bắc kỳ lại gặp biến (Hà thành thất thủ lần thứ

nhất). Các trường thi Hà Nội và Nam Định không thi được, nên triều đình mở khoa Giáp Tuất (1874) với tính cách là khoa Quý Dậu triển hạn, để sĩ tử hai trường trên ứng thí. Trường Bình Định đã mở khoa Quý Dậu nên không mở khoa này.

Trường Bình Định còn bị gián đoạn ba khóa nữa. Đó là khóa Bính Tuất (1886), Đồng Khánh nguyên niên, trường Bình Định đã thi xong ở khóa Ất Dậu (1885) nên nay không thi nữa. Đến khoa thi năm Đinh Hợi (1887), Đồng Khánh thứ 2, phong trào Cần Vương ở các tỉnh miền nam Trung Bộ đang lúc sôi động, nên trường Bình Định không mở được khoa thi, và sĩ tử miền này cũng không ra Huế ứng thí. Rồi khoa thi năm Mậu Tý (1888), Đồng Khánh thứ 3, tình hình chưa ổn định, trường Bình Định vẫn bị đình và chỉ một ít sĩ tử miền này ra Huế thi chung với trường Thừa Thiên.

Căn cứ vào Quốc Triều Hương Khoa Lục của Cao Xuân Dục, bản dịch của Nguyễn Thuý Nga và Nguyễn Thị Lâm, 23 khoa thi của trường Bình Định gồm:

- 1- Khoa Nhâm Tý (1852), Tự Đức thứ 5, lấy đậu 13 người. Trong đó, Bình Định 11, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 2, có Á Nguyên.
- 2- Khoa Ất Mão (1855), Tự Đức thứ 8, lấy đậu 13 người. Bình Định 4, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 7, có Á Nguyên. Phú Yên 2.
- 3- Khoa Mậu Ngọ (1858), Tự Đức thứ 11, lấy đậu 13. Bình Định 1, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 6, có Á Nguyên.
- 4- Khoa Đinh Mão (1867), Tự Đức thứ 20, lấy đậu 18 người. Bình Định 14, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên. Quảng Ngãi 4. Kể từ khoa này, trường Bình Định nhận thí sinh của Bình Thuận.
- 5- Khoa Mậu Thìn (1868), Tự Đức thứ 21, lấy đậu 15 người. Bình Định 8. Quảng Ngãi 7, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên.
- 6- Khoa Canh Ngọ (1870), Tự Đức thứ 23, lấy đậu 16 người. Bình Định 7. Quảng Ngãi 8, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên. Phú Yên 1.
- 7- Khoa Quý Dậu (1873), Tự Đức thứ 26, lấy đậu 15 người. Bình Định 8, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 4. Phú Yên 1. Bình Thuận 2, có Á Nguyên.
- 8- Khoa Bính Tý (1876), Tự Đức thứ 29, lấy đậu 12 người. Bình Định 7, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 3, có Giải Nguyên. Phú Yên 1. Bình Thuận 1.
- 9- Khoa Mậu Dần (1878), Tự Đức thứ 31, lấy đậu 11 người. Bình Định 6, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 5, có Á Nguyên.
- 10- Khoa Kỷ Mão (1879), Tự Đức thứ 32, lấy đậu 8. Bình Định 5, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 3, có Giải Nguyên.
- 11- Khoa Nhâm Ngọ (1882), Tự Đức thứ 35, lấy đậu 11 người. Bình Định 6, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 5 có Giải Nguyên.
- 12- Khoa Giáp Thân (1884), Kiến Phúc thứ 1, lấy đậu 18. Bình Định 12, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 5, có Giải Nguyên. Phú Yên 1.
- 13- Khoa Ất Dậu (1885), Hàm Nghi thứ 1, lấy đậu 8. Bình Định 7, chiếm cả Giải Nguyên và Á Nguyên. Quảng Ngãi bỏ thi.
- 14- Khoa Tân Mão (1891) Thành Thái thứ 3, lấy đậu 17 người. Bình Định 10, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 4, có Á Nguyên. Phú Yên 1. Khánh Hoà 1 và Bình Thuận 1.
- 15- Khoa Giáp Ngọ (1894), Thành Thái thứ 6, lấy đậu 19. Bình Định 9, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 5, có Giải Nguyên. Phú Yên 1. Khánh Hòa 1. Bình Thuận 1 và các tỉnh khác 2.
- 16- Khoa Đinh Dậu (1897), Thành Thái thứ 9, lấy đậu 18. Bình Định 9. Quảng Ngãi 6, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên. Phú Yên 2, Khánh Hòa 1.
- 17- Khoa Canh Tý (1900), Thành Thái thứ 12, lấy đậu 24 người. Bình Định 9. Quảng Ngãi 10, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên. Phú Yên 1, Khánh Hòa 1. Bình Thuận 3.

18- Khoa Quý Mão (1903), Thành Thái thứ 15, lấy đậu 18 người. Bình Định 8, có Giải nguyên. Quảng Ngãi 5. Phú Yên 1. Bình Thuận 1. các nơi khác 3, người Hà Nội đoạt Á Nguyên. Kể từ khóa này có thêm thí sinh tỉnh Phan Rang (tức Ninh Thuận).

19- Khoa Bính Ngọ (1906), Thành Thái thứ 18, lấy đậu 24 người. Bình Định 12, chiếm cả Giải nguyên lẫn Á Nguyên. Quảng Ngãi 3. Phú Yên 3. Khánh Hòa 2. Bình Thuận 1. Các nơi khác 3.

20- Khoa Kỷ Dậu (1909), Duy Tân thứ 3, lấy đậu 16 người. Bình Định 7, chiếm cả Giải Nguyên lẫn Á Nguyên. Quảng Ngãi 2. Phú Yên 1. Ninh Thuận 2 (tỉnh mới lập, từ năm 1901 đến 1913). Bình Thuận 1. Các nơi khác 3.

21- Khoa Nhâm Tý (1912), Duy Tân thứ 6, lấy đậu 18 người. Bình Định 8, có Á Nguyên. Quảng Ngãi 5, có Giải Nguyên. Khánh Hòa 1. Ninh Thuận 1. Các nơi khác 3.

22- Khoa Ất Mão (1915), Duy Tân thứ 9, lấy đậu 18 người. Bình Định 10, có Giải Nguyên. Quảng Ngãi 1. Phú Yên 3, có Á Nguyên. Các tỉnh khác 4. Tỉnh Ninh Thuận giải thể, thí sinh lại nhập vào hai tỉnh Khánh Hòa và Bình Thuận.

23- Khoa Mậu Ngọ (1918), Khải Định thứ 3, lấy đậu 12 người. Bình Định 2. Quảng Ngãi 4, có Giải Nguyên. Phú Yên 2. Các nơi khác 4, người Quảng Nam đoạt Á Nguyên.

Trên danh nghĩa, trường thi Bình Định đã đóng góp cho nền Hán học 23 khóa thi Hương, nhưng trên thực tế chỉ có 22 lần thi tại trường Bình Định. Vì lần thi cuối cùng, khoa Mậu Ngọ (1918), sĩ tử miền này phải vác lều chõng ra Huế để thi trường Thừa Thiên. Nhưng danh sách thí sinh, hạng ngạch lấy đậu và bảng trúng tuyển đều lập riêng, không dính dự gì đến sĩ tử trường Thừa Thiên.

Số chỉ định trúng tuyển cử nhân ở trường thi Bình Định, mỗi khóa 13 người. Quy định ấy, giữ đúng được 3 khóa đầu, kể từ lần thứ 4, tức khoa Đinh Mão (1867), không còn tuân thủ nữa.

Tổng kết, trường thi Bình Định đã cung cấp cho đất nước 355 cử nhân Hán học. Trong đó, Bình Định 186 người, có 12 Giải Nguyên và 10 Á Nguyên. Quảng Ngãi 104 người, có 11 Giải Nguyên và 9 Á Nguyên. Phú Yên 22 người, 1 Á Nguyên. Khánh Hòa 7 người. Ninh Thuận 3 người. Bình Thuận 11 người, có 1 Á Nguyên. và sĩ tử các vùng khác cư ngụ trong vùng này đậu 22 người. Đó là trường hợp con của các quan theo cha đến lý sở, công chức đang làm việc.

Những người đậu cử nhân trẻ nhất của trường Bình Định là các ông: Văn Vĩ người thôn Hữu Pháp, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định, đậu hạng 12 khoa Mậu Ngọ (1918) lúc 16 tuổi. Rồi đến Trần Quý Hàm người thôn Tri Thiện, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đậu Á Nguyên năm Bính Ngọ (1906) lúc 18 tuổi. Và Nguyễn Thuyên, người thôn Nam An, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đậu thứ 20 khoa Bính Ngọ (1906) lúc 20 tuổi.

Những người lớn tuổi nhất còn vác lều chõng đi thi và đậu cử nhân ở trường thi Bình Định là các ông: Phan Hành người thôn Biểu Chánh, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đậu hạng 8 ở khoa Quý Mão (1903) lúc 55 tuổi. Võ Văn Quy người huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đậu hạng 4 ở khoa Giáp Ngọ (1894) lúc 53 tuổi, và Đinh Hữu Quang người thôn Hưng Lạc, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đậu hạng 13 cũng khoa Giáp Ngọ lúc 52 tuổi.

Trường thi Bình Định cũng có những khoa thi mà danh sách thí sinh trúng tuyển khi bộ duyệt lại, phải thay đổi ở giờ chót, hoặc bị truất bớt, hoặc được thêm vào. Xem ra việc chọn người trúng tuyển ngày xưa rất cẩn trọng, phải qua hai lần duyệt xét, ở trường thi và ở trung ương mới được chính thức đậu.

- Bộ truất vì có bài bị điểm liệt: Khoa thi Mậu Thìn (1868), trường thi Bình Định do Bộ chánh Quảng Yên là Lê Hữu Tá làm chánh chủ khảo, Toàn tu sử quán Phạm Quý Đôn làm phó chủ khảo, đã lấy 18 người vào bảng cử nhân. Bộ duyệt lại thấy Nguyễn Lương, Phạm

Khởi và Lê Văn Cơ có bài bị điểm liệt, nên chỉ cho đậu tú tài. Bảng cử nhân chỉ có 15 người chính thức đậu.

- Bộ truất vì không có bài được điểm bình trở lên: Khoa thi năm Bính Tý (1876) ban giám khảo trường Bình Định lập danh sách trúng tuyển là 15 người. Bộ duyệt lại, truất ba người cuối bảng cử nhân là Nguyễn Bá Đệ, Trịnh Hữu Bằng và Trần Quang Khởi, chỉ cho đậu tú tài, vì thấy trong quyển thi không có điểm ưu hoặc bình.

- Bộ đánh hỏng vì bài trùng nhau: Việc xét duyệt ở bộ, không chỉ thông qua ở các số điểm ban giám khảo đã cho, mà còn xét rất kỹ từng bài thi. Chẳng hạn, ở khoa Kỷ Dậu (1909), trường Bình Định do Tham tri bộ Học Đặng Như Vọng làm chánh chủ khảo và Tế Tửu Quốc Tử Giám Trần Tấn Ích làm phó chủ khảo, lấy đậu 18 người. Bộ duyệt thấy bài kỳ nhất (môn văn sách) của Lê Toại (đậu thứ 15) và Đoàn Văn Mân (đậu thứ 17) có ba bài trùng nhau và ba bài nhiều đoạn giống nhau nên đánh rớt cả hai.

- Bộ truất vì bài thi có dấu lạ: Khoa thi Nhâm Tý (1912), Tham Tri Bộ Lại Trần Trạm và Đốc học trường Hậu bổ Nguyễn Duy Tích được cử làm chánh, phó chủ khảo trường Bình Định, đã xếp Trần Tuân vào bảng cử nhân và Vũ Liêm Sơn vào bảng Tú tài. Bộ duyệt lại, thấy quyển thi kỳ nhất của Trần Tuân, trong bài văn sách thứ tư ở trên chữ "đệ" có một dấu mực. Theo luật trường thi, phạm phải lỗi thiệp tích, tức là lỗi làm dấu bài để thông đồng với giám khảo. Dù là vết mực vô tình cũng qui tội, nên bộ giáng Trần Tuân xuống bảng tú tài. Nhưng không phải lúc nào bộ cũng tìm cách bắt lỗi thí sinh mà ban giám khảo không thấy hoặc đã bỏ qua. Bộ còn duyệt xét vớt, hoặc ân giảm vài trường hợp:

- Bộ vớt vì có một bài điểm cao. Đó là trường hợp của Vũ Liêm Sơn ở khoa Nhâm Tý (1912) điểm hạn ngạch chỉ được đậu tú tài, nhưng kỳ thi chữ Pháp có điểm trội hơn những người tú tài khác, nên bộ vớt lên cho đậu cuối bảng cử nhân.

- Bộ còn gia ân cho trường hợp của Phạm Thiếu Am, huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận, thi khoa Kỷ Dậu (1909). Bài làm kỳ thứ 3 và kỳ phúc hạch (kỳ 4), chữ viết không giống nhau, nghi là có kẻ làm dùm bài. Nhưng được biết đương sự vừa thi xong thì ngã bệnh, sau khi nghe tin đậu thứ 16 thì bệnh trở nặng và đã chết, nên bộ gia ân miễn xét, vẫn để cuối bảng cử nhân y như ban giám khảo đã xếp hạng.

TRƯỜNG THI TRONG LỊCH SỬ

Trước tình thế căng thẳng của đất nước, Pháp luôn luôn tìm cơ để chiếm nốt 3 tỉnh Miền Tây Nam kỳ, trong cuộc họp các quan đại thần vào những ngày đầu năm Ất Sửu (tháng 2-1865), triều đình quyết định bỏ hẳn ý định dành lại 3 tỉnh miền Đông. Từ nay chỉ dồn lực lượng giữ các tỉnh còn lại.

Đáp ứng với nhu cầu quốc phòng, tháng giêng năm Đinh Mão (1867), Tự Đức thứ 20, trường thi Bình Định bắt đầu mở khoa thi Hương võ. Địa điểm thiết lập trường thi Hương võ không xa với trường thi Hương văn, chỉ cách ba thôn về phía Tây và vẫn nằm bên hữu ngạn nam phái sông Côn. Đó là thôn An Thành, cùng tổng, huyện với thôn Hòa Nghi (thị Hương văn), nhưng nay An Thành thuộc xã Nhơn Lộc. Địa bàn thu nhận thí sinh Hương võ của trường cũng từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận và cũng theo lệ 3 năm một lần mở khoa thi. Như vậy chỉ sau Hương văn 3 khoa, Hương võ Bình Định cũng đã cung cấp cho đất nước nhiều võ quan trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng. Trường thi Bình Định lại một lần nữa không hổ danh, vì đã xây cất từ miền đất mang truyền thống thượng võ:

*Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định múa roi, đi quyền.*

Thế rồi, khoa thi Hương năm Ất Dậu (1885), các trường thi khác chưa đến ngày mở khoa, duy có trường Bình Định đang thi, bỗng nghe hung tin kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi bỏ chạy. Hội đồng giám khảo quyết định tiếp tục thi cho xong. Tuy nhiên tinh thần sĩ tử không còn hăng hái nữa. Bảng đã yết kết quả kỳ nhất, thí sinh Quảng Ngãi vẫn kéo nhau ra về hết, chỉ còn lại sĩ tử Bình Định và một số ít các tỉnh khác còn nán lại, tiếp tục thi. Vào phúc hạch chỉ có 8 người đều đậu cả.

Biến cố ở kinh đô đã kích thích lòng yêu nước của các sĩ tử. Bài Vịnh Sĩ Tử ở trường thi Bình Định của tân khoa Mai Xuân Thưởng đã phản ánh rõ nét:

*Cửa trường tiếng dạ vẫn còn hơi
Cờ nghĩa treo lên đã ngất trời
Đạo trọng vua tôi mình dám quản
Oán hờn người Pháp có voi đâu
(Khuyết danh dịch)*

Vậy, Mai Xuân Thưởng là ai, đã để lại những gì trong trang sử chống ngoại xâm của nước nhà? Nhớ lại, khoa thi năm ấy, trường thi Bình Định do Bố Chánh Quảng Nam BùiTiến Tiên làm chánh chủ khảo nằm mộng thấy một bà lão đem biếu ông một cành mai mà chỉ có một bông nở to, nhụy vàng cánh trắng, tỏa hương dịu dàng thơm phức. Quan đỡ lấy nhành mai, đoá hoa độc nhất ấy rụng vào nghiên son và bà lão biến mất. Tỉnh dậy, ông suy nghĩ mãi về điềm mộng ấy. Ông bèn xem trong danh sách trúng tuyển cử nhân thấy có một người họ Mai, đó là Mai Xuân Thưởng. Xem lại quyển thi, quả thấy văn chương có khí phách, đoán rằng người này sẽ làm nên nghiệp lớn.

Ngày xướng danh, quan Chánh Chủ Khảo mời riêng Mai công vào phòng, nhắn nhủ: "Lúc này nước nhà còn hay mất, phần lớn là do nơi đám sĩ phu. Làm việc phải hết sức thận trọng".

Khi ban áo mào cho các vị tân khoa, quan chánh chủ khảo tặng một bài thơ:

*"Sơn hà phong cảnh dị tiền niên
Hoành giám du khan thử địa huyền
Hận mãn xương môn trần ám ngoại
Lệ linh văn viện bút đình biên
Lịch triều giáo dục ân như hải
Bát giải thanh danh phẩm thị tiên
Nhất dự y quan nan tự hủy
Cương thường khán thử cổ anh hiền"*

Bản dịch trong Non Nước Bình Định:

*"Non sông xưa đã khác rày
Gương "hoành công khí" nơi này còn treo
Cửa Ròng hận ngất trần hiêu
Bút hoa tuông lệ tiêu điều viện văn
Lịch triều lai láng biển ân
Dụ hàng bát tuần thêm phần thanh cao*

*Áo xiêm trót đã buộc vào
Cương thường noi dấu anh hào nghìn xưa"*

Việc quan Chánh Chủ khảo năm mộng, viết theo Quách Tấn, chỉ là chuyện tương truyền. Có điều chắc chắn là sau khi lãnh áo mào Cử Nhân vinh qui bái tổ về làng, Mai Xuân Thường bắt tay ngay vào việc mộ quân ứng nghĩa và nhanh chóng trở thành một lãnh tụ tài ba của Phong Trào Cần Vương tỉnh Bình Định.

Hai mươi năm sau, 1905, trường thi Bình Định lại xảy ra một sự kiện cũng liên quan đến lịch sử, không những hâm nóng bầu nhiệt huyết của các sĩ tử ở Bình Định mà còn là "một tiếng sét đánh vang lòng cả nước" (lời Huỳnh Thúc Kháng), mở đầu cho phong trào Duy Tân kháng thuế ở miền Trung (1908).

Năm ấy, ba vị đại khoa của tỉnh Quảng Nam là Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, cũng là ba nhà chí sĩ cách mạng, rủ nhau vào Nam tìm đồng chí. Lúc đi ngang qua Bình Định, ông Trần có quen với Nguyễn Quý Anh, con của học giả Nguyễn Thông hiện cư ngụ tại tỉnh này nên ghé lại thăm. Nhân lúc quan Bình Định mở kỳ thi tuyển sinh, chuẩn bị cho khóa thi Hương năm tới (1906), ba nhà chí sĩ muốn dùng đề thi của quan trường làm tiếng chuông cảnh tỉnh giới sĩ tử, đánh thức họ dậy lo việc cứu nước, không nên đắm mãi trong giấc mộng khoa cử lỗi thời.

Hôm thi kỳ hai, sĩ tử đông đến sáu bảy trăm người. Viên Đốc Học Bình Định là Hồ Trung Lượng, người huyện Duy Xuyên (Quảng Nam) đậu tiến sĩ 1892, vì nhà có tang nên không thể chủ trì cuộc thi, quan đầu tỉnh phải thay thế. Nhân cơ hội ấy, ba chí sĩ giả dạng sĩ tử chen vào trường thi, chia nhau hành động. Ông Trần làm đề phú, ông Phan làm đề thơ, ông Huỳnh lo việc xem xét tình hình. Bài làm, lấy một tên chung là Đào Mộng Giác, với ý nghĩa là đã tỉnh mộng. Quan trường ra đề phú là Lương Ngọc Danh Sơn, lấy vắn "cầu lương ngọc tất danh sơn" (tìm ngọc quý ở nơi núi đẹp có tiếng) và đề bài thơ là Chí Thành Thông Thánh (lòng chí thành, thấu suốt đạo thánh), diễn ra thất ngôn bát cú Đường luật. Hai ông đã nạp quyền như bao nhiêu thí sinh khác nhưng vẫn không khai triển đầu bài, chỉ nhắm vào ý hướng khơi dậy lòng yêu nước, khuyên sĩ tử nên bỏ lối học cử nghiệp và mộng làm quan. Xong việc, cả ba vội lên đường, rời khỏi Bình Định.

Chấm quyền thi Đào Mộng Giác, quan trường sừng sốt, choáng váng nhưng không thể dấu nhem vì tin tức đã loan khắp. Các quan đàn hành phải đệ quyền thi ấy về triều và khấu đầu chịu tội. Quan đầu tỉnh giận lắm, thét lính bủa vây, buộc phải tìm cho ra thủ phạm. Khổ cho đám sĩ tử vô tội, nhất là những thí sinh họ Đào bị nghi ngờ xét hỏi đủ điều. Người ta nhắm vào nhóm họ Đào làng Vinh Thạnh (của Đào Tấn) và nhóm họ Đào làng Biểu Chánh (của Đào Phan Duân) vì hai họ Đào này có nhiều người theo Cử nghiệp. Trong khi ấy, ba chí sĩ đã vượt địa giới Bình Định, đang thông dong qua Phú Yên, trên đường vào Nam.

Sau đó, ông Trần Quý Cáp dịch ra Việt văn cả hai bài ấy, rồi nhờ ông Hồ Thanh Vân bí mật đem ra Bắc, chuyển cho Nguyễn Hải Thần để truyền bá trong đám nho sĩ Bắc Hà. Nguyên văn bài Chí Thành Thông Thái của Phan Châu Trinh:

*"Thế sự hồi đầu dĩ nhất không
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ
Bất cổ văn chương thụ mộng trung
Trường thử bách niên cam thỏa mạ
Bất tri hà nhật xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Bằng hướng tư văn khán nhất thông"*

Trần Quý Cáp dịch:

*"Ngoảnh lại giang sơn luống lảng lơ
Anh hùng râu rĩ khóc người sơ
Muôn dân tôi tớ phùng quyền mạnh
Tám vế văn chương giấc ngủ mơ
Dày mặt mĩa mai đành chịu mãi
Thoát thân trời buộc biết bao giờ
Người ta ai cũng tâm can ấy
Nghĩ đến văn này đã thấm chưa?"*

Bài thơ trên và bài phú dưới đây, hiện nay có nhiều bản dịch hay hơn bản dịch của Trần Quý Cáp, nhưng bản đầu tiên vẫn có giá trị lịch sử vì đã được các nhà chí sĩ thuở ấy bí mật phổ biến khắp nơi.

Nguyên tác bài Lương Ngọc Danh Sơn Phú có 6 vần, gồm 38 câu bằng Hán văn. Tác giả đã dịch ra Việt văn bằng thể thơ song thất lục bát, cả thảy 84 câu. Dưới đây là đoạn đầu và đoạn cuối:

*"Kìa châu Á trong vòng hoàn hải
Khi đồng bào vác nổi mây tuông
Ngắm xem một cõi dinh hoàn
Đều trông thấy kẻ lo buồn xiết bao
Việc thế sự xôn xao sóng bể
Mặt anh hùng râu rĩ non sông
Nói ra ai chẳng then thường
Sao ta cứ một cái lòng thế thôi?
Sự thấy chữ tương lai mà sợ
Còn mơ màng giấc ngủ như không
Ai ôi đứng dậy mà trông
Nước ta một góc Á Đông kém gì!
Trên Hồng Lạc dưới thì Trần Lý
Kẻ nhơn tâm sĩ khí ai bì
Kìa xem Lãnh Biểu xưa kia
Mã Nhi thuở nọ còn bia đàn rành
Một trận đánh Chiêm Thành đã khiếp
Bấy nhiêu năm Chân Lạp mở cương
Nước ta xưa vẫn phú cường
Những điều hay lạ có nường chi ai..."*

(và)

*...Việc nhơn thế thử coi mà gẫm
Vận tang thương một bóng xanh xanh
Trời Nam bể Sở mông mênh
Cái thân chích địa nghĩ mình xót xa
Nhìn thu lạnh sương sa lác đác
Cửa thần môn lén bước, bước ra
Ngắt trời một giải xa xa
Thuyền tiên trông đã vượt xa non thần*

*Bến Dịch Thủy chân ngàn đứng nghỉ
Tiễn đưa người giọt lệ chứa chan
Một lời như khóc như than
Thôi còn Lương Ngọc, Danh Sơn làm gì?"*

GÓP VÀO ĐẤT NƯỚC

Điều đáng nói là trường thi Bình Định đã đóng góp cho đất nước những anh hùng cứu nước, những nhân tài, những bậc đại khoa. Các thủ lĩnh của Phong Trào Cần Vương (1885) ở các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa hầu hết xuất thân từ trường thi Bình Định:

- Lê Trung Đình (1863-1885) đậu cử nhân thứ 17 khoa Giáp Thân (1884), người thôn Phú Nhơn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, nay thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, là lãnh tụ phong trào Cần Vương tỉnh Quảng Ngãi.
 - Nguyễn Tự Tân (?...1885), đậu tú tài, người thôn Phước Thọ, huyện Bình Sơn, cùng Lê Trung Đình và Vũ Hội dựng cờ khởi nghĩa, chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi được 5 ngày.
 - Nguyễn Duy Cung (1843-1885) đậu Á Nguyên khoa Mậu Thìn (1868), người thôn Vạn Tượng, huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, nay thuộc xã Tư Nguyên, huyện Tư Nghĩa, bỏ chức án sát Bình Định để gia nhập cuộc ứng nghĩa ở Bình Định, làm tham mưu cho nguyên Tổng Đốc Đào Doãn Dịch.
 - Mai Xuân Thưởng (1860-1887), đậu cử nhân thứ 7 khoa Ất Dậu (1885), người làng Phú Lạc, tổng Thời Hòa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, tức thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn). Ông là lãnh tụ Cần vương có óc tổ chức, có tài thao lược. Từ hai bàn tay trắng, tiếp nhận 600 quân của Đào Doãn Dịch, ông đã gây dựng một lực lượng kháng chiến hùng hậu, với các chiến khu Lộc Đồng, Linh Đồng và Hương Sơn.
 - Nguyễn Trọng Trì (1854-192), đậu cử nhân thứ 8 khoa Bính Tý (1876), người thôn Vân Sơn, tổng Thời Đôn, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, giữ chức Hiệp Trấn thứ Hương Sơn trong lực lượng Cần Vương của Mai Xuân Thưởng.
 - Võ Phong Mậu, đậu cử nhân thứ 5 khoa Quý Dậu (1873), người thôn Kiên Phụng, tổng Thời Hòa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là thôn Thuận Hạnh, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn (tức Bình Khê) tỉnh Bình Định, giữ chức Tham Trấn thứ Hương Sơn, trong lực lượng của Mai Xuân Thưởng.
 - Nguyễn Thành Phương, đậu tú tài, là thủ lĩnh Cần Vương nổi tiếng nhất của Phú Yên, bản doanh đặt tại đèo Quán Cau, thuộc huyện Tuy An.
 - Nguyễn Khanh, đậu tú tài, cùng với Trần Đường, Trịnh Phong ứng nghĩa Cần Vương ở Khánh Hòa. Ông được phong Tán Tương Quân Vụ, đóng quân tại trung tâm tỉnh, lo việc tuyển quân và tiếp tế lương thực cho hai mặt trận phía bắc và phía nam của tỉnh. Đến phong trào Duy Tân, chống sưu kháng thuế ở miền Trung năm 1908, các thủ lĩnh và ban chỉ đạo của phong trào phần lớn đều xuất thân từ trường thi Bình Định.
- Ở Quảng Ngãi, các cử nhân đã lãnh đạo phong trào tại tỉnh nhà gồm có:
- Nguyễn Sực (?...1916) đậu thứ 9 khoa Quý Mão (1903), người thôn Hồ Tiểu, huyện Chương Nghĩa, nay là xã Tư Nguyên, huyện Tư Nghĩa. Án khổ sai 9 năm, đày Côn Đảo. Năm 1916, tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân, việc bại lộ, ông tự sát trong ngục (1)
 - Lê Đình Cẩn (1870-1914), đậu thứ 3, cùng khoa với Nguyễn Sực. Người thôn Hòa Vinh, huyện Chương Nghĩa, nay thuộc huyện Tư Nghĩa. Án đày Di Lãng, rồi Côn Đảo.

- Nguyễn Đình Quẩn, đậu thứ 14 khoa Đinh Dậu (1897), người thôn Phong Niên, tỉnh Quảng Ngãi. Án chém nhưng cải đày Côn Đảo và chết ở đó.

- Nguyễn Mân, đậu thứ 15, cùng khoa với Nguyễn Đình Quẩn, người thôn Kim Giao, tỉnh Quảng Ngãi. Án đày Côn Đảo.

Các tú tài tham gia tích cực phong trào tại tỉnh nhà gồm có:

Phạm Chăm và Nguyễn Tuyên, án khổ sai 9 năm đày Côn Đảo; Nguyễn Thoa, án khổ sai 9 năm; Trần Kỳ Phong (1873-1941) bị đày Côn Đảo.

Ở Bình Định các cử nhân lãnh đạo phong trào gồm có:

- Hồ Sĩ Tào (1869-1934), đậu thứ 3 khoa Tân Mão (1891), rồi năm Giáp Thìn (1904) đậu Tiến sĩ. Người làng Hòa Cư, tổng Thời Đôn, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn. Án trăm quyết, cải trăm giam hậu khổ sai chung thân.

- Lê Chuân (còn gọi là Truân, Quốc Triều Hương Khoa Lục, bản dịch), đậu Giải Nguyên khoa Bính Ngọ (1906), lúc 23 tuổi, người thôn Thanh Lương, tổng Trung, huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, nay thuộc huyện Hoài Ân. Án xử 100 trượng, đày 3.000 dặm, cải khổ sai 9 năm.

- Nguyễn Du, đậu thứ 6 khoa Đinh Dậu (1897), người thôn Đại Thuận, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (2). Bị cách hết phẩm hàm chỉ còn bằng cử nhân.

Các tú tài tham gia phong trào gồm các ông: Bùi Phiên Dự, thôn Hòa Cư; Đặng Thành Tích, thôn Đại Bình đều thuộc huyện An Nhơn; Nguyễn Phát, thôn Dương Liễu và Lê Cương thôn An Lương huyện Phù Mỹ đều bị quan tỉnh Bùi Xuân Huyền đề nghị mức án từ giam hậu đến phạt trượng rồi đày Côn Đảo.

Trường thi Bình Định còn công hiến một danh nhân văn hóa: Đào Tấn (1845-1907), đậu cử nhân thứ 8 khoa Đinh Mão (1867), người thôn Vinh Thạnh, tổng Thời Tú, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước. ông vừa là nhà thơ, vừa là nghệ sĩ viết tuồng, nhà lý luận sân khấu. Nói đến nhân tài của tỉnh, người đời thường nhắc: "Bình Định có hai ông vua: Quang Trung vua Võ, Đào Tấn Vua văn".

Trường thi Bình Định cũng là nơi xuất thân của hai nhà thủy lợi:

- Đào Trọng Tráp (1876-1934), đậu cử nhân thứ 17, khoa Quý Mão (1903), người thôn Vinh Thạnh, tỉnh Bình Định. Khoảng năm 1920, khai tạo Khẩu Tư còn gọi là khẩu mới. Lưu Phạt Tĩnh ở thôn Phú Mỹ xã Phước Lộc đem nước vào đồng ruộng mênh mông của hai xã Phước Lộc và Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước. Từ đấy cánh đồng trở nên trù phú, cấy được hai vụ, khỏi phải cầu mong nước trời.

- Đặng Cao Đệ (1869-?) đậu cử nhân thứ 9 khoa Canh Tí (1900) người thôn Kỷ Sơn, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Khoảng năm 1930, ông cùng Quang Lộc Tự Khanh Đào Trọng Tráp (Vinh Thạnh) và nhân sĩ Tô Văn Phong (thôn Công Chánh, xã Phước Nghĩa) đắp phân thủy bờ bạn Thông Chín ở làng Tân Lộc (xã Phước Lộc), lấy nước dòi dào cho các khẩu trên bờ bạn.

Trường thi Bình Định còn là nơi xuất thân của các nhà canh tân ngấm ngầm hoài bão làm giàu đất nước, mở mang dân trí, giúp học sinh giỏi của tỉnh nhà du học. Họ lập ra Phước An thương hội, qui tụ các nho sĩ Bình Định:

- Lê Doãn Sần (1877-?), đậu cử nhân thứ 7 khoa Nhâm Tí (1912), người thôn An Cửu, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, giữ chức Hội Trưởng.

- Trần Trọng Giải (1884-1946), đậu tú tài khoa Ất Mão (1915), người thôn Cảnh Vân (nay là Cảnh An) xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, giữ chức Hội Phó.

- Tú tài Lâm Thúc Mậu ban kiểm soát, cử nhân Đào Trọng Tráp hội viên cổ đông.

Trường thi Bình Định còn cống hiến cho đất nước một nhà giáo nổi tiếng: Nguyễn Diêu, đậu tú tài khoa Tân Dậu (1861), người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, người đời thường gọi là cụ Tú Nhơn Ân. Danh nhân Đào Tấn đã nhắc thầy qua bài Sơ Thu Vãng Yết Nghiệp Sư Nhơn Ân Nguyễn Tiên Sinh Sơn Phần Cảm Thuật (Đầu thu, viếng mộ Nguyễn tiên sinh thầy dạy nghề ở Nhơn Ân, cảm xúc viết ra)

*"Thu khí bán sơn hoàn cổ mộ
Xuân phong nhất nguyệt (3) ức tiên sinh
Cần khôn nộ tán qui lai vãn
Không phụ ngô sư hồi nhữ tình"*

Việt Thao dịch:

*"Mộ cổ thu quyện núi đồi
Nhớ thầy, nhớ thuở gió xuân ơi
Đất trời diên đảo nhưng về muộn
Làm phụ thầy ta đã dặn rồi"*

Sau cùng trường thi Bình Định cũng là nơi khởi đầu của các bậc đại khoa như:

- Kiên Tông, còn gọi là Kiên Lâm (1825-?) đậu Á Nguyên khoa Ất Mão (1855), người thôn An Đại, huyện Chương Nghĩa (nay là Nghĩa Hành) tỉnh Quảng Ngãi. Đậu tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1862), làm quan tới chức Bang Biện Ngãi Định.
- Phan Văn Hành (1847-?) đậu Giải Nguyên khoa Bính Tí (1876), người thôn Thuận Phước, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đậu Phó bảng khoa Đinh Sửu (1877), chưa kịp làm quan.
- Đỗ Duân (1869-?) đậu Á Nguyên khoa Tân Mão (1891), người thôn Châu Sa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Đậu Hội Nguyên Tiến Sĩ khoa Ất Mùi (1895). Cháu nội của Phó bảng Nguyễn Đăng Đệ.
- Hồ Sĩ Tạo, đã nói ở phần trên.
- Đào Phan Duân (1864-1947) đậu cử nhân thứ 6 khoa Giáp Ngọ (1894), người thôn Biều Chánh, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. đậu Phó bảng năm Ất Mùi (1895) lúc 31 tuổi. Làm quan đến chức Tuần Phủ, lấy đức giáo hóa dân, không chịu sự xúc phạm của viên Công Sứ Khánh Hòa, ông cãi lại rồi xô ghế bỏ quan về nhà, sáng lập Phước An thương hội, giữ chức cổ vấn tối cao.

SĨ TỬ TRANH TÀI

Mặc dù thường xuyên có sĩ tử của năm tỉnh dự thi, nhưng chỉ có Quảng Ngãi và Bình Định tranh nhau thủ khoa. Suốt ba khoa thi đầu là Nhâm Tí (1852), Ất Mão (1855) và Mậu Ngọ (1858), Giải Nguyên đều về tay người Bình Định, đó là Cao Văn Tuấn, người thôn Thắng Công, huyện Tuy Viễn (khoa 1); Nguyễn Đăng Tuyển, người thôn Chánh Trạch, huyện Phù Mỹ (khoa 2); Nguyễn Đức Lộc, người thôn Xuân An, huyện Phú Cát (khoa 3). Sự bất quá tam, Bình Định đoạt thủ khoa 3 lần, trong khi Quảng Ngãi cổ tranh sát nút nhưng chỉ đậu Á Nguyên ba lần; đó là Phan Văn Diên, người thôn An Thổ, huyện Mộ Đức (khoa 1); Kiêu Tông, người thôn An Đại, huyện Chương Nghĩa (khoa 2); Phạm Thúc, người thôn Trà Bình, huyện Bình Sơn (khoa 3). Sự việc ấy còn ghi lại trong câu ca dao của vùng:

*"Tiệc công Quảng Ngãi đường xa
Để cho Bình Định thủ khoa ba lần"*

Đến khoa Đinh Mão (1867), Bình Định chẳng những đoạt cả Giải Nguyên, Á Nguyên, đó là Lê Đăng Đệ và Nguyễn Tạo cùng ở huyện Phú Cát, mà còn chiếm liên tục đến hạng 8; Quảng Ngãi chỉ chen được vị thứ 9, rồi liên tục từ 10 đến 13 lại là người Bình Định, lập thành tích Bình Định 14, Quảng Ngãi 4.

Bị thua liên tiếp 4 khoa, sĩ tử Quảng Ngãi quyết tâm vùng lên. Họ đã thành công rực rỡ ở hai khoa liền (5 và 6) mang lại vinh dự cho tỉnh nhà. Đó là khoa Mậu Thìn (1868), Nguyễn Luật, người thôn Mỹ Khê, huyện Bình Sơn đoạt Giải Nguyên và Nguyễn Duy Cung người thôn Vạn Tượng, huyện Chương Nghĩa chiếm Á Nguyên. Tiếp khoa Canh Ngọ (1870), Trương Đăng Tuyển người thôn Phú Nhơn, huyện Bình Sơn và Phạm Viết Duy người thôn Chánh Mông, huyện Chương Nghĩa đoạt cả giải nhất nhì và Quảng Ngãi còn vượt trội tỷ số đậu. Lúc bấy giờ ca dao có câu:

*"Tiệc công Bình Định xây thành
Để cho Quảng Ngãi vô danh thủ khoa"*

Trong các khoa thi của trường thi Bình Định, hai khoa Tân Mão (1891), lần thứ 14 và Giáp Ngọ (1894) lần thứ 15 là vui vẻ nhất vì cả năm tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận (lúc đó chưa lập tỉnh Ninh Thuận) đều có người thi đậu cử nhân, còn hai giải nhất nhì chia đều cho Bình Định và Quảng Ngãi. Dù vậy vẫn có câu: "Một tỉnh Khánh Hòa không bằng một nhà Hưng Lạc", bởi khoa Giáp Ngọ (1894), ở Bình Định tại thôn Hưng Lạc (nay thuộc xã Mỹ Thành) huyện Phù Mỹ có nhà họ Đinh, cha con cùng thi và cùng đậu cử nhân. Cha là Đinh Hữu Quang, 52 tuổi, đậu thứ 13. Con là Đinh Trọng Cát, 22 tuổi, đậu thứ 15; cũng khoa đó, Khánh Hòa chỉ đậu có 1 người, ở hạng thứ 19 là Phạm Tấn, người huyện Tân Định.

Những câu ca dao trên phản ánh phần nào tinh thần tranh đua của thời xưa; không những họ tranh đua trong khoa cử, mà còn cả tranh luận văn chương để thử tài nhau.

Theo Non Nước Bình Định của Quách Tấn, một hôm trong quán nước, ông tân khoa Quảng Ngãi gặp ông thủ khoa Bình Định, liền buông lời trêu chọc. Nhân trong quán có thờ Cửu Thiên Huyền Nữ (vị nữ thần đời thượng cổ Trung Hoa đã dạy binh pháp) trước trang thờ có câu đối "Trạc trạc khuyết linh, Dương dương tại thượng", vị tân khoa liền quay về phía vị thủ khoa, ra câu đối: "Trạc trạc khuyết linh, anh thấy em xinh, dương dương hồ tại thượng". Vế ra này vừa mượn cảnh vừa mượn chữ sẵn có trước mặt, đòi hỏi vế đối cũng phải thỏa các điều kiện ấy nên không dễ gì trong phút chốc mà đối được. Liền khi ấy, một người khách đang ngồi trong quán lên tiếng: "Tôi là kẻ thi rớt mà còn thấy câu đối ấy quá dễ, không xứng tài của ngài thủ khoa, nên tôi xin đối thế". Nói xong, người ấy hỏi chủ quán đem món nhậu ra để gọi hứng, vừa để tạo cảnh, tạo chữ cho vế đối. Chủ quán vội chạy đi lấy rượu và gọi vợ bưng đồ nhậu lên gấp. Người vợ ở trong bếp, nghe tiếng chồng hỏi thúc, liền dạ lớn để chồng yên tâm. Tiếng "dạ" vừa dứt, người "thi rớt" liền ứng khẩu đối ngay: "Cấp cấp bất hạ, chồng kêu vợ dạ, đản đản kỳ nhiên tại". Vừa nghe xong vế đối, vị tân khoa sững sốt, nhìn kỹ lại, đoán biết ngay người ấy không ai khác hơn là Phạm Trường Phát, một danh sĩ của Bình Định. Quả thật ông thi rớt nhiều lần, không phải vì học kém mà chính bởi hay chữ quá thành công sĩ. Khoa nào ông cũng đi thi, làm bài xong, đọc lại thấy đoạn nào vừa ý, lấy bút khuyen trước "chứ để quan trường không khuyen uổng" Thành ra quyền thi đầy lỗi thiệp tích, làm sao đậu được!

MỘT THỜI ĐÃ QUA

Những ngày huy hoàng của nền Hán học rồi cũng tắt. Ngày 21-12-1917, Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut ra nghị định ban hành "qui chế chung về ngành giáo dục ở Đông Dương", thường gọi là "học chính tổng qui", áp dụng nền giáo dục Pháp Việt trên toàn cõi Đông Dương. Ở miền Bắc, sau khoa Ất Mão (1915) là chấm dứt nền Hán học. Còn ở miền Trung, gắng gượng một kỳ thi Hương nữa, tức khoa Mậu Ngọ (1918) rồi cũng vĩnh viễn cáo chung. Trường thi Bình Định mới có 68 tuổi đời (1850-1918) chịu chung số phận như các trường thi khác!

Đã một thời, trường thi này cũng cờ long rợp trời, đi đầu là cờ biển vua ban, biểu tượng cho quyền hành và chức vụ của Hội Đồng Giám Khảo. Có hai thớt voi đi kèm đầy đủ yên bệ, đoàn quân nhạc rập rình xen lẫn tiếng trống công, vang dội một vùng. Các quan trường triều phục chỉnh tề ngồi trên kiệu, có lính hầu, tàn che long rũ. Còn sĩ tử từ nửa đêm đã vác lều chõng đứng đợi gọi tên vào vi dành cho thí sinh.

Ngày xướng danh còn long trọng hơn nữa. Trên khán đài có đủ mặt hội đồng quan trường và các quan lớn nhỏ thuộc vùng đến dự. Các sĩ tử cùng thân nhân bè bạn đến nghe xướng danh đứng chật khán đài. Trên chòi cao, vị truyền lệnh sứ bắc loa gọi từng người đậu cử nhân, đủ cả tên họ, tuổi tác, quê quán. Từ trong đám đông, vị tân khoa lên tiếng "dạ" lớn, lách mình tiến đến trước khán đài trình diện để được ban áo mão cân đai và tàn long trước sự trầm trồ ngưỡng mộ của mọi người.

Nếu trong lễ xướng danh, tân khoa được rạng rỡ tại trường thi, thì lễ vinh qui bái tổ lại được mở mây mở mặt tại quê nhà. Theo lệ, người đậu tú tài được cấp làng đón rước, đậu cử nhân được hàng tổng đón rước. Khi về tới địa giới của quê quán, tân khoa được hàng chức sắc và dân chúng ứng trực sẵn đưa về tận nhà. Đám rước đông đảo, long trọng, cờ mở trống giông, tiền hô hậu ủng, "ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau".

Thi đậu, không những bản thân vị tân khoa được vinh dự mà thầy dạy học, cha mẹ, vợ con và họ hàng cũng được vẻ vang, đúng với câu "dương thanh danh, hiển phụ mẫu". Vì vậy, sự mến chuộng học hành đã trở thành truyền thống của dân tộc. Quan niệm "nhất sĩ nhì nông" đã ăn sâu vào lòng người, thể hiện qua câu ca dao:

*"Chẳng tham ruộng cả ao liền
Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ"*

Dân chúng cũng trọng khoa (thi đậu, học vị) hơn hoạn (làm quan) như trường hợp ông cử nhì Trần Đình Thoại (tức Trần Đình Phú) ở làng Thậu Thái (xã Nhơn An, huyện An Nhơn) nhà có hai anh em đều đậu cử nhân, ông đậu Á Nguyên khoa Nhâm Tý (1912) nhưng từ chối không ra làm quan dưới thời Pháp thuộc. Tuy vậy, dân chúng vẫn nhất mực xin gọi bằng quan và được nhà họ Lê, giàu có danh giá nhất làng Thanh Giang (xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn) kêu gả con với của hồi môn 100 công cấy ruộng.

Thời ấy, mỗi khoa thi kéo dài hơn một tháng trời, người đi thi, kẻ đi xem, thêm gia nhân và quyền thuộc lên đến hàng vạn người. Quán xá tuy chỉ dựng tạm thời nhưng rộ như nấm mọc. Trong những ngày ấy, con đường từ xã Nhơn Hòa về thành Bình Định đến chợ Gò Chàm qua lồi bến đò Trường Thi trở nên phức tạp. Chàng trai phải đưa người yêu của mình tới tận bến sông, đợi nàng bước lên đò mới yên tâm trở về nhà, vì:

*"Đưa em cho tới bến đò
Kẻo em thơ dại, "học trò" phỉnh em"*

Đó là khúc sông ôm choàng lấy thôn Hòa Nghi một đoạn hình vòng cung trên dòng nam phái sông Côn, có tên Trường Thi với bến đò Trường Thi cát trải vàng óng, nước sông trong xanh, đò ngang thưa khách. Phong cảnh nên thơ ấy đã gợi cảm hứng cho nhà thơ Yên Lan (quê ở thành Bình Định) sáng tác bài Bến My Lăng, một thời nổi tiếng:

*"Bến My lăng nằm không thuyền đợi khách
Rượu hết rồi ông lái chẳng buồn câu
Trăng thì dày rơi vàng trên mặt sách
Ông lái buồn để gió lên hôn râu.."*

Thời huy hoàng ấy đã qua rồi! Dấu vết Trường thi Bình Định cũng đã phai mờ theo năm tháng. Các vị cử nhân và tú tài Hán học xuất thân từ trường này, dù ở khoa cuối cùng, cũng không một ai còn sống. Ngày nay, nếu không có người chỉ dẫn, không ai có thể biết được nơi đây, ngày xưa, chỉ mới 70 năm trước, còn là một cái nền khổng lồ vuông vức và cứ mỗi ba năm một lần, triều đình tập hợp thí sinh 6 tỉnh về đây để tuyển chọn hiền tài.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG
Đặc san CƯỜNG ĐỀ & NỮ TRUNG HỌC QUI NHƠN 1999
Source : <http://lebichson.org>